

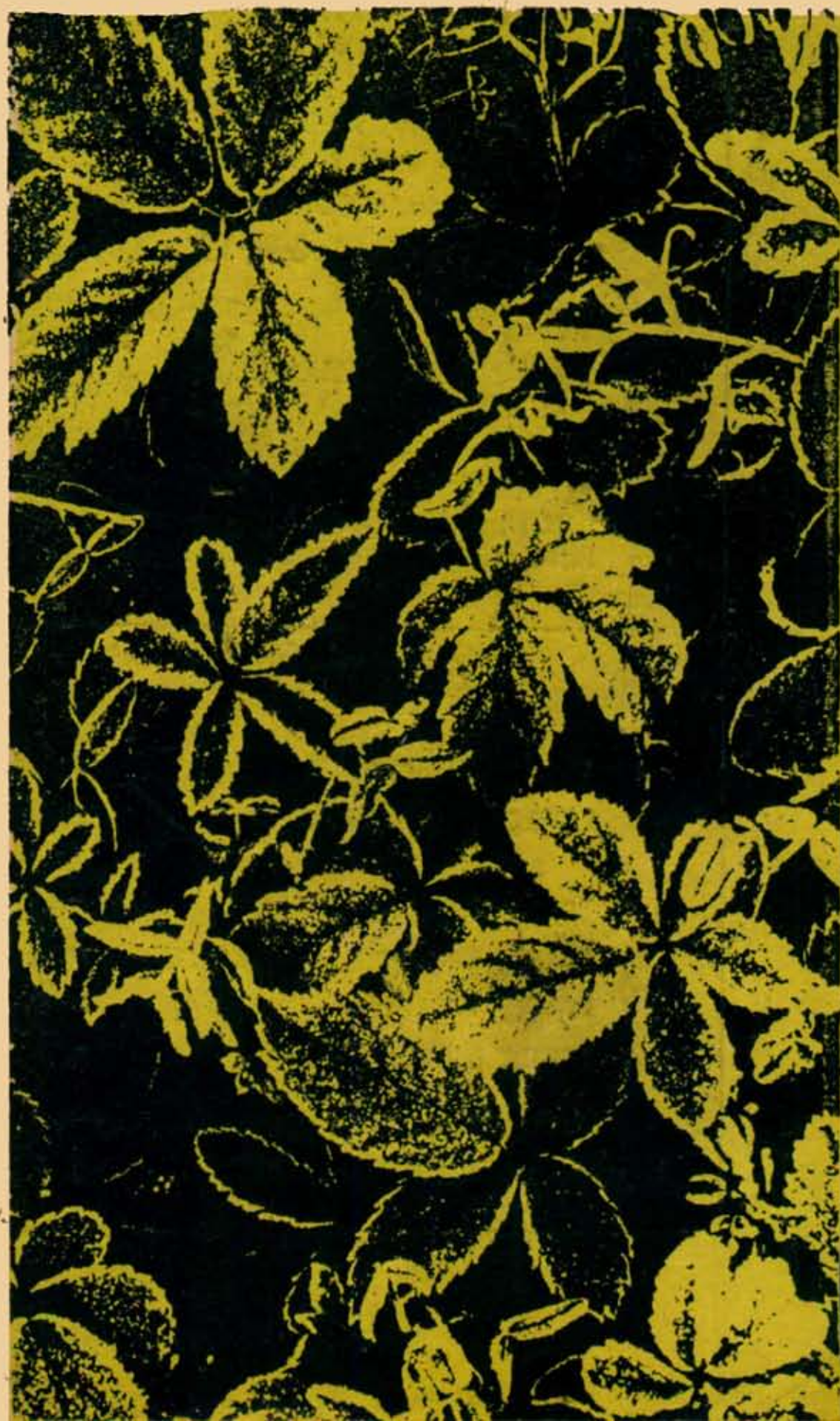
G I A I P H A M

BACH KHOA

- Tham vọng ngoại giao của Kissinger
- Cuộc giải phẫu đầu tiên ở V.N. dùng *châm thuật gây tê*.
- Đối thoại về kinh tế V.N
- Quan niệm sáng tác của *họa sĩ Phạm Tăng*.
- Cuộc đời và tư tưởng của *Lorentz* nhà *phong-tục-học* giải Nobel 73
- Lão Trang và Đông-y



407



BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

1.800đ.

3.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 480đ (mỗi số 20đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 720đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 55đ.

— Ai-lao : 55đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông,
Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 105đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn,
Ấn-độ, Hồi-quốc : 155đ.

— Âu-châu, Bắc Phi

Trung Đông, Đại-dương-châu

Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 305đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 380đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	10000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

F :

TỪ MINH <i>tham vọng ngoại giao của Henry Kissinger</i>	05
NGUYỄN NHƯ <i>bên lề một cuộc đối thoại về kinh tế</i>	16
TỬ DIỆP <i>trường hợp mô bụng đầu tiên ở V. N. được thực hiện dưới sự gây tê của châm thuật</i>	20
TRẦN VĂN TÍCH <i>tư tưởng Lão Trang trong y-thuật Đông-phương : Điều dưỡng nhiếp-sinh</i>	23
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC : <i>người và thú (cuộc đời và tư tưởng của nhà phong-tục-học Konrad Lorenz, giải Nobel sinh-lý y-khoa 1973)</i>	33
PHẠM TĂNG <i>một quan niệm về xây dựng sáng tác trong Hội họa</i>	43
MINH QUÂN <i>giữa người và vật (truyện)</i>	57
MỘNG TUYẾT <i>thất tiêu muội ngày 8 tháng 2 (thơ)</i>	66
PHAN SỸ HOÈ <i>còn cấm nổi đời (thơ)</i>	67
TRẦN HOÀI THƯ <i>cánh diều trên đồng cỏ (truyện)</i>	69
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>chiến tranh hết rồi (thơ)</i>	73
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>đấu huyền (thơ)</i>	75
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư Israel</i>	77

SINH HOẠT

THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	82
THẾ NHÂN <i>tuyên ngôn, hội thảo về hạn chế sinh sản, kế hoạch gia đình</i>	83
Họa sĩ VẤN THANH <i>trình bày bìa</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 150\$ Công sở : 300\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 15-3-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— **Đông-kinh Nghĩa-thực** của Nguyễn Hiến Lê do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 204 trang trình bày rành mạch về Phong-trào Duy-tân đầu tiên ở Việt nam, in lần thứ 3, có sửa chữa và thêm nhiều, gồm 14 chương và 3 phụ lục.

— **Sống 365 ngày một năm** của Nguyễn Hiến Lê do Thanh Tân xuất bản và gửi tặng. Sách dày 166 trang in lần thứ 2 dùng tài liệu trong cuốn "How to live 365 days a year" của John A. Schindler trình bày những bệnh do xúc động gây nên và những phương pháp trị bệnh; giá 250đ.

— **Hội Hoa đàm của Phạm Thiên Thư** — **Tuệ-Mai nhuận sắc** — do Cơ sở Văn chương xuất bản và nhà thơ gửi tặng. Tác phẩm đã đoạt giải Văn học Nghệ thuật 1971 dày 520 trang gồm 1200 câu thơ lục bát thi hóa "Kinh Hiền Ngụ", với 2 bài giới thiệu của các Thượng Tọa Thích Tâm Giác, Thích Huyền Vi và tựa của Thượng Tọa Thích Thanh Kiểm. Giá 1500đ.

— Ngày xưa người tình tập thơ thứ 9 của Phạm Thiên Thư do Cơ sở Văn Chương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 62 trang gồm 53 bài thơ tình 4 chữ rất đặc sắc của tác giả. Giá 250đ.

— **Con lừa và tôi** nguyên tác của

thi sĩ Tây-ban-nha Juan Ramón Jiménez bản dịch của Bửu Ý, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 140 trang gồm 76 đoạn văn của nhà thơ kể chuyện con lừa La Rô và tác giả, nội dung thật thơ mộng. In đẹp, mỗi trang đều có hình vẽ. Giá 750đ.

— **Chiếc mặt nạ da người** tập truyện của Nguyễn Xuân Quang do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 146 trang gồm 4 truyện kinh dị, lời cuốn, in đẹp. Giá 400đ.

— **Hòa bình ta mơ thấy em** tập truyện của Nguyễn Tấn Phương do Anh Em Người-trẻ-Việt-Nam xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ tư của tác giả, gồm 4 truyện thơ mộng của tuổi trẻ, dày 146 trang. Giá 480đ.

— **Cõi niềm u u** tập thơ của Hồ Thế Phất do Bằng Hữu xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 20 trang gồm 152 câu song thất lục bát. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Thơ của Lê-Trấn Hùng-Vân** do Tình Thơ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo một mặt dày 50 trang, gồm 23 bài thơ.

Đã phát hành

tập truyện thơ mộng và thâm trầm
của tuổi trẻ:

HÒA BÌNH, TA MƠ THẤY EM

của nhà văn Không quân

NGUYỄN-TẤN-PHƯƠNG

Tham vọng ngoại-giao của Henry Kissinger

Ngay từ khi còn là một Giáo-sư về Bang giao Quốc tế tại Viện Đại-học Harvard, Henry Kissinger đã nuôi những tham vọng thay đổi bộ mặt của đời sống chính trị thế giới. Ông cho rằng trong công cuộc ổn định chính trị thế giới, Hoa-kỳ sẽ đóng một vai trò chủ động.

Năm 1969, Henry Kissinger được Tổng-thống tân cử Richard Nixon vời vào làm Cố-vấn Ngoại-vụ nên đã có dịp thực hành những ý kiến, tư tưởng mà ông từng ôm ấp. Do đó tuy không phải thuộc Bộ Ngoại-giao mà suốt trong thời gian 1969—1973 ông Kissinger đã qua mặt Ngoại-trưởng Rogers, đi khắp thế giới đề hoạt động ngoại giao. Nhờ những hoạt động không ngừng này mà năm 1972 Tổng-thống Nixon đã thực hiện được 2 chuyến công du lịch sử: sang Trung-Cộng và Nga-sô, và tình trạng hòa dịu quốc tế đã trở thành sự thật.

Nhưng không phải tham vọng của ông Kissinger chỉ có vậy mà thôi. Những thành quả ngoại giao đã thu hoạch được chỉ là những bước đầu đề tiến tới một trật tự quốc tế mới, trật tự mà Henry Kissinger coi là một lý tưởng của nhân loại, hay ít nhất lý tưởng của dân tộc Mỹ.

Lấy khởi điểm là kết quả của Hội-nghị Vienne vào các năm 1814-1815, Henry Kissinger đã nghiên cứu và suy tư về phương thức ngoại giao cần phải áp dụng để tiến tới một thế quân bình lực lượng hầu ổn định đời sống chính trị thế giới.

Nhưng hiện thời hệ-thống chính trị thế giới mà Henry Kissinger đã kiên nhẫn xây dựng từ 5 năm qua vẫn còn rất nhiều kẽ hở, thiếu sót. Và người ta tự hỏi không hiểu trong thời gian 3 năm còn lại ở chức vụ Ngoại-trưởng Hoa-kỳ, ông có đủ thì giờ để thực hiện được giấc mơ của mình hay không.

I. CÁC DỮ KIẾN LỊCH SỬ CỦA HỆ-THỐNG CHÍNH TRỊ KISSINGER

Khi còn sinh viên Henry Kissinger đã say mê một nhân vật lịch sử là Klément Metternich, Thủ tướng Áo quốc vào thế-kỷ thứ 19. Khi thi Tiến-sĩ, ông đã làm một luận-án về Metternich. Metternich đã được Henry Kissinger coi là một «mẫu» chính-trị-gia mà

người ta cần phải noi gương.

Henry Kissinger đã tôn sùng Metternich đến độ các nhà báo đã gọi ông là «Metternichsinger» và đăng những bức hí-họa với đầu Kissinger và mình Metternich.

Thực ra thì Metternich đáng là một

vĩ nhân của Âu châu. Ông đã có công ổn định đời sống Âu châu trên 30 năm trời vào đầu thế-kỷ thứ 19. Vào đầu thế kỷ trước các nước quân chủ Âu-châu đã liên tiếp sụp đổ trước bước tiến của quân đội cách mạng Pháp dưới quyền chỉ huy của Đại đế Napoléon. Áo quốc cũng không thoát được hoàn cảnh này. Sau nhiều lần bại trận trước quân đội Pháp, Áo hoàng François đã phải cầu hòa với Pháp và cử một nhà ngoại-giao trẻ tuổi là Klement Metternich sang làm Đại-sứ tại triều-đình Napoléon.

Sau mấy năm phục vụ tại Paris, Metternich đã có dịp quan sát các ưu khuyết điểm của Đế-chế (Régime Impérial) Pháp. Hơn nữa Metternich, với đầu óc thông minh siêu việt, đã hiểu rõ các ưu khuyết điểm của Napoléon. Vì vậy khi được triệu về làm Thủ-tướng Áo quốc, Metternich đã đưa ra một kế-hoạch chống Napoléon rất là tinh vi.

Giai đoạn thứ nhất của kế-hoạch hạ Napoléon là tìm cách cho Áo quốc có đủ thời giờ để chỉnh đốn quân đội. Vì vậy mà Metternich đã dàn xếp cuộc hôn nhân giữa Napoléon và công chúa Marie Louise, con gái của Áo-hoàng François. Vì Hoàng hậu Joséphine không thể có con được mà Napoléon lại cần hoàng-tử kế vị để bảo đảm ngai vàng nên Napoléon đã vui mừng đón nhận đề-nghị của Metternich. Khi vị tân Hoàng-hậu Marie Louise sinh hạ được một hoàng nam thì Napoléon hoàn toàn tin tưởng vào tình thân hữu Pháp-Áo.

Nhưng có điều Napoléon không ngờ là tuy được nhận làm con rể của Triều đình Áo-quốc nhưng với sự thúc đẩy của Metternich, Áo hoàng vẫn tìm cách liên kết với các quốc-gia kẻ thù của Pháp để tìm cách đánh bại Napoléon. Trong khi Napoléon tưởng được yên tâm về phía Áo nên dồn mọi nỗ lực vào việc tấn công Anh, thì Metternich kiên nhẫn thành lập một Liên-minh Anh, Áo, Nga, Thổ và các quốc gia nhỏ khác như các tiểu-vương quốc Đức và Thụy-điển. Âm mưu của Metternich khôn ngoan và quý quyết đến nỗi Nga-hoàng Alexandre I đang là đồng minh của Pháp bỗng trở cờ quay ra chống Pháp. Khôn khéo hơn nữa Metternich đã thuyết phục được Quốc vương Thụy-điển gia nhập Liên-minh chống Pháp. Quốc vương Thụy-điển không phải ai xa lạ mà chính là Thống-chế Bernadotte, một kiện tướng trung thành của Napoléon đến nỗi được Napoléon biệt phái sang làm vua Thụy-điển để trấn giữ miền Bắc Âu.

Sau khi Liên-minh Anh, Áo, Nga, Phổ và các tiểu-quốc khác đánh bại Napoléon, các quốc gia đồng-minh chiến thắng đã triệu tập Hội-nghị Vienne trong các năm 1814 - 1815 để ổn định tình hình Âu-châu chống lại làn sóng cách-mạng Pháp mà Napoléon là hiện thân. Trước Hội-nghị Vienne, Metternich đã cùng với Lord Castlereagh, Ngoại-trưởng Anh, thiết lập một hệ-thống quân bình Âu-châu. Thế quân-bình này dựa trên lực lượng của 4 cường quốc Anh, Nga,

Áo và Phổ. Bốn cường quốc này bao vây nước Pháp để ngăn chặn mọi âm mưu trở lại chính quyền của Napoléon và phe Cách-mạng.

Tuy 4 cường quốc này phải có lực lượng quân sự hùng mạnh để ngăn chặn làn sóng Cách-mạng Pháp, nhưng Metternich lại sợ rằng một trong 4 cường quốc đó trở nên quá mạnh để có thể làm rạn nứt thể quân-bình lực lượng được thiết lập tại Hội-nghị Vienne. Vì vậy mà Metternich đã dùng việc chia cắt các lãnh thổ chiếm được để chia cho nước này nhiều, nước kia ít và do đó gây nên một sự tị-hiền giữa các các quốc-gia đồng minh. Sự tị hiềm này đã khiến cả Anh, Nga, Phổ và Áo đều găm ghề nghi kỵ lẫn nhau và tìm cách ngăn chặn lẫn nhau. Sự ngăn chặn lẫn nhau này đã khiến cho người ta không còn dám tính chuyện tấn công võ trang nhau nữa. Đó là căn bản chính của thể quân-bình Âu-châu.

Tại nội bộ mỗi quốc-gia Âu-châu, Metternich cũng tìm cách ngăn chặn mầm cách mạng bằng cách khôi phục các chế độ quân chủ cũ đã bị cuộc Cách-mạng 1789 của Pháp quét sạch vào cuối thế kỷ thứ 18. Vì vậy mà dòng họ Bourbon trở lại ngai vàng ở Pháp và ở Tây-ban-nha, các tiểu vương Đức và Ý lấy lại được địa vị cũ. Và ngai vàng của các vị quốc vương được khôi phục này được tứ cường Anh, Nga, Áo, Phổ bảo đảm. Đó là thuyết quân-chủ chính thống (Légitimité monarchique) mà Metternich và Talleyrand, Ngoại-trưởng Pháp, đưa ra trước Hội-nghị.

Thể quân bình mà Metternich thực hiện được tại Hội-nghị Vienne đã khiến cho Âu Châu được sống trong nền hòa bình tương đối vững chắc và lâu dài. Hệ-thống «quân-bình Metternich» đã kéo dài từ năm 1815 tới khoảng năm 1865 thì bị cái mà Glóosur Kissinger gọi là «cuộc Cách-mạng trắng» làm gián đoạn. Cuộc «Cách-mạng trắng» này là chánh sách thống nhất Đức của Bismarck, Thủ-tướng Phổ. Vào khoảng từ năm 1860 trở đi Bismarck, được cử làm Thủ-tướng của nước Phổ, đã tìm đủ mọi cách để thực hiện thống nhất Đức, tức là quy tụ tất cả các tiểu vương quốc Đức thành một Đế-quốc Đức đặt dưới quyền lãnh đạo của Quốc-vương Phổ trong vai trò Hoàng-đế Đức. Với một Đế-quốc Đức hùng mạnh ở Trung Âu mầm chiến tranh đã nảy nở mau lẹ và đưa Âu-châu nói riêng và thế giới nói chung tới cuộc Đệ-nhất thế chiến.

Kissinger gọi chính sách của Bismarck là «Cách-mạng trắng» để phân biệt với cuộc «Cách mạng đỏ» của phe Cộng-sản, và cuộc «Cách-mạng đỏ» cũng là một lực lượng chính trị quốc-tế đã làm gián đoạn thể quân bình thế-giới thực hiện tại Hòa-hội Versailles năm 1919.

Đi từ các dữ-kiện lịch-sử này, Henry Kissinger đã cho rằng từ khi Đệ-nhị thế-chiến chấm dứt tới nay chính sách ngoại giao của Hoa-kỳ luôn luôn có tính cách thực dụng (pragmatique) và thiếu căn bản lý thuyết. Và cả một đời Kissinger đã đi tìm một lý thuyết cho nền ngoại giao Hoa-

kỳ. Nên khi được lên chấp chánh trong chức vụ Cố-vấn ngoại-vụ của Tổng-thống Nixon cũng như trong

chức vụ Ngoại-trưởng, Kissinger đã có dịp áp dụng những lý thuyết của mình.

II. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ CỦA HENRY KISSINGER

Nếu vào cuối thế kỷ thứ 19 cuộc «Cách-mạng trắng» đã phá vỡ thế quân bình của Metternich thì vào thời của Henry Kissinger cuộc «Cách mạng đỏ» của phe Cộng-sản đã phá vỡ thế quân bình mà Woodrow Wilson đã thực hiện tại Hòa-hội Versailles. Thật vậy, khi cuối Đệ-nhất Thế-chiến chấm dứt, Woodrow Wilson Tổng-thống Hoa kỳ, đã đích thân sang Pháp đề thương thuyết với các quốc gia đồng minh chiến thắng Anh Pháp, Ý, Nhật, nhằm mục đích tạo lập một thế quân bình mới. Thế quân bình này không những được thực hiện cho Âu-Châu mà còn cho toàn thế-thế-giới nữa. Các hòa-ước với Đức chiến bại và các đồng minh của Đức được ký kết tại Versailles, Sèvres, Neuilly, Saint-Germain, vào các năm 1919 và 1920 đã tạo ra một thế quân bình dựa trên các lực lượng của Anh và Pháp tại Âu Châu, Nhật tại Á châu và Hoa-kỳ tại Mỹ-châu. Ba lực lượng này có nhiệm vụ giới hạn lẫn nhau để bảo đảm một nền hòa bình lâu dài. Nhưng sau cuộc chiến tranh thế giới thứ 2, thế quân bình này đã hoàn toàn bị tan vỡ vì sự suy yếu của Anh và Pháp tại Âu châu và Nhật tại Á châu. Một thế quân bình khác đã xuất hiện giữa Mỹ và Nga. Nhưng đây chỉ là một thế quân-bình mỏng manh vì phe Cộng-sản luôn luôn tìm đủ mọi cách để thôn tính

thế-giới tự do. Trách-nhiệm bảo vệ và duy trì hòa bình đã do Hoa-kỳ đảm nhiệm từ gần 30 năm qua.

Từ khi Đệ-nhị thế-chiến chấm dứt tới nay người ta thấy Hoa-kỳ chỉ dùng những biện pháp để chống đỡ và ngăn chặn các hành động của phe Cộng-sản hơn là có một chính sách đối ngoại đại quy-mô nhằm đặt nền móng cho một nền hòa-bình lâu dài. Quân-bình hiện tại được mệnh danh là «quân bình hãi hùng» (Balance of Terror) vì sở dĩ người ta không dám đi tới chiến tranh thế giới vì cả hai bên Nga và Mỹ đều sợ bị bom nguyên-tử hủy diệt.

Henry Kissinger muốn đặt nền hòa bình trên một căn bản lành mạnh hơn. Do đó ông muốn biến thế-giới song cực (bipolaire) thành một thế-giới đa cực (multipolaire) với một thế quân-bình đa cực kiểu Metternich.

Nhận thấy rằng ngoài hai lực lượng hùng hậu là Nga và Mỹ, trên thế-giới còn có những lực lượng đang lên là Âu-châu hay đúng hơn khối Tây-Âu, Nhật và Trung Cộng. Nếu cả năm lực lượng này cùng có khả năng giới hạn lẫn nhau, ngăn chặn lẫn nhau thì Hoa-kỳ bớt được một phần gánh nặng trong trách nhiệm bảo vệ hòa-bình thế-giới. Vì vậy mà trong những năm qua Henry Kissinger đã đi khắp thế-giới để vận động

thiết-lập một thể quân-bình đa cực. Ông thúc đẩy Tổng-thống Nixon sang Bắc-kinh vào tháng 2-1972 để Nga phải e ngại một Liên-minh Hoa-Mỹ. Nhưng đến tháng 10-1972 ông lại cùng với Tổng-thống Nixon sang Mạc-tư-khoa khiến Trung-Cộng không hiểu Nga-Mỹ đang tính những chuyện gì để chống Trung-Cộng. Cùng một lúc ông lại thúc đẩy Nhật nhận lãnh trách nhiệm tại Á châu khiến cả Nga lẫn Trung Cộng đều lo sợ sự bành trướng của Nhật tại Á châu. Mặt khác ông cũng khuyến khích Anh gia nhập Thị-trường-chung Âu-châu để tăng cường tổ chức này. Như vậy tại Âu-châu Nga có cảm tưởng bị khối Tây Âu đe dọa và tại Á-châu thì lại bị cả Trung Cộng lẫn Nhật kiềm chế.

Trước khi loan báo là Tổng-thống Nixon sẽ sang Bắc-kinh, Nhật không được tham khảo ý kiến nên Nhật cũng lo rằng Hoa-kỳ và Trung-Cộng đang có âm mưu gì mờ ám sau lưng Nhật. Và khi ông Nixon tới Mạc-tư-khoa thì khối Tây-Âu lại tự hỏi Nga-Mỹ đang muốn làm gì để tiếp tục thống-trị thế-giới.

Điều thứ hai của hệ-thống chính-trị Kissinger là tuy đặt thể quân-bình trên 5 lực lượng nhưng Hoa-kỳ vẫn muốn giữ một phần nào thể song cực vì chỉ có trong thể song cực thì Hoa-kỳ mới giữ được vai trò lãnh đạo thế-giới. Quan-niệm quân bình của Metternich vào thế-kỷ trước là một quan-niệm bảo-thủ. Và Metternich muốn duy trì một trật-tự quốc-tế cổ-diễn với vai trò lãnh

đạo của Áo quốc. Quan-niệm của Kissinger vào thế-kỷ này cũng bảo thủ không kém. Tuy muốn chia sẻ trách-nhiệm bảo vệ hòa-bình cho các quốc-gia khác, nhưng Kissinger lại vẫn muốn duy trì vai trò lãnh-đạo thế-giới của Hoa-kỳ. Cũng như Metternich ngày trước đã tạo ra một thể quân-bình tại Trung Âu với Áo đóng vai trò lãnh đạo, vì Áo cầm đầu các tiểu vương quốc Đức và vì các hoàng thân, công chúa Áo được đặt trên các ngai vàng ở Ý, Kissinger muốn tiếp tục duy trì địa vị thống trị của Hoa-kỳ, bằng cách giữ lại một phần tính cách song cực của thế-giới.

Do đó người ta thấy tuy khuyến khích Nhật, Tây Âu, Trung Cộng lãnh nhận trách nhiệm trên thế-giới nhưng mỗi khi có một vấn-đề quốc-tế bùng cháy thì thay vì thảo luận với các đồng-minh, Âu-Châu hay Nhật, thì Hoa-kỳ lại trực tiếp đối-thoại với Nga. Cuộc chiến-tranh Trung Đông vào tháng 10-1973 vừa qua đã chứng minh rõ rệt ý định duy trì sự song cực. Thật vậy, ngay sau khi cuộc chiến tranh này bùng nổ Hoa-kỳ đã theo dõi thái độ của Nga. Khi thấy Nga tăng cường các biện-pháp quân-sự để chuẩn-bị việc yểm trợ các nước Ả-Rập, chính-phủ Hoa-kỳ đã đặt quân đội Mỹ trên khắp trên thế-giới vào tình trạng báo động mà không hề tham khảo các quốc-gia đồng-minh của Minh-ước Bắc Đại-tây-dương.

Sau đó ông Kissinger đã sang Nga để thảo luận về phương thức ngưng
(xem tiếp trang 85)

PHÂN ƯU

Được tin Ông **NGUYỄN-ĐÌNH-VƯỢNG** Chủ nhiệm Tập san **VĂN**, đã từ trần ngày 31-3-74 tại Saigon, hưởng thọ 63 tuổi.

Xin trân trọng chia buồn cùng quý bạn chủ trương Tập san Văn và tang quyến. Xin cầu nguyện anh hồn người quá cố sớm về cõi Phật.

Lê Ngộ Châu, Văn Thanh, Võ Phiến, Vũ Hạnh, Tuệ Mai, Nguyễn Liên và các anh em trong Ban Chủ trương **BÁCH KHOA**.

CHIA BUỒN

Được tin: Cụ bà **NGUYỄN-DOÃN-THẨM** thân mẫu nhà văn **TÚY HỒNG** đã thất lạc tại Saigon ngày 16-3-74. Xin trân trọng chia buồn cùng chị Túy Hồng, Anh Thanh-Nam và tang quyến và xin cầu nguyện hương hồn Cụ sớm về Cõi Phật.

Lê Ngộ Châu, Võ Phiến, Tạ Tỵ, Lê Tất Điều, Lê Thanh Thái, Nguyễn Hữu Ngự, Đặng Trần Huân.

VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN

Của **NGUYỄN LANG**

Giáo-sư Sử-học và Bác-Ngữ-học Paris

Đây là một công trình tổng hợp được tính cách vững chãi của phương pháp biên khảo và kiến thức sâu sắc về giáo lý đạo Phật. Ông Nguyễn Lang đã trình bày những dữ kiện lịch sử, phân tích và bình luận những tư tưởng và những hệ thống tư tưởng trong quá trình diễn biến của lịch sử Phật giáo Việt Nam một cách rành rẽ và khoa học. Sách **VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN** không những sẽ hữu ích cho giới Phật học mà cũng sẽ rất hữu ích cho khoa Văn-học-sử Việt-Nam.

Sách đang in đề kịp phát hành vào lễ Phật Đản
Vì giấy đắt quá chỉ in giới hạn: 1.500 cuốn.

LÁ BỐI xuất bản và phát hành.

Bên lề một cuộc đối-thoại về kinh-tế

Nhật báo Chính-Luận số ra ngày 19-3-70 đã đăng tải những nhận xét của Ô. Nguyễn-văn Nhân về 6 điểm do Giáo-sư Vũ-Quốc-Thúc đề nghị để cứu vãn Kinh-tế nước nhà trong một cuộc hội-thảo ngày 10-3-1974.

Tôi không được đọc một phần hay trọn bài thuyết trình của Giáo sư Thúc nhưng tin vào sự viện dẫn trung thực của Ô. Nguyễn-văn-Nhân.

Giáo-sư Thúc là một chuyên gia nổi tiếng trong nước và ngoài nước. Theo quan-niệm Việt-Nam hiện tại, chắc ông được xếp vào thành phần già so với những chuyên viên chủ trương phát động và thực thi cách-mạng kinh-tế mùa thu.

Ô. Nguyễn-văn-Nhân không được tòa soạn giới thiệu. Nhưng người đọc thấy rõ ông là người hiểu rộng biết nhiều, rất thân cận những giới chức thâm quyền kinh tài ở cấp cao.

Tôi không hàm ý ông biện minh cho những chính sách và biện pháp của nhà nước.

Ông đã nhã nhặn nhắc lại rằng 6 điểm của Giáo-sư Thúc không hoàn toàn mới lạ và cho biết những biện pháp bị quy trách ngày nay đã được cân nhắc và nhà nước đã phải lựa chọn giữa cái hại và cái hại hơn. Ông Nguyễn-văn-Nhân sợ lạm phát hơn G.s. Thúc. Tuy nhiên ông kết luận rằng chủ trương «lạm phát để phá thế kẹt» của G.s. Thúc có thể đem thi

hành nếu chúng ta trở lại mức nhập cảng năm 1971.

Nói chung thì ông đề đặt nếu không phải là hoài nghi. Ngay sự nhượng bộ của ông không khỏi có phần nào miễn cưỡng. Khả năng mua sắm của dân chúng bây giờ đã sút kém nhiều so với năm 1971, phần vì mất nguồn lợi tức do sự triệt thoái của quân đội đồng minh, phần vì giá cả đã lên cao hơn nhiều. Cho nên giả thiết ta có đủ ngoại tệ nhập cảng như năm 1971, chắc gì số lượng hàng nhập cảng sẽ được tiêu thụ hết. Sự sút giảm tiêu thụ sản phẩm dầu lửa chẳng đáng cho ta suy ngẫm hay sao?

Cách mạng kinh tế mùa thu của phái trẻ với sự cố vấn sai lầm, vô tình hay hữu ý, đã đưa đến tình trạng bi thảm ngày nay. Phương thuốc của phái già — G.s. Thúc có thể coi như tiêu biểu của phái này — không đủ mạnh lực gây tin tưởng, vậy chúng ta sẽ đi về đâu?

Phải chăng không ai chịu nhận định và nói lên đúng căn bệnh rồi từ đó quyết định phương thức trị liệu hữu hiệu?

Trước hết ta phải ghi nhận sự kiện lạ lùng là những lý thuyết, những biện pháp có giá trị, đã mang lại kết quả tốt đẹp tại các nước khác, lại không có hiệu lực hay đưa đến hậu quả trái ngược khi đem áp dụng tại Việt-Nam.

Tăng lãi xuất ngân hàng là một biện pháp chống lạm phát. Dân chúng ham lời sẽ ký thác định kỳ tiền của họ vào các ngân hàng, khiến cho khối tiền tệ lưu hành sút giảm và không áp lực trên giá cả.

Cũng trên báo Chính-Luận, ông Nguyễn-Văn, nếu chúng tôi nhớ đúng, đã viện dẫn thành quả tốt đẹp của Đài-Loan và Đại-Hàn trong việc dùng lãi xuất ngân hàng cao để chặn lạm phát. Số tiền ký thác định kỳ tại Việt-Nam không thể bảo là nhỏ. Riêng công-khố-phiếu đã thu hút được 100 tỷ bạc.

Ấy thế mà từ ngày ấn định lãi xuất ngân hàng cao, tình trạng lạm phát, nhìn qua sự biến chuyển của chỉ số giá sanh hoạt, đã không ngớt lần lần trầm trọng hơn. Với 100 tỷ công-khố-phiếu, hàng năm trung bình nhà nước trả ra trên 20 tỷ tiền lời. Ngân sách lại thêm yếu tố thiếu hụt. Và ai cũng biết tình trạng thiếu hụt ngân sách kinh niên đưa đến lạm phát.

Tăng thuế cũng là biện pháp chống lạm phát vì nhà nước thu tóm một phần lợi tức khả dụng của dân chúng. Ở Việt-Nam nhà nước đã tăng thu, tận thu. Nhưng thuế đã là lý do chính khiến cho giá cả vọt lên cao. Thay vì chữa bệnh lạm phát, thuế đã khiến cho lạm phát tiến thêm bước nữa, vì lạm phát là gì nếu không phải là sự sút giảm mãi lực của đơn vị tiền tệ?

Xin lấy thí dụ xăng xe hơi. Tại các trạm xăng, giá một lít xăng thường, miễn thuế, bán cho xe của ngoại giao đoàn chẳng hạn là 51\$97 so với giá có thuế là 235\$00. Các sắc thuế tiêu thụ đặc biệt, trị giá gia tăng, phân xuất quân bình, chiếm trên 77% giá hàng. Kinh nghiệm cho thấy mỗi lần giá xăng lên thì một loạt giá cả khác cũng lên theo.

Thật là cùng một thứ thuốc, người ta uống vô thì bệnh lui, thân thể thêm tráng kiện mà mình uống vô thì sức khỏe lại suy kém thêm! Phải chăng là thầy thuốc đã định bệnh sai?

oOo

Theo sự nhận định nông cạn của chúng tôi, những kế hoạch chấn hưng, phát triển kinh tế, không thể tách rời vấn đề chi tiêu của bộ máy nhà nước, tức là ngân sách quốc gia và các ngân sách địa phương. Bộ máy công quyền mỗi năm thêm tổn tiền và mặc dù có ngoại viện đáng kể, ngân sách quốc gia vẫn thiếu hụt liên miên.

Nhìn lại quá khứ, ta thấy rằng từ khi người Mỹ giúp Ông Ngô-Đình-Diệm trở về nước, sách lược bất biến là dẫn chứng rằng trên phần đất Việt-Nam không bị Cộng-sản thống trị, có tiến bộ chánh trị theo chiều hướng dân chủ, dân chúng được hưởng đời sống vật chất sung túc. Ngoại viện lớn lao và nhứt là những lợi tức phát sinh do sự có mặt của quân đội Mỹ tại Việt-Nam từ 1965 đến 1972 đã giúp chúng ta đạt được kết quả không thể chối cãi.

Về phương diện vật chất, trong những năm qua, nhờ nhập cảng thương mại dồi dào, nhờ những số lượng quan trọng hàng PX thất thoát ra thị trường, phần đất không Cộng sản này đã sống trong tình trạng phong phú có thể nói là hơn nhiều nước tiến bộ trên thế giới. Và thứ gì cũng rất rẻ, bất luận là máy móc các loại, thực phẩm đóng hộp, rượu mạnh, thuốc hút, hay các đồ nhứt dụng khác.

Nhưng nghĩ cho cùng, có lẽ chúng ta đã phạm cái lỗi «dục tốc». Bộ máy nhà nước bành trướng quá mau theo định luật Parkinson, đòi hỏi kinh phí điều hành không ngớt gia tăng. Tệ trạng xã hội, nhứt là nạn tham nhũng đã được công khai ghi nhận, lại làm cho hoạt động của bộ máy nhà nước tốn tiền thêm.

Vấn đề đáng được đặt ra là sự chi tiêu lớn lao của nhà nước như đã được lưỡng viện biểu quyết hàng năm có ở mức thích hợp với sức chúng ta không?

Hiện nay đề có tiền chi tiêu, nhà nước đã tăng thuế, đặt thêm thuế. Thuế chưa đủ phải vay của dân chúng trong nước dưới hình thức công-khố-phiếu. Muốn công-khố-phiếu thành công, nhà nước đã ấn định mức lãi rất hấp dẫn. Như đã trình bày trên đây, tăng thuế và ấn định mức lãi cao đã đưa đến lạm phát. Sau nữa

còn phải cần đến ngoại viện và những số ứng trước của Ngân-hàng Quốc gia mới quân bình được ngân sách.

Phải chăng những khó khăn hiện thời của chúng ta đều bắt nguồn từ cái ngân-sách không lỗ dử tợn hàng năm?

Chúng tôi không đề nghị cắt xén mạnh mẽ chương nào, mục nào trong ngân sách. Những đề nghị thuộc loại này rất dễ có tính cách chủ quan.

Chúng ta có thể một mặt tái lượng định kết quả của mỗi cơ quan công quyền, của mỗi xí nghiệp quốc doanh, đồng thời ấn định một mức tối đa cho ngân sách hàng năm phù hợp với khả năng kinh tế của nước nhà được không?

Nghèo mà ham thì không khỏi chuốc họa vào thân.

Một cơ quan công quyền chỉ có thể thiết lập hoặc tồn tại với mục đích phục vụ nhân dân, thúc đẩy tiến bộ, đấu tranh với Cộng sản.

Một xí nghiệp quốc doanh, ngoài mục đích phục vụ nhân dân phải mang lại tiền lời.

Cơ quan nào, bộ phận nào, xí nghiệp nào không đáp ứng các mục đích đề ra cần được thẳng tay dẹp bỏ.

Thí dụ, từ hai chục năm nay, chúng ta không ngừng đấu tranh, dưới mọi hình thức, với Cộng sản. Chúng ta chắc đã có thể biết rõ chương trình nào, hoạt động nào trong lãnh vực này thực sự đã mang lại kết quả.

Chúng ta còn phải tiếp tục đấu tranh với Cộng sản. Nhưng nhu cầu

đấu tranh với Cộng-sản không thể viện dẫn để chứng minh những sự chi tiêu sai lầm, phi lý.

Sự đóng góp của dân chúng cũng như ngoại viện đều có giới hạn. Những phái đoàn cầu viện của ta

cũng không thể đem lại tất cả những số tiền mà ta mong mỏi nhận được.

Vậy thì chi tiêu của bộ máy nhà nước cũng phải giới hạn trong mức tài nguyên khả dĩ vận dụng, sao cho khỏi cản trở hay bóp nghẹt những hoạt động sản xuất sinh lợi, ngõ hầu duy trì sinh kế và cơ may tiến bộ cho toàn dân.

Công việc tái lượng định có thể đòi hỏi nhiều tháng, nhiều can đảm nhưng là một việc cần thiết nếu đồng ý rằng sự chi tiêu quá lớn của bộ máy nhà nước đè nặng lên mọi hoạt động kinh tế và nếu thực tâm muốn tìm một lối thoát cho tình thế hiện thời.

Điểm căn bản thứ hai trong kế hoạch phục hồi hay phát triển kinh tế là sớm lo sửa chữa những sai lầm trong công cuộc kỹ-nghệ-hóa đã thực hiện tới nay, đồng thời tránh sai lầm tương tự sau này.

Sự sống còn của những kỹ nghệ lớn đã được thiết lập từ hơn mười năm nay hoàn toàn lệ thuộc ngoại bang về hai phương diện nguyên liệu và năng lượng. Xin kể ngành dệt, ngành dược phẩm, ngành chất dẻo, ngành kim khí, ngành bột giặt. Ngay ngành thuốc điều ra đời từ hồi Pháp

thuộc cũng hoạt động bằng lá thuốc nhập cảng qua chương trình PL480. Với sự khan hiếm đột ngột nhiều thứ hàng trên thị trường quốc tế, với giá chuyên chở mắc hơn, với hối xuất và thuế cao hơn, những ngành kỹ nghệ nói trên đều ngất ngư. Nạn thất nghiệp đe dọa công nhân.

Đối với đề-nghị giúp đỡ những xí-nghiệp hiện hữu tận dụng khả năng sản xuất — tức là điểm thứ 3 của Gs. Thúc — Ông Nguyễn-văn-Nhân đặt câu hỏi: liệu ta có đủ ngoại tệ để nhập cảng nguyên liệu không.

Nói chung, ngoại tệ của ta hiện thời không được dồi dào, mà phần lớn lại là viện trợ cho không hay cho vay. Nhưng một mặt, ta vẫn có ngoại tệ để nhập cảng nhiều xa xỉ phẩm hoặc những thứ hàng chẳng cần thiết bao nhiêu.

Do đó vấn đề xử dụng khối ngoại tệ khả dụng cũng cần được xét lại.

Mặt khác, nếu thiếu ngoại tệ để nhập cảng nguyên liệu với mục đích sản xuất hàng tiêu thụ trong xứ, sao ta không buộc những nhà sản xuất loại hàng này phải tìm cách xuất cảng những hàng hóa do họ làm ra với nguyên liệu nhập cảng, để nhà nước thầu hồi số ngoại tệ đã cấp cho họ khi nhập cảng nguyên liệu? Ít ra công nhân cũng đã có việc làm trong vụ này mà không phải tiêu mất ngoại tệ.

Trở lại vấn đề kỹ nghệ, tại sao hay vì áp lực nào, chúng ta không phát

triển việc trồng bông vải chẳng hạn ? Hoặc giả tuy có nghĩ đến nguyên liệu trong nước, như trong kỹ nghệ đường, thì cũng chẳng thấy việc trồng mía tiến hành rầm rộ chút nào. Hình như người ta đã yên trí lớn là ngoại tệ để kiếm bằng cách này hay cách khác, nguyên liệu trên thị trường quốc tế luôn luôn dồi dào, các nước sản xuất dầu lửa ở thế không xuất cảng không được. Với một thực tế phũ phàng ngược hẳn lại, mọi người chơi với, giới hữu trách chánh quyền và giới kinh doanh đổ lẫn trách nhiệm cho nhau.

Nhiều nhóm tư bản ngoại quốc qua Việt-Nam nghiên cứu khả năng đầu tư đã kết luận rằng nước ta có nhiều triển vọng tốt đẹp. Chúng tôi dám chắc rằng họ không nhìn vấn đề như phần đông doanh nhân của ta. Nếu họ thấy hội đủ điều kiện, nhất là yếu tố an ninh, để đầu tư, họ sẽ hướng về việc khai thác hay chế biến những tài-nguyên hiện có trên xứ sở chúng ta.

Trong tình trạng hiện thời, ta cần phải phân biệt loại hoạt động với mục đích kiếm ngoại tệ và loại hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu nội địa. Ưu tiên cần đặt cho rõ ràng. Tới nay, ta chỉ nghĩ đến xuất cảng khi nào có thặng dư, nghĩa là sau khi đã thỏa mãn đầy đủ nhu cầu tiêu thụ nội địa. Bây giờ phải tích cực nghĩ đến việc kiếm ngoại tệ và nếu cần phải hy sinh sự tiêu thụ nội địa. Đó là tích cực tiến đến tự cường.

Nếu không ấn định những ưu tiên rõ rệt thì dù các phái đoàn cầu viện

có thành công, chúng ta cũng sẽ chẳng giải quyết được gì một cách bền vững.

oOo

Những điểm mà Gs. Thúc đề ra với tất cả lòng nhiệt thành muốn đưa kinh tế nước nhà ra khỏi chỗ bế tắc hiện thời đều có cơ thành công. Nhưng e rằng hiệu lực chỉ nhứt thời vì căn bệnh vẫn còn nguyên đó.

Điều kiện tiên-quyết của bất cứ kế hoạch nào nhằm ảnh hưởng tốt đẹp lâu dài phải là :

- a) việc xét lại toàn bộ chính sách tiêu pha của nhà nước,

- b) việc lượng định thực tế những tài nguyên khả dĩ vận dụng bao gồm khối lượng thuế vừa sức đóng góp của dân chúng, mức lạm phát có thể chấp nhận và khối lượng ngoại viện có hy vọng chắc chắn sẽ cầu được.

- c) việc ấn định rõ rệt những ưu tiên thiết bách.

Chúng ta đương đứng trước nguy cơ mất dần những thành quả trong nỗ lực thoát khỏi tình trạng chậm tiến

Đã đến lúc chúng ta phải tập trung hết can đảm để làm một việc tái ước định. Nếu đã chẳng may trật đường mà cứ cố chấp không chịu sửa sai, nhắm mắt tiến tới, thì dù có tận lực chặt gai, bứng đá, chẳng thể tránh khỏi tai ương. Trừ khi có Bụt hiện ra giải cứu.

NGUYỄN-NHƯ

Trường hợp mổ bụng đầu tiên ở Việt-nam được thực hiện dưới sự gây tê của châm thuật

L. T. S. Tạp chí l'Express số 1182 ra ngày 4-3-74 dành 6 trang giới thiệu trình trọng một cuộc giải phẫu bụng đầu tiên dùng châm thuật gây tê để thay thuốc mê tại Pháp quốc. Cuộc giải phẫu này được thực hiện tại Marseille vào ngày 16/2 thì hơn một tuần sau, ngày 25/2, tại Saigon cũng được thực hiện một cuộc giải phẫu bụng tương tự, dưới sự gây tê của châm thuật, mà ít ai biết đến. Điều đáng nói là tại Marseille cũng như tại Saigon, châm-cứu-gia đều là những bác-sĩ Việt-nam.

Ngày 25 tháng 02 năm 1974, tại phòng mổ của bảo-sanh-viện Từ Dũ, một cuộc mổ bụng mẹ đẻ đem đưa con ra ngoài (césarienne) đã được thực hiện dưới sự dự khán của rất đông người gồm các bác sĩ của bảo-sanh-viện, các sinh viên y-khoa và một số nữ-hộ-sinh quốc gia. Nếu không phải là một cuộc giải phẫu đặc biệt khác thường thì cũng không có nhiều người theo dõi đến như vậy vì nơi đây các cuộc mổ tương tự đã diễn ra rất nhiều.

Người mẹ là bà Nguyễn-thị-L., 33 tuổi, trước đây 3 năm đã từng bị mổ vì một trường hợp sanh ngược. Bà cho biết bà rất tin tưởng ở khả năng của các bác sĩ, cho nên khi được yêu cầu để áp dụng châm thuật cho bà, bà L. đã tỏ ra vui lòng mặc dù bà không biết chút gì về khoa châm cứu cả.

Sau khi đã được hoàn tất các thử nghiệm căn bản dành cho một cuộc giải phẫu, bà L. được đưa lên phòng mổ để làm các thủ tục vệ sinh cần

thiết. Khoảng chừng 12 giờ, các bác sĩ giải phẫu và bác sĩ Trần-dinh-Đệ người sẽ thực hiện cuộc châm cứu, đã có mặt đông đủ. Bà L. được các bác sĩ phụ trách về thuốc mê trấn an và khuyến khích, tỏ ra bình tĩnh và tin tưởng. Sau khi định xong các huyết, bác sĩ Đệ châm kim (kim khá dài, khoảng 10cm) Bà L. có cảm giác rất rõ ràng những mũi kim châm vào da thịt mình : 4 mũi ở trước bụng, 2 mũi ở hai bên hông, phía sau và 2 mũi ở gần hai bàn chân. Không có gì đau đớn cả, chỉ như bị kiến cắn. Sau đó bác sĩ Đệ bắt đầu cho dòng điện chạy để làm cho những mũi kim xoay đều. Bà L. cảm thấy những rung động lan dần ra khắp cơ thể mình, lúc đầu yếu sau mạnh dần và bà không còn ý thức được sự toàn vẹn của thân thể mình nữa. Bà đã không còn cảm giác về những phần của cơ thể bà. Khoảng chừng 15 phút sau, bác sĩ Đệ dùng một chiếc kẹp, kẹp vào da bụng bà L. và hỏi bà có cảm giác gì không. Bà ngần ngừ một chút và kêu đau. Bác sĩ Đệ thử lại

một lần nữa, ông cho bà thấy chiếc kẹp xong hạ thấp xuống, quá tầm mắt bà nhưng không chạm vào da bụng và hỏi bà có đau không. Lần này bà L. cũng kêu đau. Mọi người đều mỉm cười và hiểu rằng bà L. đã lằm lằm giữa cảm giác đau đớn và cảm giác đụng chạm. Và như thế là cuộc châm cứu đã có kết quả và cuộc mổ có thể bắt đầu.

Các bác sĩ giải phẫu rạch hai bên vết sẹo cũ để lấy cái sẹo ra và từ từ đi sâu vào các lớp mô dưới da. Bà L. không tỏ ra đau đớn gì cả. Khi chạm vào phúc-mạc (péritoine), bà L. mới kêu đau. Người ta phải dùng thuốc tê Xylocaine 1% cho thấm vào phúc-mạc rồi lại tiếp tục cuộc giải phẫu. Từ đó cho đến khi cuộc giải phẫu hoàn tất, bà L. không có phản ứng gì đáng kể nữa. Bà chỉ cảm thấy nhiều đụng chạm mạnh trên bụng mình, một vài cảm giác bị trì kéo, nhưng hoàn toàn không có sự đau đớn.

Khi lấy được đứa con ra, người ta đã đem lại cho bà coi và bà L. đã mãn nguyện khi thấy nó là một đứa con trai khá khinh. Sau khi may lại tử cung, các bác sĩ giải phẫu cột luôn hai ống dẫn trứng, theo lời yêu cầu trước của bà L. và chồng bà vì họ không muốn có con nữa. Lần lượt người ta may lại các lớp da đã cắt và hoàn tất cuộc giải phẫu không gặp một trở ngại nào.

Bác sĩ Trần-dinh-Đệ nguyên là một giáo sư về môn Sản-phụ-khoa của trường Đại-học Y-khoa Sài Gòn. Ông đã từng là Trưởng khu bệnh-lý sản-

Giáo sư Trần đình Đệ

sinh ngày 7 tháng 3 năm 1917 tại Huế. Tu nghiệp tại Pháp về ngành Sản phụ khoa và tu nghiệp tại Hoa-kỳ từ 1950 đến 1952.

Đã từng giữ các chức vụ :

Giáo sư Thạc-sĩ Sản-phụ-khoa tại Trường Đại-học Y-khoa Saigon

Giám đốc trường Nữ hộ sinh Quốc gia Saigon.

Giám đốc Bảo-sanh-viện Từ Dũ
Bộ-trưởng Bộ Y-tế

Chuyên viên của tổ chức Y-tế Quốc tế

Giáo sư trong Ban Giảng-huấn của trường Đại-học Y-khoa Virginia-Richmond, Hoa-kỳ

phụ-khoa của trường và Giám-đốc bảo-sanh-viện Từ-Dũ. Ông đã xuất ngoại từ lâu năm, và vừa rồi nhân dịp về nước, giáo sư đã thực hiện nhiều buổi diễn thuyết về châm cứu và ngành chuyên môn Sản-khoa tại các bảo-sanh-viện công lớn tại Sài Gòn. Sau đó, giáo sư Đệ lại rời khỏi nước, vì vậy chúng tôi rất tiếc đã không có dịp gặp được ông Đệ để nghe giảng cận kề về kỹ-thuật châm-cứu mà ông đã thực hành. Chúng tôi biết được ít nhiều về câu chuyện trên là nhờ cuộc nói chuyện với bác sĩ Trần-dinh-Chương, bào đệ của Giáo sư Đệ, người đã theo sát ông trong các cuộc thực hiện châm thuật vừa mới làm ở Sài Gòn. Theo bác sĩ Chương thì ngoài cuộc mổ kể trên, Giáo sư Đệ còn thực hiện châm thuật trong nhiều cuộc ngoạn mục khác như giúp đỡ không đau và dục cho sự sanh nở xảy ra nhanh hơn*

Hầu hết các lần thí nghiệm đều thành công và mức độ giảm đau nói chung trong các vụ thực hiện châm thuật có thể tới 75%.

Cuộc thực hiện châm thuật thành công ở Sài gòn xảy ra ít ngày sau một thành công tương tự ở Pháp mà châm-cứu gia cũng là một bác - sĩ Việt - nam. Được biết đó cũng là một cuộc mổ bụng người mẹ đẻ lấy con ra ở một người đàn bà đã có một lần mổ trước. Nó xảy ra ngày 16 tháng 2 năm 1974 ở đường-đường Acacias, Marseille. Người thực hiện châm-thuật là bác-sĩ Nguyễn-văn-Nghị, nhà châm-cứu nổi tiếng ở nước Pháp.

Người sản-phụ hoàn toàn tỉnh táo và bình tĩnh trong suốt cuộc giải phẫu. Chỉ ở gần giai đoạn cuối cùng, bà ta mới kêu đau nhiều lần khi các bác sĩ may lại vết thương phía trên xương mu. Và cũng phải dùng thuốc tê Xylocaine 1% để tiếp tục công việc. Như thế chúng ta thấy rằng trong cuộc giải phẫu của bác-sĩ Đệ, người ta phải dùng tới thuốc tê khi chạm tới màng bụng và trong cuộc giải phẫu của bác sĩ Nghị thì phải dùng nó để may lại lớp da ở ngoài. Giải thích về trường hợp của mình, bác sĩ Đệ thành thật cho rằng ông chưa tìm ra được "huyệt" chịu trách nhiệm về sự đau đớn của phúc

mạc nên không thể dùng châm thuật ở đó được. Trái lại bác sĩ Nghị thì cho rằng châm thuật của ông không hiệu quả ở lúc chót là do các co giật của lớp da lúc bị kim may lại và sự hiện diện của các lần khâu đã làm rối loạn điện trường của các mũi châm. Bác sĩ Nghị còn giải thích thêm là sờ dĩ phần trên xương mu bị đau nhiều có thể là do lúc đặt ống thông tiểu vô bọng đái đã gây ra một sự va chạm mạnh, phá hỏng tác dụng của kim châm ở nơi đó.

Hai thành công ngoạn-mục tương tự như nhau và gần như đồng thời ở hai quốc gia Âu, Á đã ghi một điểm son thật đậm cho châm-thuật nói chung và cho các nhà chuyên môn Việt nam nói riêng. Một khoa-học vô cùng lâu đời của Đông-phương bỗng trở nên hết sức mới mẻ và dần dần thu hút sự chú ý của mọi giới khoa học Âu-Tây. Người ta chưa hiểu rõ bản chất của châm-cứu nhưng người ta không còn phủ nhận được sự hữu-hiệu của nó nữa. Và nếu được phát triển thành một khoa học hoàn toàn thì phương-pháp gây tê bằng châm thuật chắc chắn sẽ có những ưu thế so với phương pháp gây tê-mê hiện thời của Tây-y.

TỬ DIỆP

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

Xin trả lời chung quý bạn viết thư hỏi về Bách-Khoa từ 1957 đến 1973. Một bộ Bách Khoa 17 năm nói trên gồm 44 tập, đóng bìa carton, bọc simili cuir, chữ vàng (thiếu chừng 20 số) vì giấy, bìa và công đóng đều tăng, nên hiện nay giá là 45.000đ.

Mỗi tập 6 số giá 800đ và 12 số 1400đ và chỉ bán lẻ các tập này từ năm 1966 trở đi.

Tư tưởng Lão Trang trong Y-thuật Đông-phương

PHẦN IV.— ĐIỀU-DƯỞNG NHIẾP-SINH

*« Il faut toujours revenir à la Nature
pour s'assurer de la Vérité ».*

LEON BINET (1)

Vốn là những mái chèo tải hệ-thống lý-luận căn-bản của y-lý Đông-phương, triết thuyết Lão Trang chi-phối nặng và sâu mọi lĩnh-vực ứng-dụng hệ-thống lý-luận ấy. Như trong phạm-vi điều-dưỡng và nhiếp-sinh.

Đạo học chủ xướng con người muốn khỏe mạnh nên sống hòa-hợp với thiên-nhiên. Nhân-thể và vũ-trụ cần hòa-tấu cùng một tiết-điệu, cần chia xẻ cùng một tiến-trình năng-lượng. Về mùa xuân hay lúc rạng-đông là lúc khí lực bắt đầu xuất-sinh, khí đạt đến mức tối-đa lúc mùa hạ hay buổi ban trưa, khí thu vén lại với tiết thu về hay khi chiều xế, khí ẩn một vào mùa đông hay trong bóng đêm...

Bởi khí của tiểu-trường vượng vào giờ mùi (2) cho nên sống hợp với tự-nhiên cũng là ăn bữa ăn chính lúc đúng Ngọ, để giúp bộ tiêu-hóa hấp-thụ dễ-dàng thực-phẩm khi khí của chức-năng liên-hệ vượng nhất trong ngày. Cũng tương tự như vậy, đại-tiên lúc sáng sớm là rất hợp lẽ tự-nhiên, vì khí của đại-trường vượng vào giờ mão (3)...

Tiết-điệu sinh sống ấy của chúng

ta, dầu có thể thay-đổi phần nào vì những điều-kiện khác biệt, vô hình chung cũng chỉ là bóng mờ của một tiết-điệu to lớn chi-phối cả cõi hoàn-vũ. Nếu ăn uống vào những giờ giấc khác, nếu ruột già không được vận-dụng vào những thời khắc thích-nghi, nếu quả tim phải oằn mình gánh vác một công việc nặng nhọc vào lúc tâm khí suy giảm, thì sẽ có những hỗn loạn xảy đến. Thành ra những tập-quán vừa kể trong lối sống hàng ngày của chúng ta chẳng phải là do ngẫu nhiên mà thành, và từ bao nhiêu thế-kỷ rồi, Đông-Y đã thấu-triệt những hoạt-động vòng tròn đặt mốc và chỉ lối trên con đường sinh sống (*sinh chi đồ*, Đạo Đức Kinh, Chương 50) của vạn vật.

Mặt khác, ai cũng biết rằng trong thời-đại chúng ta đang sống, do những ảnh-hưởng của nền văn-minh cơ-khí đã bị loài người sử-dụng một cách lệch lạc, nhân-loại mắc phải một số bệnh-tật gọi là bệnh-tật của nền

(1) Léon Binet. — Leçons de Biologie dans un Parc Magnard Éditeurs. Paris. 1961.

(2) Khoảng từ 12 đến 14 giờ.

(3) Khoảng từ 05 đến 07 giờ sáng.

văn minh, Sự chống đối, xung khắc giữa xã-hội và cá-nhân lắm khi quá gắt gao, quá bức-bách, dễ gây nên những chứng bệnh thần-kinh, nhất là ở những tâm-hồn yếu đuối. Lão-học, khi khuyên con người sống thoải-mái, tự-nhiên, có thể có công dụng an-ủi, phủ uly, khiến giảm-thiểu những tình-trạng căng-thẳng thần-kinh, loạn tâm loạn óc, để đưa cá-nhân trở về với con người thực của mình «*kiến tổ, bảo phác, thiểu tư, quả dục*» (1).

Trái với nho-gia, mà cái tri cái hành chủ-yếu lấy đối tượng là xã-hội loài người, phái đạo-sĩ hướng cái Động của Đạo trở vào trong tức là trở về với Gốc, nghĩa là với vũ-trụ, với tự nhiên giới, trong hoài-bảo sống một cuộc sống trường tồn phiêu dật, thần tiên ngay trên cõi hoàn-vũ này, hầu tận hưởng những vẻ đẹp của thiên-nhiên. Để đạt cứu cánh ấy, họ luyện đan, đi tìm những thứ thuốc trường sinh bất tử và thực-hành nhiều phương-pháp, kỹ-thuật phức-tạp.

Vì vậy, sự liên-hệ giữa giới thuật-sĩ và y học phòng ngừa cực kỳ chặt chẽ. Hơn thế nữa, ảnh-hưởng Lão Trang còn định-hướng Đông-Y theo một chiều đi độc-đáo : *y-lý cổ truyền phương Đông là một nền y-học chủ-yếu dự-phòng*. Và cũng do gốc nguồn huyền-môn nên quan-niệm dự-phòng mang nhiều đường nét rất đặc-thù. Chẳng hạn trong *phép vận khí*. Đây thực ra là một môn học phối-hợp thiên-văn, khí tượng, chiêm-tinh với y-khoa, chuyên nghiên-cứu ảnh-

hưởng của khí-hậu đối với sinh-vật, đặc-biệt là đối với nhân-thể, nhằm mục-đích nắm vững qui-luật biến-hóa của hoàn-cảnh tự nhiên, xét-đoán sự thay-đổi của khí-hậu hằng năm và tình-hình phát bệnh để đặt vấn-đề phòng ngừa và chữa trị chính-xác. Chẳng hạn những năm Giáp thì hành thổ thái quá nên có nhiều mưa bão lụt, dễ phát-sinh những bệnh tật thuộc thấp, vì vậy cần chú ý đề-phòng các bệnh về thận tượng. Năm Ất-tý vốn thuộc kim bất cập, cho nên dễ phát-sinh nhiệt bệnh (2). Nói cách khác, nếu gặp năm Giáp thì cần lưu-tâm phát-giác và phòng ngừa những bệnh thận, gặp những năm Ất, cần cảnh-giác đối với các bệnh nhiệt, bệnh phế. Tuy nhiên trong thực-tế lý-luận vận khí phức-tạp hơn nhiều.

Đặt nền móng vững chắc cho lý-luận y-học phòng chứng là chương 71 Đạo Đức Kinh : «*Tri bất tri thượng, bất tri tri bệnh. Phù duy bệnh bệnh thị dĩ bất bệnh. Thánh-nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh*».

Bậc thánh-nhân sở dĩ không mắc bệnh là vì biết bệnh là bệnh : bệnh ở đây có thể là bệnh theo nghĩa luân-lý, nhưng nếu nhìn dưới góc-độ y-

(1) tỏ lòng đơn-giản, giữ tính chất-phác ít riêng tư, ít mê đắm.

(2) Lối giải-thích rất sơ-lược như sau : Vì kim bất cập (kim không đủ) nên kim không sinh được thủy, kim không sinh được thủy để chế bớt hỏa thì hỏa lại càng thừa vượng, hỏa thừa vượng thì nhiệt bệnh rất dễ sinh. Còn sở-dĩ cho rằng Ất-tý kim bất cập là vì các năm Ất thuộc hành kim (ý-niệm chủ khí khách khí của thuyết vận khí).

khoa, ta thấy Lão-tử đã nhận chân hết sức đúng-đắn những nguyên-nhân bệnh-tật về thể xác cũng như tinh-thần mạnh-nhà từ các bất-thường rất nhỏ nhoi trong cơ-thể, và nhất là những hỗn-loạn thiên về tâm linh. Có nhiều trường-hợp bệnh-nhân bị ám-ảnh một cách kinh-khủng, đi đến những thác-loạn tâm-trí, có thể phạm trọng-tội, có thể tự-hủy thân xác, chỉ vì không «phù duy bệnh bệnh» được, mà trái lại, cứ sống mãi trong tự kỷ ám-thị, trong mặc-cảm bệnh-hoạn triền miên. Người thầy thuốc, đối diện những bệnh-án loại này, chỉ có cách vạch rõ cho người bệnh biết đúng chứng bệnh của mình — có khi là không hề có chứng bệnh gì hết! — thì cơ-thể sẽ trở thành vô bệnh, «thị dĩ bất bệnh».

Cùng trong chiều-hướng đặt nặng vấn-đề phòng ngừa bệnh-tật này, Nội-Kinh Tố Vấn viết: «... thánh-nhân không trị khi đã mắc bệnh, mà trị từ lúc chưa mắc bệnh, không trị khi đã loạn mà trị từ lúc chưa loạn. Nếu bệnh đã mắ: mới uống thuốc, loạn đã bùng mới đối-phó, khác gì lúc khát mới đào giếng, sắp đánh nhau mới đúc binh-khí...» (Nội Kinh Tố Vấn, Chương II, Tứ khí điều thần luận).

Như vậy, cái lo lớn của người y-sĩ lý-tưởng là làm sao chạy đua nhanh hơn bệnh tật, giúp bệnh-nhân ngăn-chặn được các bất thường bệnh-lý trước khi chúng hiện-lộ, giống như bậc thánh-nhân trị nước, vẫn hằng khắc-khoài «vi chí ư vị hữu, trị chí ư vị loạn»: ngăn ngừa khi chưa có, sửa

trị lúc chưa loạn (Đạo Đức Kinh chương 64).

Cũng giống như người chủ-viên thú-y lành-nghề, chịu trách-nhiệm về sự an-nguy của một tàu ngựa, phải tâm-niệm rằng... «phép chấn ngựa chỉ trừ khử những cái gì di hại cho ngựa mà thôi» (khử kỳ hại mã giả nhi kỷ hĩ: Trang-Tử, Nam-Hoa Kinh).

Cho nên bậc Thượng công — tức là người thầy thuốc giỏi — nếu như «... thấy Can mắc bệnh» thì «biết là Can sẽ phạm đến Tỳ (1), nên lo bỏ ngay Tỳ...» theo đúng lời dạy của danh-sư Trương-Trọng-Cảnh trong Kim Quỹ Yếu Lược. Nói cách khác, trong một cơ-thể bề ngoài bình-thường, rất có thể có những triệu-chứng báo trước bệnh-tật cần phải được phát-giác kịp thời, nhất là qua nghệ-thuật bắt mạch. Phải luôn luôn cảnh giác, phải «cư an tư nguy», như một y-sĩ môn-đệ Lão Trang khác, Tôn-Tư-Mạc đã khuyên-nhủ trong Thiên Kim Dực Phương. Vì vậy nên ứng-dụng vào thực-tiễn, và ngay từ thế-kỷ +7, Tôn Chân-nhân đã chủ-xướng lúc ở nhà cũng như khi du-lich, cần có một túi thuốc cứu-cấp, sẵn-sàng để sử-dụng lúc hữu sự. Hộp first aid kit ấy chứa ngải cứu bên cạnh những thuốc hoàn cấp-cứu cùng với Đại-hoàng, Cam-thảo, Can-khương, Thủy-ngân v.v.

Nghệ-thuật sống theo lẽ Đạo — dưỡng sinh chi đạo — dựa vào một số nguyên-tắc âm thực, lao động, tư duy, hưu tức, cư trú v.v... đã

(1) Vì Can mộc khắc Tỳ thổ.

được qui-định minh-bạch qua rất nhiều tài-liệu kinh-diễn khác, có khi không bắt buộc là những y-thư, nhưng các cuốn sách ấy đều chịu ít nhiều ảnh-hưởng Hoàng Lão. Bộ *Chu lễ* chẳng hạn từ thế-kỷ thứ 2 trước TCGS, đã mô-tả những lại viên chuyên về tẩy trừ rận, rệp, chấy, bọ chét, với vôi điều-chế từ vị Hà-mẫu-lệ (vỏ sò nung khô). Độc-tính của vị Mãng-thảo đã được ghi-nhận từ thời *Hoài-Nam tử Lưu-An* (-120) đề đối-phó với một số động-vật gây hại như chuột.

Đối với một khối dân không-lò sống chen-chúc như dân-tộc Trung-Hoa, với sự hoành-hành của đủ loại ký-sinh-trùng và súc-vật truyền bệnh, các trận dịch là những tai ương khủng-khiếp đe dọa thường xuyên. Vì vậy giới cai-trị và giới y-sĩ luôn luôn coi trọng các biện-pháp đối-phó và phòng-ngừa ôn hoàng dịch lệ, vì các tai trời ách nước này mang đến những hậu-quả ghê-gớm về mọi mặt chính-trị, kinh-tế, quân-sự v.v. Đội quân xâm-lăng của Mã-Viên đã bị cực kỳ khốn-đốn trên đất nước ta vì hai vị anh-thư họ Trung có một kẻ đồng-minh hùng-mạnh: chứng ngược (sốt rét), giết hại đến 50% quân Tàu; và chính bản-thân danh-tướng họ Mã cũng da ngựa bọc thây năm +48 không phải vì chiến-thương mà vì là nạn-nhân của một trận dịch quét gần sạch cả đại-quân Trung-Hoa lẫn kẻ địch là sắc-tộc Vũ-Lăng. *Trương-Giác* hiểu rõ điều ấy lắm, cho nên khi năm +182, một trận dịch kinh-

khủng bùng nổ, thì người môn-đệ Lão-giáo này đã lo tổ-chức một đội ngũ "quân dân y phối-hợp", phục-sức như giới đạo-sĩ, đề sung vào *Thái Bình Đạo Giáo*.

Cho nên tiêu-chuẩn xếp hạng giới y-sĩ là tiêu-chuẩn phòng bệnh hơn chữa bệnh: áp-dụng được đúng những qui-luật vệ-sinh điều-dưỡng, chữa bệnh từ khi bệnh chưa xuất hiện, là tài-nghệ của bậc *Thượng công*, bậc *Đại phu*, bậc *Lương y*; trong khi những thầy thuốc rong — *dung y*, *linh y* — chỉ đến với bệnh-nhân khi chính bệnh-nhân đã biết là mình bị bệnh, nên mới mời thầy vào, khi nghe tiếng chuông của thầy reo vang trước ngõ (1); cuối cùng, không đáng nói đến là hạng *chuyết y*, *ngu y*, chỉ biết nhắm mắt chữa càn-châm ầu.

oOo

Do nơi quan-niệm sống chỉ cần cho hợp lẽ tự nhiên là thân-thể cường-tráng, tinh-thần minh-mẫn, nên người lương y, theo đúng triết học Trang Lão, đặt rất nặng vấn-đề vệ sinh ăn uống, và hơn thế nữa, nghĩ rằng dùng thức ăn chữa bệnh phòng bệnh mới là thượng sách, dùng thuốc chữa bệnh chỉ là trung sách. Vì vậy, có lẽ ít có nền y-học nào lại thừa-hưởng một di-sản thư-tịch về nghệ-thuật ẩm thực phong-phú như Đông-Y. Những câu "*thực liệu chư bệnh*", "*Dược bổ bất như thực bổ*" là những câu đầu lười của giới y-sĩ cổ-truyền môn-sinh Lão-tử.

(1) Linh là chuông.

Mầm mống bộ môn tiết-thực-học, nảy chồi trên nương mạ cực kỳ phì nhiêu của tư-tưởng Lý-Nhĩ Trang-Châu, gặp một nơi dưỡng-thành quá chừng thích-hợp, đã phát-triển phồn thực mạnh-mẽ đến nỗi khối nhân-loại phương Đông là khối duy-nhất đã nâng sách vở về ăn uống lên hàng kinh kệ; và trên cái nền hệ-thống lý-luận y dược cổ-truyền, các bộ sách loại vừa kể, những bộ *Thực kinh*, *Dưỡng sinh kinh*, đã tô đậm những nét rất độc-đáo, sắc cạnh về nghệ-thuật điều dưỡng. Sự lựa chọn đề đán-cử ở đây thực khó-khăn. Chúng ta chỉ ghi làm chứng-dẫn một vài nhan-đề: *Thực lục khí kinh*, một cuốn sách Đạo-giáo chính cống của thời Tam Quốc; một loạt ít nhất là chín cuốn *Thực-kinh* dưới đời Hậu Ngụy và Tùy; *Thực-liệu bản-thảo* của Mạnh-Tiên đời Đường, *Thực giám bản-thảo* của Ninh-Nguyên đời Minh v.v... Trong các tư-liệu vừa kể, những bí-quyết và kỹ-thuật nhật-quang liệu pháp xếp hàng cùng những phương-pháp giúp con người hòa-đồng với tự-nhiên-giới, bên cạnh những nguyên tắc về tiết thực dưỡng sinh, tức là những nguyên-tắc quản-trị sự hấp-thụ và vận-hành cốc khí (khí của ngũ cốc).

Như vậy Lão giáo chủ-xướng ăn uống điều-độ là một khía cạnh dưỡng sinh quan-trọng. Nhưng lắm khi còn phải làm hơn: chay tịnh, tẩy uế thân xác và tâm-hồn trước khi tham-gia đại-lễ chẳng hạn. Cho nên có cùng một gốc huyền đồng với thuật nhiếp sinh là tập tục tắm gội. Đối với ai cũng vậy, từ đấng Thiên-tử cho đến kẻ lên dân, lễ-thức và tế-diễn

bắt buộc phải thực-hành vệ-sinh thân-thể cực kỳ cẩn-thận. Hơn nữa, trong cuộc sống cộng-đồng, vấn-đề xây-dựng những nhà tắm công cộng cho quần chúng lao động và quan lại sĩ-phu là một tập-quán phổ-biến. Những nhà tắm ấy, từ khi vua Cao-Tông nhà Nam Tống dời đô về Lâm-an chẳng hạn (thế-kỷ + 11), được gọi là *hương-thủy-hãng*, và biểu-hiệu treo trước ngõ là một cái lu hay một cái ấm. Thủy-tổ của chiêu-bài đặc-biệt ấy đã từng được bộ *Chu lễ* của nhà dịch-học khét tiếng *Chu-văn-Vương* mô-tả. Mà mối giao-tình giữa Dịch-học và Lão-học mật-thiết đến chừng nào, loạt bài này đã có dịp đề-cập đến rồi. Duy có lẽ cần nói thêm là các hương thủy-hãng ấy, những buổi tẩy trần nhuộm màu Đạo-học ấy, đã từng được *Marco Polo* hết sức thán-phục và tán-dương.

Trong cuộc sống phòng the, phép nhiếp-sinh theo tinh thần Trang Lão đã đưa đến những động tác đặc-biệt rất nổi tiếng, mà điển-hình là phương-pháp *coitus reservatus*. Thận trọng, tuy thuộc thủy, nhưng lại có tàng bỏa (dĩ nhiên, vì trong âm phải có dương): *hạ hỏa* bên trái và *long hỏa* bên phải. Cho nên hợp-hoan được biểu-tượng bằng một đôi nam nữ, người thanh-niên dẫn bạch hồ và người thiếu-nữ cưỡi thanh long. Nhưng trong lúc chăn gối, các chất dịch sinh-dục đặc-biệt là *tinh* đáng lẽ bị phân-tán ra ngoài cơ-thể, thì lại có khả-năng «đi ngược trở về não bộ qua ống cột sống». Luận cứ này cắt-nghĩa lý-do của phương-pháp *coitus reservatus* mà mục-đích là

không cho tinh xuất, trái lại, phải tự-chế sao cho tinh được giữ lại, tức là phép *hoàn tinh* của giới phương sĩ. Về phương-diện này người đạo-sĩ đã dùng lý-trí để khắc-phục bản-năng, kềm hãm được niềm khoái lạc ở vào một mức-độ nhất-định, dưới ngưỡng xạ-tinh, và như vậy, y-khoa Lão-học đã gán cho động-tác tính-đục một phong-thể mới-mẽ, hoàn-toàn riêng tây, bên cạnh một cứu cánh khác-biệt hẳn với cứu-cánh thông-thường là gây thụ-thai. Bí-mật phòng the đã được những tài-liệu y-thuật nghiên-cứu nhiều khi rất sâu-sắc, mà chủ-yếu là do sự đóng góp của giới y-sĩ chịu ảnh-hưởng tư-tưởng Lão-tử, Trang-tử. Ở phần III, chúng tôi đã đan-cử một tác-giả loại này, Cát-Hồng. Chính Cát-Hồng — để chỉ kê một mình họ Cát thôi —, trong bộ *Bảo phác tử* đã dành hẳn mười tám chương để bàn về «phòng trung bửu giám».

Khi *Thôi-tri-Đế* đòi Tống dựa vào thiên can địa chi để mô-tả những thế năm kể như là thuận-lợi cho người sản-phụ trên giường đẻ, thì họ Thôi cũng chỉ góp phần thêm vào sự áp-dụng học-thuyết Lão Trang vào Đông-Y.

oOo

Sự tự-chế, thực ra, không phải chỉ là kim chỉ nam của vấn-đề tiết dục, mà phủ trùm lên tất-cả bầu trời tự tự dưỡng của y-lý cổ-truyền, nhìn từ góc-độ Lão-học. Bởi vì Đạo vốn rất ghét cái gì thái quá cho nên, về nguyên tắc, bậc thánh-trí muốn cho

thân được còn thì phải để thân ra ngoài : «*ngoại kỳ thân nhi thân tồn*». Đặt được tâm và thân ra ngoài các đam-mê, lôi kéo của thể-tục, làm cho hồn và phách hợp-nhất, không cho chúng chia lìa «*lãi doanh phách bảo nhất, năng vô ly hồ*», hướng dẫn các cơ-năng sinh-lý tạng-phủ trở lại với nguyên-khí *tiên-thiên* bằng cách tác-dụng lên thể-trạng, cơ-địa *hậu-thiên* (hai từ tiên thiên hậu thiên của Đông-Y cũng có sinh-quán là Kinh Dịch) qua những biện-pháp đặc-biệt về hô-hấp, vận-khí, luyện công; làm thế nào cho «*chuyên khí trị nhu, rãng anh nhi hồ*», làm cho hơi thở tự lại như ở trẻ sơ-sinh, như thuở nào còn trạng-thái thai tức : đây là cương-linh của một liệu-pháp tu dưỡng khác trong y-thuật phương Đông theo lời răn dạy của Trùng-Nhi Trang-Châu. Chúng tôi muốn đề-cập ở đây đến phép *khí công*,

Đạo nhiếp sinh đặt căn-bản trên một tình trạng «*tinh thần sung-túc, nhi bất ngoại tán*» (1) (*Nội Kinh Tố Vấn*) đồng thời, về phương-diện thể-chất, đòi hỏi một số phương-pháp vận-động, qui-nạp thành hệ-thống lý-luận về *đạo dẫn*, tức là luyện-tập thân mình hầu hoàn-thành những công-trình mệnh-danh là *công-phu, nội-công*. Không những đây chính là những từ thuộc ngôn-ngữ giới đạo-sĩ, mà chính bản-thân những động-tác luyện-tập liên-hệ còn thoát thai từ điệu múa của các vũ-sư, tức phương sĩ cầu mưa của những thời

(1) tinh-thần đầy-đủ mà không bị ngoại cảnh phân-tán.

xa thăm thẳm. Hơn nữa, giới nghiên-cứu quốc-tế còn nghĩ rằng có lẽ môn *chưởng-pháp* trong vũ-thuật Trung-Quốc, với những thể tiến thoái nhịp nhàng gần như những điệu vũ, có thể là hậu thân của thể-dục y-khoa Lão-học.

Trở lại với khí công, đây là một phương pháp trị-liệu độc-đáo của Đông Y, xuất-phát từ quan-niệm chỉnh-thề, nhằm mục-đích làm tăng thêm sức-khỏe cho cơ-thể, giúp trấn-định tinh-thần, hoặc điều-trị một số bệnh-tật.

Có một số nguyên-tắc chỉ-đạo phương-pháp khí công, đúng theo tinh-thần sư-tò họ Lý.

Vì nhận chân rằng Tinh-thần và Vật-chất bắt buộc phải nương nhau để cùng tồn-tại, như Quí và Tiệm, Cao và Hạ phải dựa vào nhau — *Quí dĩ Tiệm vi bản, Cao dĩ Hạ vi cơ* — (Đạo-Đức-Kinh, Chương 39) cho nên nguyên-tắc thứ nhất của khí công là không coi nhẹ thể-chất cũng không độc-tôn tinh-thần mà nhắm tinh-luyện và bồi-bổ cả hai, dẫu rằng có thể, vì kỹ-thuật tập-dượt, đôi khi ta dành luyện thể trước, luyện tâm sau.

Nhưng do nơi nền móng của Đạo là vô vi, là *điềm đạm hư vô*, cho nên nguyên-tắc thứ hai của khí công liệu pháp là luyện-tập phải biết thuận theo tự-nhiên, không cưỡng lại các qui-luật của Tạo-hóa. Do đó :

— khi Hoa Đà chẳng hạn chủ trương vận-động thân-thể để điều-trị bệnh-tật thì bước khởi đầu là nghiên-cứu động-tác của năm loài vật — hẳn

nhiên là rất tự-nhiên — để phòng theo dấy mà sáng-tác một số hình-thức luyện tập gân cốt;

— cả một thiên *Dưỡng-sinh-chủ* trong *Nam Hoa Kinh* cũng chỉ nhấn mạnh đến những cử-chỉ nhịp nhàng thoải mái, thung dung tự tại trong lúc vận-động, mà đại biểu là câu chuyện *Bào-Định* mỗ bò cho *Văn-Huệ-Quân*, dưới nét bút hàm súc của Trang Châu.

Nguyên-tắc thứ ba của khí công thoát-thai từ định-lý «*Nhược giả Đạo chi dụng*» (Đạo-Đức-Kinh, Chương 40), lấy sự mềm dẻo làm yếu-quyết hướng-đạo cho thể-dục y-khoa, vì chính sự mềm dẻo, uyển-chuyển mới có khả-năng giúp thể-chất và tâm-thần cùng phát-triển điều-hòa.

Nhưng bất cứ ở giai-đoạn, thời-kỳ nào, người luyện khí công, theo nguyên-tắc, vẫn cần «*tắc kỳ đoài, bế kỳ môn*» (1) (Đạo Đức Kinh, Chương 52) : ngậm miệng, nhắm mắt, bịt tai, thu cả tâm-hồn vào bên trong, cố-gắng tránh sự kích-thích nguy-hại của thể-giới bên ngoài. Những tư-thể tĩnh-tọa luyện công, diện bích dưỡng thần là địa-bàn ứng-dụng trung-thành nhất của nguyên-tắc thứ tư này.

Tuy nhiên, do nơi tính chất tổng hợp toàn diện của y lý phương Đông, tuân hành chiến lược «*đại chế bất cát*» của Lão tử, cho nên — nguyên tắc được tạm xem là cuối cùng — khí công không bao giờ được vận dụng đơn độc. Trái lại, ở đây cũng như

(1) ngậm miệng. đóng khiêu.

trên những bình diện khác, khi cơ thể đau ốm hay cần được chăm chút thì tất cả các biện pháp trị liệu điều dưỡng đều được huy động: thuật cứu, phép châm, thể dục, vận khí, trầm tư, tiết-thực, dược thảo và dược liệu động vật, tất cả cùng nhằm vào một mục tiêu: tái lập quân bình cơ thể. (2)

Ở đây, tưởng có thể nêu một vài giả thuyết. Trong nền võ thuật Trung Hoa, những hệ phái như Võ Dương, mà các môn đệ luôn luôn phục sức và tu dưỡng theo giới đạo sĩ, có vẻ như theo đúng đường lối luyện thân dưỡng thần do Lão Trang chủ xướng, trong khi phái Thiếu Lâm, vốn là môn sinh của Đạt ma sư tổ từ Tây Trúc đến, lại theo một đường hướng luyện công khác hẳn, tuân hành giáo lý Đức Từ Hàng. Phải chăng vì thế mà một số lớn những thể võ, chiêu kiếm thường được đặt tên theo động tác của cầm thú như Kim kê áp noãn, Đại bàng chuyển dực, Hẫu vương hiển đào v.v..., gọi lại năm loài vật của đại y tôn Hoa Đà? Gần chúng ta hơn như đạo của Nhật Bản là hội quang sáng chói của tư tưởng «yếu mềm là cái dụng của Đạo» trong kỹ thuật luyện võ.

Đặc điểm của phương pháp khí công là tuyệt đối không dùng đến thuốc, chỉ nương tựa vào thuật luyện công, tự mình làm cho yên tĩnh tinh thần, điều hòa hơi thở, đưa cơ thể đến tình trạng ổn cố thăng bằng khang kiện.

Trình bày một cách thực sơ lược,

chúng ta có thể quy nạp các phương pháp khí công vào hai thời kỳ: một thời kỳ hữu hình, được tiến hành trước, một giai đoạn vô hình, tiến hành sau.

Trong thời kỳ hữu hình, chủ yếu có «động công» và «tĩnh công».

Động công đòi hỏi sự vận động tứ chi, cơ thể, theo những lễ lối như Lục đoạn cầm, Bát đoạn cầm, Thái cực quyền, Bảo kiện công v.v...

Tĩnh công đặt nặng vấn đề yên tâm thần, định hồn phách, đưa đến một tình trạng *relaxation* hoàn toàn, xuyên qua những môn «trạm công» như Khúc tất trạm, Bất khúc tất trạm, Thường trạm, Tiệm trạm...; những môn «thụ công» như nằm thẳng, nằm nghiêng, nằm ngửa, nằm sấp, những môn «quỳ công» (quỳ gối) và những môn «tôn công» (ngồi xồm) v.v...

Đến giai-đoạn thứ hai, giai-đoạn vô hình, thì kẻ tập luyện khí công có thể xem như thực sự theo đúng yêu chỉ «Đạo pháp tự-nhiên» (Đạo bất cưỡng tự-nhiên), bởi lẽ trong thời-kỳ này, khí công và sinh-hoạt hoàn-toàn nhất trí cũng như hình thần hợp nhất vẹn tròn: trong khi lao động nghỉ-ngơi, tùytheo thời-gian mà linh-động dưỡng khí và vận khí trên căn-bản thường xuyên tăng-cường thể lực, rèn dũa kỷ-ức, tinh-luyện tư duy, gia-bội năng-khiếu.

Nhìn chung, lối rèn tâm chính thể trong thể dục thể thao Lão-học là cố-

(2) J. H. F. Otto Über Ganzheitsbetrachtung in der chinesischen Heilkunst. *Arztliche Wochenschrift*. Heft 8, 23 Februar 1951.

gắng làm sao cho Tâm yên đề Thần vững, với hệ-quả đương nhiên là Thần vững thì Tinh đầy. Đạt được mục-tiêu ấy là kẻ như đã nắm được Đạo, đồng-hóa được với Đạo, đề cùng với Đạo «trường sinh cửu thị» (1) Đạo Đức Kinh. Chương 59).

Nói cách khác, người tinh-thông phép nhiếp sinh, biết tự mình điều dưỡng cơ-thể theo một số nguyên-tắc, kỹ-thuật mà Đông-Y đã qui-định rành-rẽ và liên-tục tu-chỉnh trong các y-thư, thực-kinh và bản-thảo, thì không sao chết được. Dĩ nhiên chết ở đây không phải là cái

chết của xác thân, mà là cái chết của tinh-thần, chắc chắn sẽ xảy ra khi xa lìa Đạo. Kẻ đã đưa bản-tính của chính mình hòa-đồng cùng bản-thể của Đạo thì làm sao chết được, vì lẽ đương-sự đã sống trong cái «không thể chết». «Cái vẫn thiện nhiếp sinh giả» thì «vô tử địa» (Đạo-Đức Kinh, Chương 50).

TRẦN-VĂN-TÍCH
Sg 09-03-1974

Kỳ tới.— Phần tổng-kết hay phần «Ôn tân nhi tri cố».

(1) sống lâu không già.



Nhức đầu
...
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ

SERVICE
SCIENCE
H. TRẦN

1211/877/0000

* Chúng ta có một chữ kỳ dị. Đó là chữ «*thống khoái*». Tại sao đã đau đớn (*thống*) lại còn khoái?

* Tuy nhiên *thống khoái* đúng là cái cảm tưởng khi đọc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, đọc *Le Pavillon des Cancéreux* của A. Soljenitsyne.. cũng như đọc **CHIẾC MẶT NẠ DA NGƯỜI** của Nguyễn Xuân Quang. Nghĩa là khi đối diện với những đau khổ cùng cực của kiếp người, hoặc dồn dập trên đám trẻ con Do-thái, hoặc trên một cô gái long đong, hoặc trên đám tù nhân dưới chế độ độc tài, hoặc trên những cơn bệnh hiểm nghèo...

* Tại sao những cảnh thế thảm ấy làm ta say mê? Phải chăng con người có cái tâm lý mâu thuẫn lạ lùng là *khoái* biết đến cùng những gì *đau đớn* nhất có thể xảy đến cho con người? Muốn rõ hơn nên tìm đọc:

CHIẾC MẶT NẠ DA NGƯỜI

của Nguyễn Xuân Quang

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS



Konrad Lorenz

Chung quanh vấn đề Người và Thú

« Bản tính gây hấn trong con người càng lúc càng phát triển quá mức, vượt ra khỏi giới hạn của nhu cầu sinh tồn và tiến bộ, để trở thành bạo lực... Con người bây giờ đã đánh mất mối liên lạc với thiên nhiên... Quyền sách của tôi, do đó chính là một bản cáo trạng, một lời cảnh giác kịp thời, trước khi chúng ta rơi vào một tình trạng bất khả hoán cải... »

Quyền sách vừa nhắc tới trên đây, trong đó chứa đựng toàn những luận cứ bi quan, được mang tên *« Tám đại tội của nền văn minh hiện đại »*. Sách dày 100 trang, xuất bản trong tủ sách của nhà Gallimard, và khi vừa ra đời đã trở thành một best-seller hàng đầu trong sinh hoạt văn học tại Đức quốc nói riêng và cả Âu châu nói chung. Tác giả của nó cũng chính là một khuôn mặt đang được đặc biệt chú ý: Konrad Lorenz, nhà phong tục học người Áo bảy mươi tuổi, người đã rời bỏ đời sống thành thị để về ẩn cư và theo đuổi những công trình nghiên cứu tại một làng nhỏ bé miền thượng du Áo quốc, làng Grūnau, cách Vienne 250 cây số. Nơi đây, ông ta sống giữa cả một thế giới thú vật đối với ông ta đã trở thành thân thuộc: ngỗng, vịt, chim chóc, cá v.v..., cái thế giới làm đối tượng cho cuộc khảo cứu và phát giác đang gây sôi nổi — Cuộc khảo cứu và phát giác về mối tương đồng trong lề lối sinh hoạt giữa người và thú.

Thật ra, nếu nói rằng Konrad Lorenz là người duy nhất tạo ra những mâu thuẫn và tranh luận gay gắt hiện nay trong lãnh vực phong tục học (một khoa học tương đối mới mẻ và đang đà phát triển) thì kẻ cũng quá đáng. Giải thưởng Nobel

phát hồi năm ngoái là một giải thưởng chia ba: ngoài Lorenz, còn có nhà bác học Hòa Lan Nicolaas Tinbergen và nhà bác học Tây Đức Karl Von Krisch. Hai ông này, cùng với Erich Von Holst trước đây, mới chính là những người đóng vai trò

chủ chốt trong việc quảng bá các quan niệm căn bản về phong tục học. Nhưng hiện nay, xuyên qua những cuộc tranh luận thuộc bộ môn này, người ta chỉ thấy nhắc đến tên Lorerz; lý do có lẽ là vì Lorenz đã đi xa hơn bất cứ một nhà phong tục học nào khác trong việc áp dụng những kết quả khám phá về đời sống loài vật vào sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người. Ngoài ra, người ta cũng có thể nêu ra thêm một lý do khác, dè dặt hơn: Mỗi tương quan mờ hồ và bí mật giữa Lorenz và chủ nghĩa Đức Quốc Xã trước đây dường như cũng tạo nên một yếu tố chủ quan mang màu sắc chính trị, xen lẫn vào không khí của cuộc tranh luận giữa các nhà trí thức về những lý thuyết khoa học do Lorenz đề xướng.

Sự tương đồng: có thật hay chỉ là ngộ biến?

Nói một cách hết sức giản lược, cơ cấu căn bản của phong tục học chính là sự nghiên cứu về những khuôn mẫu của cung cách sinh hoạt của mọi chủng loại sinh vật, dựa trên một ý niệm chỉ đạo, rằng những khuôn mẫu đó vừa là kết quả của định luật thiên nhiên, vừa là sự phát triển của các hình thái sinh lý và cơ thể có tính cách tiệm tiến và hiển nhiên. Để xây dựng cơ cấu trên đây những nhà phong tục học không thể không đặt nặng tầm mức quan trọng của những công trình thí nghiệm nhằm theo dõi và phân tích tiến trình chuyển biến trong sinh hoạt động vật, hầu từ đó rút ra các hệ quả có

thể áp dụng vào sinh hoạt xã hội nói chung. Trong tinh thần ấy, người ta không ngạc nhiên khi thấy một số hệ quả, được giải thích theo một chiều hướng cực đoan nào đó, sẽ đưa tới các phát hiện táo bạo, gây dị nghị và mâu thuẫn đáng kể. Trường hợp Lorenz là một trường hợp quan trọng, có lẽ chính là vì ông ta đã dám bước đi xa hơn những nhà phong tục học khác đối với các hệ quả thu lượm được, và đáng kể hơn, vì ông ta đã dám hy sinh quá nhiều cho mỗi đam mê của mình để đi nốt con đường mà ông ta quyết tâm lựa chọn.

Khuyên hướng của Lorenz được biểu lộ ngay từ thời niên thiếu. Ông ta sinh ra và lớn lên trong một làng nhỏ bé tại Altenberg (Áo quốc) dưới sự bảo bọc và dạy dỗ của thân phụ, một y sĩ chuyên khoa chỉnh hình tên tuổi. Căn nhà của gia đình Lorenz là một căn nhà được xây cất và trang hoàng hết sức kỳ quặc, với những hình vẽ sặc sỡ trên trần, những bậc cầu thang bằng cẩm thạch... — và trong nhà đầy những thú vật. Nhân cuộc phỏng vấn gần đây dành cho tạp chí Newsweek, Lorenz thổ lộ «Cha mẹ tôi đã rất chiều chuộng tôi trong việc cho phép tôi nuôi trong nhà và ngoài vườn đủ mọi loại muông thú».

Sau khi theo học tại cả Áo quốc lẫn Hoa kỳ và tốt nghiệp về y học và động vật học, Lorenz thực sự chuyển sang bộ môn nghiên cứu mà ông ta dành trọn cuộc đời dốc tâm theo đuổi — sự nghiên cứu về chủng-loại-tiến-hóa (évolution spécifique). Thoạt

tiên, Lorenz chỉ học hỏi thuần túy về cơ thể học đối chiếu; nhưng rồi dần dà ông nhận thức được khả năng áp dụng những quan niệm về tiến hóa trong một bình diện rộng lớn hơn: «*Học hỏi phương pháp đối chiếu có nghĩa là không thể không đi tới chỗ nhận thức rằng những khuôn mẫu của cung cách sinh hoạt chính là những đặc tính chung loại đáng tin cậy chẳng khác nào các biểu hiện của xương và răng; và chính từ đó, không ít thì nhiều, đã đưa tới sự phát sinh của ngành phong-tục-học đối chiếu*».

Từ nhận thức tiên khởi trên đây, Lorenz xây dựng những lý thuyết độc đáo của mình. Mặc dù gặp nhiều sự chống đối, chỉ trích, ông ta vẫn nhất mực tin tưởng rằng tiến trình của cung cách sinh hoạt chung loại chẳng qua chỉ là sự phát triển và quảng bá hợp lý của những lý thuyết tiến hóa căn bản đề xướng bởi Charles Darwin trước đây. Theo Lorenz, loài người cũng như loài vật, đều sinh ra với những bản năng nhất định nào đó và những khuôn mẫu của lẽ lối sinh hoạt được đào tạo trên căn bản di truyền; — tất cả những thứ đó đặt nền móng cho mọi kinh nghiệm sống sau này. Các nhà phong tục học cho rằng có bốn loại bản năng chính yếu, trong con người cũng như trong con vật: bản năng đói khát, bản năng sinh thực, bản năng sợ hãi, và bản năng gây hấn. Sự hướng dẫn của những bản năng này quả thật là thiết yếu trong mục đích sinh tồn, nhưng điều đáng ngại là chúng có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức khác

nhau. Bản năng gây hấn trong một vài loại cá, chẳng hạn, cho người ta thấy rằng nguồn tiếp liệu đầy đủ về thực phẩm chỉ có thể đạt được bằng một sự khu phân rộng lớn hơn trong lãnh vực sinh hoạt: Mỗi con cá Beau Gregory đực (một loại cá nhỏ xiu đầu màu xanh và bụng màu vàng) thường xuyên canh chừng hàng chục thước quanh «lãnh thổ» của chúng để không cho bất cứ những con cá đực khác cùng chung loại được xâm lấn vào. Tuy nhiên, những khuôn mẫu của cung cách sinh hoạt được thích ứng hóa thường đưa tới các vấn đề rắc rối hơn là sự nhận xét như trên đây — và một trong những bồn phận quan yếu của nhà phong tục học chính là khám phá mục đích của những khuôn mẫu thích ứng hóa đó. Lorenz giải thích: «*Câu hỏi đầu tiên người ta cần đặt ra là: thích ứng hóa với cái gì? Với sự tranh đấu nhằm chiếm đoạt «đôi bạn», hay với sự bảo vệ lãnh thổ, với sự bảo tồn thực phẩm hay với mục đích duy trì sự an toàn cho những con cái của chúng?*» Tóm lại, đâu là lý do thực sự của sự phổ diễn một khía cạnh của bản năng gây hấn mà người ta có thể tìm thấy nơi loài cá tí hon Beau Gregory? Nói cho cùng, những hình trạng được giả thiết chung quanh bản năng và các khuôn mẫu sinh hoạt chung loại thì vô cùng tận, và chính vì thế mà người ta khó lòng thiết lập nổi một lịch trình tiến hóa nhất định. Lorenz cũng như nhiều nhà phong tục học khác đành phải duy trì quan điểm rằng một vài khuôn mẫu thật ra chẳng qua chỉ là những biểu tượng

của một thiên kiến lầm lạc về tiến hóa. Hơn thế nữa, có những khuôn mẫu bẩm sinh hoàn toàn lành mạnh nhưng lại tạo ra nhiều hậu quả kỳ quặc nếu chúng loại liên hệ bị chi phối bởi một phương thức thâu thập kinh nghiệm sai lầm nào đó. Một trong số các thí nghiệm nổi tiếng nhất của Lorenz là cuộc thí nghiệm nhằm chứng tỏ sự chi phối của «ấn tượng» đối với một chú ngỗng sơ sinh khiến cho chú ta từ đó nhất định leo đèo đi theo cái vật di động đầu tiên mà chú ta nhìn thấy khi mới chào đời. Thông thường, loài ngỗng (hay vịt con) tiếp nhận ấn tượng từ mẹ chúng. Nhưng Lorenz đã thử tạo những ấn tượng khác bằng các vật bất động (như những quả bóng cao su chẳng hạn) — và ông ta cũng đã công bố nhiều cuộn phim chiếu cảnh chính ông ta bơi lội trong một chiếc hồ, theo sau là cả một đàn vịt con thật dễ thương và ngoan ngoãn.

Nếu chỉ áp dụng vào loài vật không thôi, hẳn là những khám phá như trên đây sẽ đem lại nhiều thích thú. Nhưng cũng những khám phá kiểu đó, đem áp dụng vào loài người, thì kết quả bỗng trở thành quá đột ngột và tức khắc gây ra một loạt xáo trộn. Nhưng Lorenz đã hăng hái đương đầu với mọi xáo trộn. Mặc dù thoát tiên ông ta cũng có lời thanh minh thanh nga rằng những hệ quả song hành giữa người và thú thường còn phải được xét lại; nhưng rồi chính ông ta lại thực hiện một bước nhảy vọt vào năm 1963, khi cuốn sách mang tên *«Lý thuyết về bản năng gây hấn»* ra

đời, đề cập thẳng đến những hệ quả song hành nêu trên. Kể từ thời gian đó, người ta nhận thấy mỗi lúc Lorenz một trở nên táo bạo hơn trong việc áp dụng các khám phá vào lãnh vực sinh hoạt của con người. Ông ta đã dám tiến tới nhận định rằng con người cũng có thể bị chi phối bởi những ấn tượng trong khoảng tuổi thanh xuân, khi hẳn ta có khuynh hướng lo là sự tuân phục đối với các tập tục truyền thống để đi tìm những đối tượng mới mẻ. Chính từ nhận thức trên, Lorenz đi đến kết luận: những nhà lãnh đạo gian hùng theo chủ trương mị dân có thể sử dụng ấn tượng để nhồi nắn lớp người trẻ tuổi.

Cứ như thế, Lorenz trình bày với độc giả một cơ cấu luận đầy hấp dẫn, đầy thú vị, về sự mô tả cung cách sinh hoạt của thú vật bằng cách tạo cho độc giả một cảm tưởng rằng cung cách ấy có những nét tương đồng từ mơ hồ đến rõ rệt, với hoàn cảnh sinh hoạt của loài người. Chẳng hạn, nghiên cứu đặc tính hợp quần của một loài cá nhỏ mang tên bạch dương ngư (vairon); Lorenz dẫn chứng một cuộc thí nghiệm do Erich Von Holst thực hiện trước đây, trong đó một chú cá bạch dương bị mổ để lấy ra nguyên bộ não. Sau đó, khi trở lại đàn, chú cá này không còn một chút khuynh hướng quần tụ nào, chú ta bơi tung tăng, tách rời khỏi đồng loại. Và điều ly kỳ nhất, là ngay tức thì, tất cả những chú bạch dương ngư khác bèn bơi theo, mặc nhiên coi chú bạch dương ngư mất não bộ

kiểu như «nhà lãnh đạo» của chúng.

Dẫn chứng cái thí nghiệm khá thú vị trên đây, và trình bày bằng một cung cách đầy khéo léo, Konrad Lorenz muốn đưa ra một ẩn dụ nào chăng? Hẳn nhiên là có. Nhưng người ta tự hỏi, từ những ẩn dụ rời rạc ấy, ông ta còn muốn tiến tới một định đề có tính cách tổng hợp nào nữa hay không?

Từ gây hấn đến bạo lực

Như trên đã nói, người ta nhận thấy rằng kể từ tác phẩm «*Lý thuyết về bản năng gây hấn*» cho đến những quyển sách gần đây nhất như «*Tám đại tội của nền văn minh hiện đại*» và «*Mặt sau tấm gương*»..., Lorenz càng lúc càng bỏ xa các nhận định về mối tương đồng gián tiếp giữa người và thú, để đi thẳng vào các nhận định về thân phận con người. Để giải thích những khía cạnh có vẻ phi lý, nghịch thường và tàn bạo của lịch sử loài người, ông ta lập luận rằng loài người, cũng như loài thú, được sinh ra với một số bản năng và khôn mẩu xử thế căn bản tiến triển theo thời gian. Tất cả những khía cạnh nghịch thường ấy sẽ được biện giải minh bạch và sẽ sụp đổ hoàn toàn, một khi người ta chấp nhận rằng cung cách sinh hoạt của con người vẫn luôn luôn tùy thuộc vào những định luật của bản năng bẩm sinh.

Thế còn về bạo lực? Tại sao lại có một sự phát triển quá mức và đáng ngại đến độ ai cũng nhận thấy như thế? Lorenz tự đặt câu hỏi và tự

trả lời: theo ông ta, bản năng gây hấn trong loài thú cũng như loài người thật ra không hẳn là tốt hay xấu. Một cách khách quan, người ta thấy rằng cái bản năng ấy thường được sử dụng trong mục đích thiết yếu là duy trì sự sinh tồn, và hơn thế nữa, khi được hướng dẫn đúng mức bởi những cơ cấu thích ứng-hóa lẽ lối sinh hoạt, thì nó lại còn là một trong những yếu-tố được các nhà phong-tục học chấp nhận để giải thích các đặc điểm rất quyến rũ trong con người, chẳng hạn như tình yêu và tiếng cười. Nhưng dần dà, theo Lorenz, kiến thức nhân loại đối với thế giới bên ngoài đã vượt qua khỏi giới hạn của khả năng xử thế tự nhiên, để tự thích ứng vào những hoàn cảnh mới. Và con người đã chế tạo những vũ khí mỗi lúc một tối tân, khủng khiếp hơn, với một mức độ nhanh chóng gấp nhiều lần so với khả năng phát triển các cơ năng dùng trong mục đích tự tồn của loài thú. Cũng trên chiều hướng ấy, con người đã học hỏi những phương cách khuếch trương cái khu vực sinh sống chính (espace vital) của mình và đẩy trái đất tới tình trạng nhân mãn một cách quá mau lẹ đến độ những chuyển biến tiệm tiến của cung cách sinh hoạt không sao bắt kịp nổi.. Nói cách khác, Lorenz giải thích rằng sự hòa-hợp và thích-ứng-hóa của lẽ lối sinh hoạt ở loài vật tùy thuộc vào hai yếu tố: mối tương quan đồng loại, và khu vực sinh sống chính. Con người cũng không vượt ra ngoài định luật này. Khu vực sinh sống chính của con người có đặc tính vừa vật chất

vừa tâm lý: chúng ta tự tạo lấy một đồng-nhất-tính. Và chính bởi thế, thảm kịch của nền văn minh thế-kỷ 20 này chẳng qua chỉ là sự đánh mất cái khu vực ấy, để rơi vào tình trạng khiến cho cái đồng-nhất-tính của nhân loại ngày một bị đe dọa nặng nề hơn.

Lorenz tiếp tục đi sâu vào chi tiết. Ông ta phân tích hiện tượng nổi loạn của thế hệ thanh thiếu niên hiện đại. Sự nổi loạn ấy theo ông ta, rất có lý nếu đối tượng phản kháng nhằm vào «những lầm lỗi đầy tính chất hủy hoại» của những bậc làm cha mẹ, nhưng điều đó không có nghĩa rằng thanh thiếu niên nên xóa tan mọi giá trị xã-hội hiện hữu, bởi lẽ các giá trị đó chính là di sản của chúng ta: «Thảm kịch nằm ở chỗ giới trẻ quyết tâm chối bỏ tất cả, và một khi chúng đã chọn lấy một thái độ như thế, thì cả các phương cách tổ chức đời sống chúng ta trong nền văn minh kỹ nghệ cũng phải chịu chung ảnh hưởng đáng ngại... Khu vực sinh sống chính của mỗi cá nhân đang bị đe dọa bởi nạn nhân mãn. Liệu bây giờ người ta còn có thể bảo tồn mối liên hệ giữa trẻ con và cha mẹ chúng hay không; mối liên hệ ấy, sự tiếp xúc mà ta vẫn thường coi như mối tương quan căn bản nhằm giúp đưa trẻ tự tạo lấy khu vực sinh hoạt riêng của nó và phát triển bản chất cá nhân của nó? Ngày nay, trong các thành thị, cách tổ chức đời sống và công việc đã khiến cho sự tiếp xúc giữa đứa trẻ và cha mẹ mỗi lúc một bời bợt, hiếm hoi. Và rồi thêm vào đó, đứa trẻ, sống giữa một thế giới cơ khí cứng nhắc, đánh

mất hoàn toàn mối liên hệ với thiên nhiên. Nó sẽ tìm một phương tiện diễn đạt, biểu lộ nào đó cho cuộc sinh hoạt, và nó còn tìm thấy được phương tiện nào khác, nếu không phải là sự gây hấn, sự phản kháng? Tóm lại, chính chúng ta, chúng ta đã làm ô uế tất cả. Con người tự phá hủy khung cảnh sinh hoạt của mình, và do đó, tự phá hủy chính bản thân mình... Trong nền văn minh kỹ nghệ ngày nay, người ta sản xuất đề mà sản xuất, chế tạo đề mà chế tạo, một cách mù quáng, không đếm xỉa gì đến nhu cầu thực sự. Kết quả là từ tình trạng thặng dư tài sản đưa đến mức tiêu thụ quá đáng, và rồi khủng hoảng kinh tế lại trở thành điều không thể tránh khỏi... »

Lorenz chuyển qua một vấn đề khác: « Con người bây giờ không còn biết thưởng thức những thú vui giản dị nữa. Càng lúc chúng ta càng suy nhược về cả thể chất lẫn tinh thần. Chúng ta tự đặt mình vào trong một tư thế an lạc yếu đuối và thụ động, tự nhủ mình: đừng bao giờ cố gắng. Kết quả là gì: Mọi giác quan của chúng ta bị ngủ quên, và mọi bắp thịt của chúng ta ngày càng mòn mỏi. Con người trở thành chú cừu non, ngay cả trên phương diện biểu hiện. Mới độ hai mươi năm trước đây, trong khách sạn của một khách sạn lớn, người ta còn có thể nhận ra sự khác biệt giữa một người Mỹ và một người Ý, giữa một người Anh và một người Đức. Bây giờ thì sự phân biệt như thế không thể nào thực hiện được nữa. Những tương dị về chủng loại biến mất, chúng ta thấy đều trở thành đồng dạng. Hãy

nhìn ngay bọn thanh thiếu niên mà xem : chúng tụ họp nhau, hòa đồng nhau như một khối duy nhất. Chúng kêu gào phản chiến thật đấy, nhưng sự thực là chưa bao giờ người ta nhận thấy khuynh hướng đồng dạng ở tuổi trẻ mạnh mẽ đến như ngày nay. Chính sự đồng dạng ấy làm cho tôi cảm thấy chán nản. Nó là dấu hiệu báo trước sự mất mát toàn diện của những giá trị, những giá trị mà chúng ta phải thấu đạt qua hàng chục thế kỷ. Nếu giới trẻ cho rằng họ có thể tái tạo trong vòng mười năm những công trình của hàng triệu năm, thì họ hoàn toàn nhầm lẫn. Đồng ý là họ có quyền nổi loạn, chống đối, nhưng coi chừng : cái phương cách chống đối hiện tại của họ rất có thể đưa chúng ta trở về thời đại thạch-khí; cái hình ảnh của con người sống buông thả theo bản năng, không có văn hoá, cái hình ảnh ấy giá có được như kiểu con người *bon sauvage* của Jean Jacques Rousseau thì cũng còn đỡ, nhưng đằng này ngược lại : Con người sẽ trở nên tệ hại hơn cả những loài thú hung bạo. Đây chính là hiểm họa lớn lao nhất của nền văn minh chúng ta, nhưng chẳng ai thêm đề tâm đối phó... »

Vinh thăng và chống đối

Lorenz có bi quan quá chăng ? Xét cho cùng, trong một thời đại đầy đe dọa như hiện nay, khuynh hướng bi quan đã trở thành điều tất nhiên, và Lorenz cũng chẳng phải là người đầu tiên và duy nhất đưa ra những luận cứ bi quan về viễn ảnh văn minh nhân loại. Vấn đề đặt ra ở đây là giá

trị thực chất của những luận cứ ấy. Nếu Lorenz tự giới hạn một cách chặt chẽ vào những công trình nghiên cứu và khảo sát về loài vật thì e rằng khó có khoa học gia nào hiện nay qua mặt nổi ông ta. Phần lớn giới khoa học gia đều phải công nhận rằng ông ta có một linh khiếu dị thường trong việc thấu hiểu những đặc tính biến hóa đầy linh động và phức tạp của sinh hoạt loài vật. Nói như George Barlow, một nhà phong-tục học Hoa kỳ đã từng cộng tác với Lorenz : « Có biết bao nhiêu người cùng nghiên cứu lãnh vực này, nhưng không ai có thể đạt tới những tổng hợp bằng một phương thức dung dị và minh bạch đến như thế ».

Nhưng, mặt khác, ngay từ bước khởi đầu, quan điểm về phong-tục học của Lorenz (hay nói đúng hơn, do Lorenz đề xướng và trở thành cả một hệ phái) đã xung khắc trực tiếp đối với những học giả nổi tiếng nhất hiện nay, chẳng hạn như giáo sư B.F. Skinner. Thật vậy, Skinner và những môn đệ của ông quan niệm rằng con người không hề có những khuôn mẫu xử-thế bẩm sinh ; hẳn học hỏi mọi thứ từ thế giới chung quanh. Khẳng định hơn nữa, nhà nhân loại học Ashley Montagu tuyên bố « Con người không có bản năng nào hết. Và trên thực tế, cũng chẳng có một sự kiện nào chứng minh cho tính gây hấn bẩm sinh trong bất cứ một sinh vật nào đã từng được khoa học nghiên cứu từ trước đến nay ». Do đó, Montagu cực lực phản đối một số nhận định của Lorenz : « Một

chú gà con đáp lại tiếng gọi của gà mẹ, chẳng phải vì nó có một cơ cấu bẩm sinh nào đó để hành động như thế, mà là vì nó đã nghe thấy tiếng gọi ấy ngay từ khi còn nằm trong lòng trứng».

Cũng gay gắt không kém khi phê bình Lorenz, một số nhà phong tục học Anh quốc cho rằng Lorenz đã không thực sự sử dụng những phương pháp khoa-học khi nghiên cứu con người: «Ông ta là loại người tự cao tự đại quá đáng, sẵn sàng đưa ra những lý thuyết đao to búa lớn. Ông ta có thể nói rằng: bất cứ điều gì mà tôi từng nhận thấy trong một vài giống muông thú đều có tầm mức áp dụng tổng quát đối với toàn thể vũ trụ.» Lorenz còn bị coi như đã phạm một «tội ác khoa học» khi ông ta thực hiện kỹ thuật ngoại suy từ lẽ lối sinh hoạt của loài thú đến lẽ lối sinh hoạt của loài người; bởi lẽ «có biết bao nhiêu hệ thống tổ chức chỉ dành riêng được cho loài người, mà loài thú chẳng thể nào thể hiện nổi». Trong khi đó, dưới một nhãn quan khác, nhà tâm lý học Frederic Wertham chỉ trích Lorenz: «Ông ta đang mang nhĩa tư tưởng tiêu diệt con người. Lý thuyết của ông ta về bản năng xâm lấn là ý niệm nguy hiểm, độc hại nhất mà người ta từng dạy cho thanh thiếu niên trên khắp thế giới. Bởi lẽ, nếu bạn duy trì tư tưởng cho rằng bạo lực luôn luôn nằm sẵn trong chúng ta, rằng nó không thể bị hủy diệt mà chỉ có thể được kiểm soát phần nào mà thôi, thì vô hình chung, bạn đang phản

bội lại tất cả những nỗ lực thực sự của nhân loại nhằm mục đích diệt trừ bạo lực vậy».

Những lời chỉ trích nặng nề trên đây phải chăng phần nào bắt nguồn từ một thành kiến đối với cá nhân Konrad Lorenz — hay nói rõ hơn, đối với quá khứ của ông ta, vì vai trò nghịch thường mà ông ta đã đóng trong thời kỳ đệ nhị thế chiến. Thời kỳ này, theo chính lời phát biểu của Lorenz, ông ta gặp gỡ nhà phong tục học lừng danh Erich Von Holst trong khi đang làm phụ khảo về khoa giải phẫu tại Đại học đường Vienne. Von Holst đã giới thiệu Lorenz làm giáo sư thực thụ tại Đại học đường Königsberg vào năm 1940. Lorenz giảng dạy ở nơi đây cho đến khi gia nhập quân đội Đức (quốc xã) năm 1942 và phục vụ với tư cách bác sỹ thần kinh. Sau hai năm trời trong bệnh viện ở Balan, ông ta được phái qua mặt trận Nga-sô và bị bắt cầm tù tại đó vào năm 1944, mãi đến năm 1948 mới được trao trả.

Xuyên qua tất cả những sự kiện nêu trên, Lorenz tuyên bố rằng ông ta thực sự không bao giờ đặt tin tưởng vào cá nhân cũng như chủ nghĩa của Hitler. Ông ta cũng bày tỏ rằng tất cả công trình nghiên cứu khoa học từ trước đến nay luôn luôn nằm trên một căn bản tách rời khỏi chiến tranh và chánh trị.

Nhưng những người khác, tiếc thay, lại chẳng chịu tin như thế. Người ta vẫn khẳng khẳng cho rằng Lorenz quá đã có những liên hệ cá nhân với

chủ nghĩa quốc xã. Để dẫn chứng, người ta nhận xét: trong một bài báo in tại Đức năm 1940, Lorenz đã viết về «những triệu chứng suy đồi mà chúng ta bắt gặp trong cung cách sinh hoạt xã hội mang đặc tính chủng loại cá biệt của những đồng bào ta.» Và ông ta đã đi đến kết luận rằng «chúng ta cần phải — và chúng ta có thể — đặt tin tưởng trên các cảm quan lành mạnh của thành phần ưu tú nhất trong xã hội, với mục đích tiêu diệt những thành phần cận bã.»

Đó là chuyện của năm 1940, chuyện của một thời quá khứ. Nhưng hồi năm ngoái, khi Hàn Lâm Viện Thụy Điển quyết định chọn Lorenz để phát giải Nobel, thì câu chuyện quá khứ ấy bị khơi lại: Simon Wiesenthal, người vẫn được coi như kẻ thù của chế độ quốc xã, đã lên tiếng yêu cầu Lorenz trình bày lại những quan điểm của ông ta trong thời thế chiến. Lorenz «bị» mời lên đài truyền hình Hòa-Lan để chính thức trả lời những vấn nạn. Các câu phỏng vấn gay gắt khiến ông ta nhiều lúc đỏ mặt và bối rối. Ông ta cố gắng cho thấy rằng vai trò của mình trong chiến tranh là một vai trò không đáng kể, đồng thời phủ nhận về những bài viết liên quan đến vấn đề chủng tộc. Nhưng về sau, với áp lực quý nặng nề của báo chí, Lorenz đành phải xác định các sự kiện quá khứ, và công nhận: «tôi rất ân hận về chuyện đó. Bây giờ những quan niệm của tôi về chế độ quốc xã đã hoàn toàn thay đổi.»

Nhưng Lorenz quả thực đã tách rời những yếu tố cá nhân ra khỏi thế

giới chuyên môn của khoa học, khi song song với những lời xác nhận minh nhiên trên đây, ông ta tiếp tục bênh vực các lý thuyết đã đề xướng, và tiếp tục gác bỏ ngoài tai mọi chỉ trích của những học giả bảo thủ mà ông ta mệnh danh là những kẻ «ngụy dân chủ». Lorenz cũng bác bỏ lập luận cho rằng các lý thuyết về bản năng gây hấn chính là sự biện minh cho bạo lực, bởi vì ngược lại, «chỉ khi nào mà con người thấu hiểu những nguyên nhân thực sự của cung cách xử thế của hân, thì hân mới có thể định hướng lại cái bản năng gây hấn một cách thích ứng ngõ hầu sống thanh bình với đồng loại.» Từ lập luận đó, Lorenz đi tới một kết luận rất tự tin về tương lai học thuyết của mình, và không ngần ngại phát biểu rằng những lý thuyết mà ngày hôm nay ông ta xướng xuất sẽ chịu đựng mọi thử thách của thời gian, đề rồi «trong một tương lai không xa, chẳng riêng các khoa học gia, mà nói chung phần lớn những ai đủ thông minh đều sẽ coi những lý thuyết ấy như một sự thật tầm thường và hiển nhiên.»

Trong khi chờ đợi cái tương lai không xa đó, Lorenz đã chọn lấy cho ông ta một thứ «khuôn mẫu sinh hoạt» khá thú vị. Ông ta rời bỏ thành thị, rời bỏ công việc giảng huấn tại đại học đường để về ẩn cư tại miền cao nguyên, nhập mình vào một thế giới hoang dã, trong không khí khoáng đạt, dưới bầu trời bao la, và giữa những bầy muông thú thân yêu với ông ta như những đứa con. Để nghiên cứu sinh hoạt những đứa con

kỳ quặc ấy, ông ta sẵn sàng tôn trọng cái bản chất hoang dã của chúng, sẵn sàng hòa mình với chúng, tập nói ngôn ngữ của chúng, sẵn sàng cùng leo cây, cùng bò bốn chân, cùng bơi lội trong đầm, và cùng nằm hàng giờ trên mặt đất, tắm ánh nắng buổi trưa vùng cao nguyên... Nằm giữa bầy ngỗng trời trong một buổi trưa như thế, Lorenz phát biểu quan niệm nhân sinh với một ký giả báo Paris Match: "Đây mới thực là đời sống. Tại sao con người lại có thể chịu đánh mất cái cuộc sống quý báu như thế này: thức giấc dưới ánh mặt trời, hít thở không khí trong lành, mệt thì ngủ và đói thì cứ việc ăn... Tôi đã lựa chọn con đường này chính là để nuông chiều tính lười

biếng bằm sinh của tôi, vì nghiên cứu về loài vật chẳng qua chỉ là một cuộc quan sát lâu dài và thụ động..."

Konrad Lorenz mâu thuẫn hay khiêm nhượng? Điều ấy còn tùy. Nhưng dẹp qua một bên tất cả những lý thuyết này nọ, dẹp qua một bên tất cả những vinh thăng hay chỉ trích, hãy cứ nhìn cuộc sống hiện tại của ông ta, giữa thiên nhiên, giữa những loài thú hoang... Trong cái xã hội nặng nề mà chúng ta đang sống, chút viễn ảnh về một mảnh đời xa lạ ấy hẳn cũng gọi lên ít nhiều an ủi, như một thứ ước mơ thi vị và ngậm ngùi...

3/1974

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

YTDP.Đ.

«...Chính là nhờ ở lòng ham muốn tự do và ở cái chí khí quật cường của dân tộc, tôi mới tìm được một đường lối giải thoát cho nghệ thuật của tôi...»

Quan niệm về xây-dựng sáng-tác trong Hội-họa của Họa-sĩ PHẠM-TĂNG

L. T. S. Họa sĩ Phạm-Tăng là người đã trình bày và minh-họa cho Bách-Khoa từ cuối năm thứ nhất (1957) đến liên tiếp hai ba năm sau, để lại trên các số báo này nhiều hình vẽ tuyệt đẹp đã được dùng làm phụ bản cho một số tác phẩm văn nghệ xuất bản ở Saigon.



Họa-sĩ Phạm-Tăng

Phạm-Tăng sinh năm 1928 tại Ninh Bình, học hội họa và kiến trúc tại Hà-nội từ năm 1943, làm báo trong thời kỳ kháng chiến và sau hiệp-định Genève làm báo ở Saigon, đã được đông đảo độc giả ưa thích các tranh hài hước đặc sắc của anh trên nhật báo Tự do. Năm 1959 anh sang Roma (Ý) học vẽ Hội họa và trang trí... Sau khi tốt nghiệp tại đây anh đã vẽ rất nhiều, triển lãm tranh ở rất nhiều nơi tại Âu-châu và Hoa-kỳ, được một số giải thưởng về Hội họa và hoàn toàn sống bằng các họa phẩm của mình. Anh cũng được rất nhiều nhà phê bình nghệ thuật danh tiếng ở Ý, ở Bỉ v v... cùng báo chí ở các nơi anh triển lãm, lên tiếng ca ngợi đường lối sáng tác độc đáo mà anh tìm ra được sau nhiều năm suy tư, thử nghiệm, và anh đã thể hiện trên các tranh của anh trên mười năm nay, mỗi năm một mới lạ, một đặc sắc hơn...

Một nhà phê bình hội họa Tây phương, André H. Lemoine, năm 1968 đã viết về Phạm Tăng như sau: «Nghệ thuật của Phạm Tăng là một chuỗi liên tiếp những khám phá choáng ngợp, bởi vì người ta không bao giờ biết được tác phẩm khởi đầu từ đâu và chấm dứt ở đâu, mỗi bức tranh là hăng hà sa số vũ trụ mà mắt ta lướt trên đó chẳng khác gì một phi thuyền không gian đi kiếm tìm các thế-giới». Nghệ thuật này Phạm Tăng quả quyết là đã phát huy chân thực được tinh thần giao kết Phật Lão của Thiền đạo, và lối phát biểu nghệ thuật của anh, hi vọng sẽ «làm đảo lộn những u đặc, nghìn năm không đổi thay của Nghệ thuật cổ Trung-hoa và Nhật-bản».

Trong một lá thư gửi về anh em Bách Khoa nhân kỳ triển lãm đầu

tháng 7/73 ở Bruxelles, Phạm Tăng đã tâm sự như sau : «15 năm ! hễ như bước phiêu lưu của nàng Kiều, nhưng tâm tình tôi không hề đổi thay, trước sau vẫn một lòng một dạ. Về phương diện vật chất thì cũng đỡ chật vật. Ở nơi đây, không hề chịu thương-mại-hóa nghệ thuật mà vẫn duy sống nghề nghiệp tự do của mình là một điều tôi không mong gì hơn, nhất là mình đơn thương độc mã, lẻ loi có một mình. Đừng có hòng chỉ một lời cổ vũ, dù là một lời cổ vũ bằng miệng ở bất cứ một hướng nào của người mình. Tuy nhiên, những hồi chuông tôi gióng ở Tây phương thực ra cũng đã gây được nhiều tiếng vọng. Và có thể nói với anh, không ngần ngại gì, là những âm vọng đó từ xưa tới nay, kể từ khi đất nước mình bị đô hộ, chưa có ai làm hơn».

Bao nhiêu năm im lặng hầu như đề «tu dưỡng cho nghệ thuật được trưởng thành», thấy Phạm Tăng đã lên tiếng giải bày nghệ thuật của mình, Bách Khoa liền gửi thư sang phỏng vấn anh về sự học tập ở nước ngoài, về tình trạng Hội họa ở Tây phương, về đường lối sáng tạo của riêng anh v.v...

Có lẽ vì thấy cuối năm 73, Bách-Khoa như ngọn đèn chập chờn sắp tắt, nên anh xúc động vội cố gắng trả lời bằng một lá thư thật dài, mà chúng tôi xin đăng nguyên văn sau đây. Cảm ơn anh Phạm Tăng đã cặm cụi viết 13 trang thư dài gửi về, chứng tỏ tấm lòng của anh đối với các anh em cũ và bạn đọc Bách Khoa, đúng như anh nói, vẫn nguyên vẹn như 15 năm trước.

Ta hãy thử ngắm kỹ những hàng lớp đá chạy trên sườn núi, mây bay vùn vụt trên trời, làn sóng cuộn trên mặt bể, dấu vết gió vờn trên bãi cát, đường vân nổi trong con ốc biển, trên mảnh vỏ cây, trong viên đá sỏi, trên mặt rong rêu, ta đều có thể nhận thấy dễ dàng một nhịp vận chuyển thật sinh động tự nhiên hiển hiện thành đường nét...

Nhắm mắt lại, nhìn vào trong lòng mình tôi cũng thấy hiển hiện những đường nét đó. Khi vui khi buồn, lúc mừng lúc giận, nhất nhất mọi trạng thái cảm xúc đều có thể vẽ lên thành những đường nét uyển chuyển trùng điệp gắn bó vào nhau chẳng khác chi những đường nét biểu hiện cái nhịp sống của sự vật.

Bên trong, bên ngoài, nhịp sống đó ngự trị, chi phối tất cả. Đem thể hiện nó lên tranh, tự nó, nó đưa đẩy những hình thể đã được kết tụ do sự tổ hợp của các tế bào và làm cho các hình thể đó trở nên sinh động.

PHẠM TĂNG

Roma 27-1-74,

Anh Châu thân mến,

Đã hầu như 15 năm, tôi im hơi lặng tiếng. Muốn thận trọng trong lời nói, nên không dám thừa thốt ba hoa. Nhận được thư anh, trong cái phong bì màu vàng cũ kỹ giống như những cái phong bì mà anh đã gửi cho tôi 15 năm về trước đến nay còn giữ lại tự nhiên tôi thấy lòng như se sắt — tấm lòng trung hậu của anh em vẫn y nguyên — tôi tự nghĩ thấy mình không thể im lìm giữ hoài thái độ dằn đo, và lại tưởng cũng đã qua cái thời kỳ dựa cột, nên đánh bạo trả lời những điều anh hỏi.

Việc học hành (*)

— Anh hỏi đến bằng cấp ? Bằng cấp không có nghĩa gì hết đối với nghề của tôi—nếu có thể gọi là nghề. Cầm cái bằng trong tay, chưa chắc đã có thể thực là họa sỹ! Chẳng qua chỉ là những mảnh giấy chứng minh những khoá huấn luyện để cho người học vẽ tập sự vào nghề. Tuy nhiên anh muốn rõ, tôi cũng xin thưa:

Tôi tốt nghiệp từ năm 1962 ở Mỹ thuật học-viện Roma, ban Hội-họa. Tôi tiếp tục học thêm ban Trang trí và tốt nghiệp lần thứ hai ở ban này. Để lấy thêm kinh nghiệm, đồng thời cũng vì những lý do riêng, tôi lại học thêm ở ban Điêu khắc và ban Dàn cảnh. Ở mỗi ban sau, đến niên khóa thứ 3, tôi đành bỏ dở vì vướng mắc các hoạt động đó đây tại các nước Âu châu. Kể từ xưa, và 1943, tại trường Mỹ thuật Hà Nội tôi bỏ ban Kiến trúc để học Hội họa, âu cũng là 30 năm trong nghề, nhưng thực sự, tôi tự coi mình chín chắn chỉ từ 1965 trở lại. Những hoạt động tích cực, những ganh đua độ tài thử sức với thiên hạ, trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn của một kẻ lẻ loi, đơn thương độc mã, dần dà cho tôi

thêm kinh nghiệm trong nghề cũng như trong cuộc đời. Chỉ những cái đó — đem đối chiếu với những kết quả cụ thể thu lượm được — mới thực là quan trọng để có thể đánh giá một họa sỹ!

Tưởng cũng nên nói thêm ít nhiều về những từng trải — không phải để kể khổ — nhưng để cho các anh em ở nhà, nhất là các bạn trẻ học vẽ, lấy thêm kinh nghiệm.

Trước khi dự tính chương trình hoạt động sau khi ra trường — tức là từ năm 1962 — tôi đã ý thức rõ rệt những nỗi khó khăn lớn lao mà tôi sẽ phải gặp :

Tôi tự lập với hai bàn tay trắng, ngoài sự xoay sở để sinh sống, có chỗ làm việc, và dụng cụ để sáng tác tôi lại phải tìm cách lo liệu — bằng cách này hoặc cách khác — những chi phí về tổ chức triển lãm. Mỗi một cuộc triển lãm tốn kém từ một ngàn đến hai ngàn đô-la, riêng về ấn loát quảng cáo, thuê nhà bày tranh v.v... không kể một số lượng

(*) L. T. S. Những tiêu-đề trong bài đều do Bách-Khoa ghi thêm.

tranh từ 20 đến 30, mà mình đã phải có sẵn. Tại mỗi đô-thị lớn ở Âu châu có ước khoảng hàng 100 nhà bày tranh, trong số đó không hơn 20 nhà có tiếng. Như vậy cứ mỗi kỳ trung bình là 2 tuần, ở mỗi đô thị có thể có tới hàng 100 họa sỹ trưng bày, không kể những Viện Bảo tàng công cộng. Trên báo chí, mục phê bình nghệ thuật có hạn, báo hàng ngày thì một tuần một lần, báo hàng tuần thì khi có khi không, một góc cột, một nửa cột, họa hoằn lắm mới có thể ra một trang cho một cuộc triển lãm quan trọng. Truyền thanh, truyền hình thì lại càng khó khăn nữa: một vài phút, một vài giây dành cho những triển lãm đáng lưu ý, trừ những mục dành cho các bức thầy đã công thành danh toại. Giới phê bình nghệ thuật thì khó khăn, có thể nói là có nhiều đẳng cấp. Không dễ gì được những nhà phê bình đã có danh tiếng nói tới mình, trừ phi nghệ thuật mình phải đặc biệt, xứng đáng được chú ý đến. Ấy là tôi chưa nói đến những vận động thương trường đầu tư trục lợi, làm khuynh đảo mọi giá trị chân chính của nghệ thuật trộn lẫn vàng thau, khiến cho Nghệ thuật thành ra một món hàng dễ lừa phỉnh, gạt gẫm của bọn con buôn, làm nản lòng những kẻ có nhiệt tâm thiện chí.

Tôi là một họa sỹ Việt-Nam đã lê loi đơn độc giữa nước Ý, (một Trung tâm Nghệ thuật Âu châu có hàng bao nhiêu thế kỷ truyền thống, có hàng bao nhiêu kho tàng nghệ thuật cổ kim) tài chính lại suy kiệt,

sức lực thì ốm yếu, tưởng chẳng cần Phải nói anh em cũng có thể thông cảm với tôi, trước những trở lực «bên ngoài» kể trên; ấy là chưa nói đến những trở lực «bên trong», tức là việc xây dựng nghệ thuật, bồi dưỡng bản lĩnh mình trước khi ra thi thố với người.

Chỉ những chuyến ngủ đêm co ro trên xe, ngoài xa lộ, trong đêm lạnh dưới 15, 17 độ đề đờ tiền trọ, chỉ những đêm trắng nhìn tuyết tan trên kính, như những dòng nước mắt, trong khi chờ đợi sáng đề làm thủ tục quan thuế tại biên thủy cho đồ tồn tiền chuyên chở tranh, chỉ những lúc ghé vai khuân vác dưới mưa những bọc khung vì không có tiền thuê người đỡ việc, chỉ những khi hồi hộp đợi chờ kết quả vừa về tài chính, vừa về phê bình sau những cuộc triển lãm ế khách, tôi mới thực cảm thấy cái giá mà mình đã phải trả khi muốn được tự do chọn lựa con đường của mình.

Tuy nhiên kiểm điểm lại những điều tôi đã học được — không phải chỉ ở trong trường — nhưng chính là học ở những hoạt động thực sự trong nghề, tôi có thể nói là mặc dù sự học của tôi chẳng bao giờ có thể gọi là xong, nhưng kể từ 1962 đến nay, về phương diện tinh thần tôi cũng có phần nào mãn nguyện.

Tôi triển lãm ở Ý tại các đô thị lớn như Roma, Firenze, Milano, Venezia v.v, không kể các đô thị nhỏ và một vài lần chiếm giải tại các cuộc triển lãm có tính cách quốc tế. Tại Âu châu tôi triển lãm nhiều lần tại Bỉ,

Áo, Đức, Hòa lan, Thụy sỹ. Tại Nam Mỹ, tôi triển lãm ở Ba Tây, và ở Bắc Mỹ tại Los Angeles. Riêng tại Pháp, Tôi chưa triển lãm lần nào, mặc dù có nhiều cơ hội tốt. Có lẽ là tự tôi chưa rũ sạch được cái mặc cảm của một kẻ mà tổ tiên đã bị đày tù đây, mặc dù tôi đã có gặp những bạn người Pháp tốt lành, hoặc những người bạn dân Pháp người Việt thân ái muốn giúp đỡ.

Trong những hoạt động đó đây, tôi đã có nhiều dịp gặp gỡ và trao đổi ý kiến với những nhân vật có tiếng tăm trong lĩnh vực nghệ thuật. Trong những cuộc phỏng vấn của báo chí, của những cơ quan truyền thanh truyền hình các nước, tôi cũng được nhiều dịp chứng minh là tại Việt Nam ta, cũng có người làm nghệ thuật, yêu nghệ thuật và nhất là qua những họa phẩm của tôi, hội họa Việt Nam cũng lộ ra một bản sắc riêng, góp một tiếng nói với nghệ thuật thế giới, dù là một tiếng nói nhỏ bé, nhưng là tiếng nói của mình, không lai căng của Tàu hay của Tây. Nói tóm lại, tôi cảm thấy hãnh diện là mình không mất rể, không chịu mất rể và sau 15 năm đụng chạm trực tiếp với Tây phương, tôi nhờ ở sức phản ứng mà phá tung được mọi xích xiềng nô lệ, do sự lệ thuộc vào lối nhìn nhận sự vật, ảnh hưởng của Hội-họa Trung quốc và Tây phương trong thời kỳ đô hộ. Chính là nhờ ở lòng ham muốn tự do và ở cái chí khí quật cường của dân tộc, tôi mới tìm được một đường lối giải thoát cho nghệ thuật của tôi, và tin chắc rằng công học hành và

những hy sinh qua 30 năm trời không đến nỗi uổng.

Vấn đề xây dựng sáng tác

Từ khi sang đây cho tới giờ, tôi đã chứng kiến và hiện đang chứng kiến một giai đoạn khủng hoảng trầm trọng của Nghệ Thuật Hội họa Tây phương. Có nhiều nguyên nhân : ảnh hưởng do sự tàn phá của chiến tranh từ cuộc Đại chiến thứ nhất đến sau cuộc Đại chiến thứ hai ; nỗi lo âu phiền muộn của con người phù du đối trước cái Chết, do những luồng tư tưởng hiện sinh gợi nên ; sự bành trướng phi nhân của nền văn minh máy móc ; sự đồ vỡ của những giá trị tinh thần ; những mâu thuẫn gay gắt vì ý-thức-hệ đối lập v.v...

Guồng máy khổng lồ nhằm sản xuất nhanh chóng của nền kinh tế tiêu thụ, do giới tư bản kỹ nghệ nắm giữ, gạt dần dần Nghệ-thuật — vốn dĩ là một sản xuất có tính cách thủ công chậm chạp — ra ngoài lề xã hội. Mặt khác, Nghệ thuật hội họa xưa kia được xây cất trên thực tại, giá trị của nó được xã hội bảo đảm coi như bất di bất dịch ; giờ đây, thực tại đã bị truất phế vì giới họa sĩ cấp tiến muốn hoàn toàn giữ vai trò chủ động trong việc sáng tác. Hội họa biến thành một ngôn ngữ trừu tượng của từng cá nhân nghệ sĩ với sự tự do phóng túng phô diễn cảm nghĩ riêng của từng người. Có những ước vọng muốn vượt lên trên thực tại như xu hướng trừu tượng kỳ hà. Có những ước vọng muốn diễn

đạt sâu hơn thực tại như xu hướng trừu tượng vô thể. Có những manh nha lợi dụng các khám phá mới mẻ của khoa học để dò xét thực tại bằng một con mắt khác. Không thể kể cho hết những tìm tòi về mọi mặt mọi phía, mỗi nghệ sĩ đều cố gắng tìm cho mình một bản sắc riêng, một thế giới riêng. Vì tính chất cá nhân dị biệt nên Hội họa ly khai với xã hội. Từ ly khai đến cô độc. Từ cô độc đến thất vọng, phản nộ, chống đối, phá hoại. Thêm vào sự kiện đó, những ảnh hưởng bất lợi bên ngoài mà tôi đã lược kể ở trên làm cho Hội họa mới của Tây phương tưởng như bị đẩy vào tuyệt lộ.

Thậm chí đã có những tiếng kêu báo nguy. Giáo sư G.C. Argan, nhà nghiên cứu phê bình hội họa nổi danh, lập luận theo quan điểm biện chứng khoa học, đã bản khoản tự hỏi: « Phải chăng vì bị xã hội ruồng rẫy mà Nghệ thuật Tây phương đã đến giờ phải tự cáo chung? »

Theo thiên ý tôi, Hội họa mới sở dĩ bị xã hội ruồng rẫy vì Hội họa chưa tìm ra được một điểm tựa chắc chắn để đứng vững khả dĩ thể vì cho cái điểm tựa « Thực tại » đã bị phá hủy. Thực tại trên tranh, xưa kia, là một ngôn ngữ thống nhất mà người vẽ và người xem có thể gần gũi thông cảm nhau. Giờ đây, nghệ sĩ mở rộng chân trời tự do, không muốn dùng cái ngôn ngữ chật hẹp đó, lẽ dĩ nhiên phải tìm sao cho ra được một giải pháp vừa không câu thúc tư tưởng nghệ thuật của mình, vừa để cho quần chúng trong xã hội

có thể tìm thấy một khía cạnh thông cảm. Một khi giải pháp chưa tìm ra được thì nghệ sĩ mới càng bị cô lập, xã hội càng lánh xa, Nghệ thuật tránh sao khỏi sự tự hủy diệt?

Sau hơn 10 năm hoạt động ngay chính giữa cơn bão lốc của cuộc khủng hoảng trầm trọng đó tôi sở dĩ còn tồn tại và đứng vững được để bảo vệ bản sắc nghệ thuật của riêng mình, là bởi tôi đã tìm ra được một giải pháp hợp cho tôi và đồng thời được sự hưởng ứng của những giới yêu Hội-họa.

Vậy tôi đã xây dựng sáng tác như thế nào?

Có thể nói gọn ghẽ vắn tắt là tôi tìm « Xây dựng cái Hồn tranh ». Tôi thấy cần phải định rõ tôi quan niệm « Hồn tranh » ra sao?

Xưa nay, ta thường gọi tranh có hồn là khi ta thấy tranh sinh động, giống tự nhiên. Nhìn phong cảnh thực nhìn người kiêu mẫu thực rồi so sánh thấy phong cảnh trong tranh linh hoạt, thấy hình người kiêu mẫu như cười như nói, thì ta phê bình là tranh có hồn. Nếu ta nhìn nhận kỹ tấm tranh trước mắt, thì hồn đó biến đi và trên tranh chỉ còn tro màu sơn, mặt vải. Chính vì lẽ đó mà Platon khi xưa đã buộc không oan cho Hội-họa cái tội vờ ỉn ảo tưởng làm mê hoặc con người. Tìm cái Đẹp thực hay đi tìm ảo ảnh của cái Đẹp? Con người sống đắm chìm trong si mê vì bị ảo tưởng làm mê hoặc, Nghệ thuật chân chính với mục đích cao cả dẫn giắt con Người tới cái Đẹp thực sự, sao có thể đặt căn bản trên ảo ảnh của Thực tại?

Cái Hồn tranh mà ta nói ở trên kia, chính là cái Hồn giả tạo, vay mượn xét ra cần phải hủy bỏ để tránh một mê lầm. Chính vì lẽ đó mà tôi đã chọn lựa đứng về phía những nghệ sĩ loại bỏ hình bóng vay mượn ở thực tại. Cũng chính vì lẽ đó tôi không những không ham mê Nghệ thuật cổ điển Tây-phương mà ngay cả đến toàn bộ Nghệ thuật Đông-phương với hình dáng hiện thực, sơn thủy mai lan cúc trúc v.v... tôi cũng thấy vướng vất một cái mảnh che ảo tưởng làm cho cái Tâm tôi mất quyền chủ động và đi đến chỗ bị mê hoặc. Vậy thì cái hồn tranh mà tôi muốn xây dựng không thể là cái hồn tranh giả tạo cổ điển; cũng không phải là cái hồn mập mờ nửa thực tại, nửa trừu tượng. Nó là cái hồn của chính bức tranh, tự những tổ chức cấu tạo của nó mà nó có cái hồn. Nói rõ hơn, hồn tranh là hồn xuất hiện tự ở bút pháp của người họa sĩ mà ra. Bút pháp là sự sử dụng đường nét, hình thể, màu sắc, tức là ba yếu tố căn bản của tranh. Nếu đường nét, hình thể, màu sắc, được sắp xếp, tổ chức, hướng dẫn, theo một phương pháp, một trật tự nào đó để mọi thứ trở nên sinh động, thì bức tranh—dù chẳng hình dung một sinh vật gì có thực—cũng tự nó trở nên một vật sống, có một linh hồn riêng.

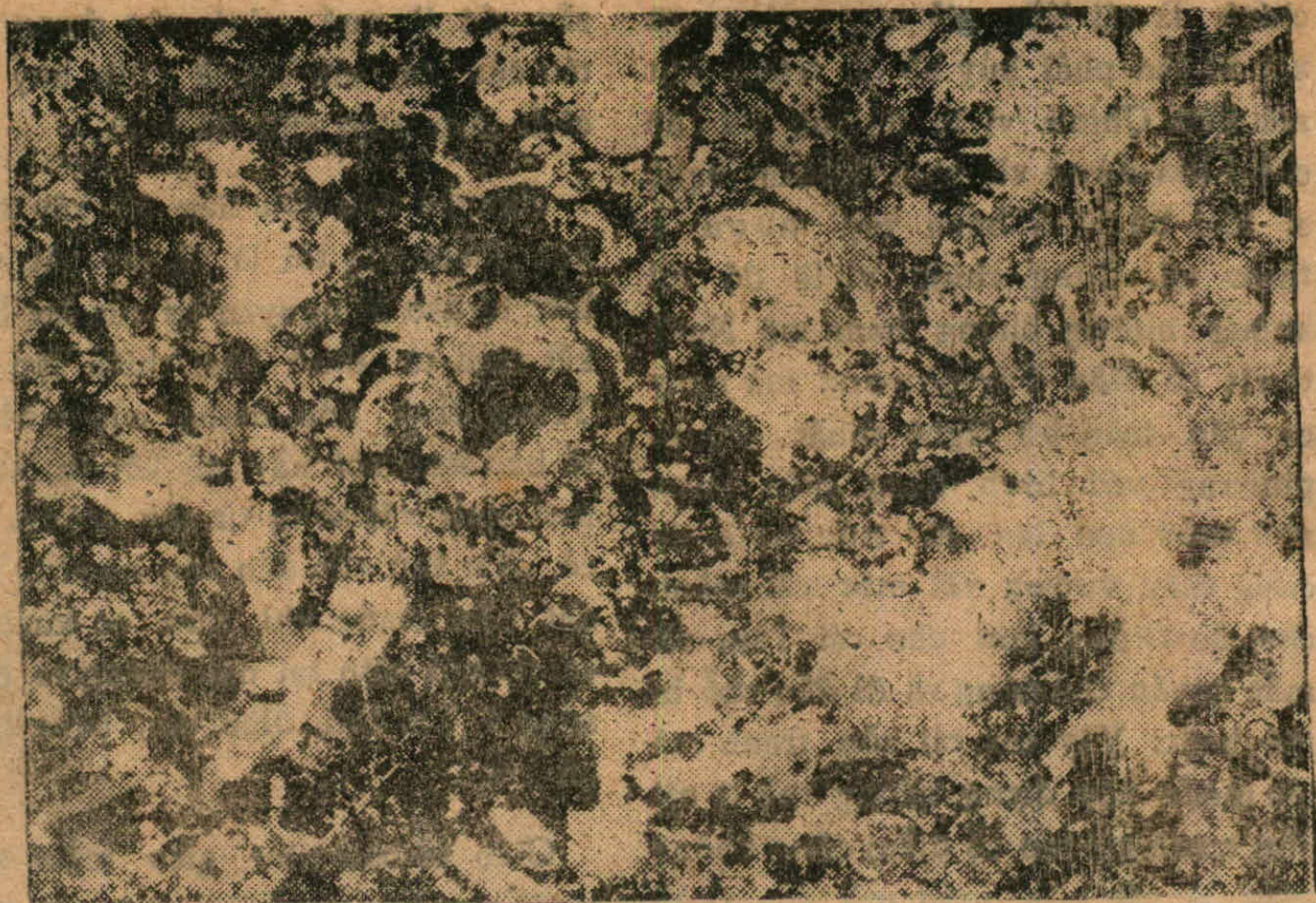
Tôi hoàn toàn tự do suy ngẫm ngoại giới, kết lọc những cái tinh túy bên trong gạt bỏ những thừa thãi giả tạo, nhìn ngoài xong lại nhìn trong, cố gắng tìm ra cái chân tướng của sự Sống có thể diễn lên trên tranh, đem

phổ sự Sống đó vào nét vào hình vào sắc, đó là quá trình xây dựng sáng tác của tôi, mà tôi sẽ trình bày một cách đơn giản cho dễ hiểu.

Nguyên liệu đầu tiên để xây dựng họa phẩm của tôi là tế-bào. Ai cũng biết tế-bào là nguyên ủy của sự Sống kết tinh từ thuở khai thiên lập địa. Trong cảnh hỗn mang của trời đất tế bào sinh sôi nảy nở kết tụ, thành mọi sinh vật sống từ côn trùng, cây cỏ, cầm thú cho đến con người. Trời đất hỗn mang khi xưa có khác chỉ cái xã hội hiện tại mà chúng ta đang sống? Tro bụi, điêu tàn, băng hoại, đổ vỡ.

Gieo tế-bào như gieo mầm sống mới, gây nên những sinh vật mới, trong một thế giới mới, với một tổ chức, một trật tự mới đặng thể vi cho những cái tàn rụi, nát rữa, trong Hội họa, ngoài xã hội và cả ngay chính trong ta nữa.

Bắt đầu từ cái tế-bào nhỏ nhoi tôi có cảm tưởng như đang xây dựng lại chính mình. Từ tế-bào đầu tiên là cái tôi nguyên thủy đến sự tập hợp của muôn triệu những tế bào tuần tự nảy sinh, hình ảnh của hằng hà sa số những cái tôi khác nhau kết lại, tôi từ cái trạng thái bào thai trở nên thành người. Những hình thể được cấu tạo trong tranh có thể tạm ví như những hình ảnh của chính tôi từng giai đoạn một. Toàn thể cái tranh là cái Tôi cuối cùng. Ngẫm cho kỹ thì cứ trong mỗi phút giây, xê dịch liên miên không biết bao nhiêu là cái Tôi không giống nhau, trùng



Một mảnh họa-phẩm của Phạm Tăng để bạn đọc có một ý-niệm về sáng-tác hiện nay của anh

điệp; cái nọ lan sang cái kia tựa hồ như một vết mực loang trên mặt giấy, không ngưng đọng trong một hình thể nào nhất định. Bởi vậy không hề bao giờ có một bức ảnh chụp nào, dù bằng một cái máy tinh vi nhất, có thể bắt chụp được đúng hình người. Những hình thể cố định, tưởng như rõ ràng minh bạch, nhưng thực ra chỉ là một hình ảnh hết sức đơn giản, một lược đồ của sự Sống. Suy luận như vậy, những hình thể mà tôi tạo nên tranh không khuôn bó trong một chu giới nhất định; tôi dụng ý để cho những hình thể đó khi ẩn, khi hiện, lúc tỏ, lúc mờ, hình nọ lan sang hình kia, tựa hồ như những khối tế bào được tự do co dãn, nảy nở.

Để thể hiện sự sống mong manh của từng tế-bào, tôi tạo những đường

vòng đồng tâm li-ti kết tụ quanh hạt nhân ở giữa. Mỗi đường vòng là một màu đối chiếu trong ngũ sắc. Màu nọ phản ứng màu kia tạo nên một cảm giác tựa hồ như có tính chất phát quang. Ánh sáng đó có thể gọi là ánh sáng tự tại xuất phát từ bên trong từng cái sống nhỏ thoi thóp của từng tế bào một. Cũng tỷ như ở con người, muôn triệu cái sống nhỏ, cùng với những cái chết nhỏ bên trong đã kết nên sự Sống toàn diện của con người có cảm xúc, trên bức tranh, một ánh sáng nhỏ, hai ánh sáng nhỏ, muôn ngàn ánh sáng nhỏ tụ tập vào nhau, chuyển vận, kết thành những hình thù sinh động của những vật thể mới ương mầm đang ngoi lên tìm sự sống trong ánh sáng.

Muốn gây nên một động lực để thúc đẩy những sinh vật đó, tôi kết

hợp chúng theo một nhịp đường nét mà tôi tạm gọi là nhịp sống. Nhịp sống đó như thế nào?

Sống là động, là chuyển dịch, chuyển dịch cả trong những trạng thái tĩnh nhất. Không những chỉ ở những sinh vật sống thuộc những loài động vật hay thảo vật có chuyển động mà cả những cái tưởng là vô tri như quặng đá cũng thay đổi không ngừng. Vạn vật hiện dưới mắt ta thiên hình vạn trạng, từ những kích thước thật nhỏ của những tế-bào li ti cho đến những kích thước thật lớn của các vì tinh tú, mỗi sự vật có một hình dạng cá biệt. Trong mỗi hình dạng cá biệt lại có sự chuyển vận. Lấy mẫu chốt ở chi đề định hướng đang tìm ra cái nhịp sống động đó? Tôi suy nghĩ và nhận thấy nếu mở mắt nhìn từng sự vật qua cái vỏ ngoài dị biệt thì dễ bị loạn tâm. Nếu ta tĩnh tâm nhập định, ôn lại tất cả những kinh nghiệm đề lý hội toàn thể thì ta có thể nhìn rõ thấy ở muôn loài muôn vật trong thế gian có một nhịp điệu tiềm tàng chế ngự tất cả, giống như một giọng sông mệnh mông cuộn giọng uốn khúc, đưa đẩy mọi sự vật trôi theo.

Ta hãy thử ngắm kỹ những hàng lớp đá chạy trên sườn núi, đám mây bay vùn vụt trên trời, làn sóng cuộn trên mặt biển, dấu vết gió vờn trên bãi cát, đường vân nổi trong con ốc biển, trên mảnh vỏ cây, trong viên đá sỏi, trên mặt rong rêu, ta đều có thể nhận thấy dễ dàng một nhịp vận chuyển thật sinh động tự nhiên, hiện lên thành đường nét, khi lên, khi

xuống, lúc hiện, lúc tan, vừa xô đẩy cuốn hút, vừa êm ả nhẹ nhàng, xoay vần di động, giống như những đường vân đá chạy trên miếng cẩm thạch, như làn khói thuốc chuyển động qua hơi thở. Khoa học lại giúp cho ta nhận thấy một cách tinh vi hơn nữa cái nhịp vận chuyển huyền bí đó ẩn náu tận trong sâu cơ cấu sự vật: nhìn những hình ảnh phóng đại của các tế-bào, nhìn những sự sắp đặt bố trí của từng bộ phận cực nhỏ trong từng sinh vật, ta có thể vạch rõ ra thành đường thành nét cái động lực mẫu nhiệm của sự Sống thâm sâu và nhận thấy đường nét đó cũng tương tự như ở cảnh giới mà mắt ta có thể quan sát được.

Hẳn chúng ta không ai không còn nhớ những hình chụp từ trên thượng tầng không gian, trái đất của chúng ta thu nhỏ lại. Nhìn những mạch chuyển động của lớp không khí bao trùm địa cầu, thực chẳng khác chi những đường vân xoay tròn trong con ốc biển. Nhắm mắt lại, nhìn vào trong lòng mình tôi cũng thấy hiện những đường nét đó, khi vui khi buồn, lúc mừng, lúc giận nhất nhất mọi trạng thái cảm xúc đều có thể vẽ lên thành những đường nét uyển chuyển trùng điệp gắn bó vào nhau chẳng khác chi những đường nét biểu hiện cái nhịp sống của sự vật.

Bên trong, bên ngoài, nhịp sống đó ngự trị, chi phối tất cả. Dem thể hiện nó lên tranh, tự nó, nó đưa đẩy những hình thể đã được kết tụ, do sự tổ hợp của các tế-bào và làm cho các hình thể đó trở nên sinh động.

Như vậy có thể nói tranh không còn là phản ảnh thực tại, không còn dấu vết gì gợi nhớ đến những cái thường thấy, mặc dù nguồn cội thâm sâu của nó vẫn xuất nguyên ở Tạo vật.

Người nghệ sĩ tự do hoàn toàn cõi mở trong việc sáng tác để tạo tranh thành một thế giới khác, một thế giới ước vọng, một thế giới lý tưởng. Đồng thời tranh cũng trở thành một vật thể sinh động, có cái hồn riêng của nó, có sự sống riêng của nó để có thể trực tiếp tạo mối giao đồng với người xem tranh.

Trong thế giới hiện tại mà bao nhiêu giá trị đang tan nát đổ vỡ, bao nhiêu băng hoại điều tàn, kể cả đến con Người — con người mà xưa kia được sùng bái như thần linh, giờ đây chỉ là hình dạng Ấc quỷ khát máu, tràn ngập căm thù, ai cấm tôi không được đem cái ngông cuồng tưởng tượng của người nghệ sĩ — vốn chẳng là triết gia cũng không phải là nhà khoa học — mơ màng xây dựng lại tất cả, từ số không, bắt đầu từ cái tế-bào mong manh cho đến những sinh vật, hồng xếp đặt lại tất cả trong một nhịp sống mới, trong một trật tự mới.

Qua những lời nói đó, tôi ý thức rõ và không muốn dấu diếm là tôi đã có một ham muốn vượt khỏi tầm người — đó là thái độ ngạo mạn muốn học làm ông Tạo nhỏ.

Tuy nhiên, nếu không nuôi dưỡng một ý chí để tiến tới một chủ đích — dù chủ đích đó trong giới hạn ngắn

ngủi của cuộc đời, không đủ cho ta có trọn công sức chí lực để hòng đạt tới — thì con người nhiều khi cảm thấy thiếu nguồn động lực thúc đẩy mình đi lên. Và lại, xét ra cho cùng, đã có cái chủ đích tối cao nào, ngoài môi trường nghệ thuật, như Tôn giáo, Khoa học, Triết học mà không ở cõi trừu tượng, vô ảnh?

Nhưng dù có thực là ngông cuồng hay không, tôi cũng vững một niềm tin vào công việc sáng tác của tôi hiện tại, vì đôi khi đối chiếu với những lời vàng ngọc của những bậc tiền bối cổ kim, tôi thấy những suy tư của tôi về Nghệ-thuật cũng có, không ít thì nhiều, những điểm tương đồng.

Tuy có ngần ngại khi phải dẫn chứng, tôi xét thấy cũng có điều có lợi cho những ý kiến của tôi.

Cái Đẹp mà Platon quan niệm là cái Đẹp tự tính, siêu phàm, tuyệt đối, thuần tinh thần, không vướng mùi trần tục, không như nhớp da thịt, áo quần chúng sinh. Tìm đến cái Đẹp tự tính, vượt lên trên tất cả mọi cái đẹp ở thế gian, con người sẽ tới cõi giải thoát, viên mãn, hòa đồng cùng vũ trụ. Platon cực lực lên án cái Đẹp giả tạo, tức là cái hồn tranh lường gạt đã nói ở trên.

Theo Aristote, gần gũi với con người hơn, thì ý-niệm về cái Đẹp có tính cách tiên thiên nội tại tiềm ẩn trong tinh thần con người. Làm nghệ thuật tức là sáng tạo những hình thể mới, những hình thể mà người nghệ sĩ chẳng có hề biết đến trước khi sáng

McC. Nghệ thuật làm biến dạng sự thực chứ không phải là bắt chước. Con người chung sức với thiên nhiên làm nên Nghệ thuật.

Nghệ sĩ có thể sáng tạo ra những công trình giống như những công trình mà Hóa công đã tạo nên, dù chỉ trong một kích thước nhỏ. Từ ta đến sự vật, từ sự vật vào trong ta, có một nhịp điệu hòa đồng toàn diện. Đó là ý kiến của Leibniz.

Theo Kant, Nghệ thuật là sự sáng tạo có chủ định bản hoài, những công trình làm cho người xem có cảm tưởng như đã được sáng tạo một cách tự nhiên, không hề có dụng ý trước, giống như thấy ở thiên nhiên vậy.

Schiller gọi cái Đẹp là sự Sống, là "cái thể sống động". Ý kiến của Schelling cho là Nghệ thuật không phô bày những cái nhỏ hẹp, hạn chế, nhất thời nhưng thể hiện bao quát cuộc sống vô biên, cho nên ý niệm tuyệt đối là đối tượng của Nghệ thuật.

Theo Schopenhauer, con người chịu nặng đau khổ vì nỗi tử sinh, vì lòng ham sống. Nghệ thuật làm tâm hồn thanh thoát và hướng dẫn con người tới cõi thanh tịnh niết bàn.

Croce đã viết: Nghệ thuật dù có giới hạn khuôn hẹp trong phạm vi cá nhân nhưng càng bao trùm được cái rộng lớn cao thâm như vũ trụ càng chứng tỏ được trình độ cao siêu, trái với những cái hời hợt, non yếu.

Làm Nghệ thuật tức là sử dụng điều hòa những chất liệu sinh động

có dụng ý truyền thụ cho người xem một cảm tưởng siêu việt trước cái thế giới mà người nghệ sĩ muốn phổ diễn. (Souriau) Tìm kiếm những tư tưởng cốt lõi về Nghệ thuật đối với tôi chỉ là một việc muốn tự mình kiểm điểm, so sánh, dò dẫm bước đường mình đi, gạn lọc tìm một "mẫu số chung" trong những tư tưởng phát biểu của thiên hạ, coi như một cái gậy dùng để dò đường, còn thì việc chủ định đi, đứng, tiến, thoái đều là ở tự mình hết thầy.

Nguồn cảm hứng sáng tác, sự thể hiện sáng tác không ai có thể dẫn dắt, chỉ huy, khi người nghệ sĩ biết tự trọng một khi coi mình là một kẻ sáng tạo.

Cho tới đây, tôi đã cố gắng giải bày phần xây dựng sáng tác của tôi để được rõ ràng phần nào hay phần ấy. Phân tích giảng giải, mò sè một cách vô đoán, trừu tượng, công việc đó chẳng khác chi chấp những bộ phận rời rạc, cái tay, cái chân, cái mặt để cắt nghĩa sự sống của con người!

Theo ý tôi, những sự giảng giải, trình bày đó thực là vô ích. Giả sử có ích lợi chút nào thì chỉ cho riêng tôi để có thể nhìn lại chính mình, xếp đặt mọi sự trong tôi có trật tự hơn. Ngoài ra đối với người xem, không có chi là quan hệ. Tại sao vậy? Tôi xin trả lời ngay: Tại cái hồn tranh. Nếu tranh có hồn như một vật thể sinh động thì tự nó hấp dẫn người xem. Giữa người xem và nó có sự thông cảm trực tiếp, không cần phải có kẻ đứng sau nó mà giảng giải thay cho nó. Nếu tranh không có hồn

thì dù có giảng giải bằng thiên kinh vạn quyển nó cũng không thể sống được, và như thế cùng lắm cũng chỉ có thể vớt tranh vào đồng rác hoặc trong một viện bảo tàng nào đó để cho nhện chăng mà thôi!

Như trên kia tôi đã nói về tình trạng khủng hoảng của Nghệ thuật Hội họa Tây phương — xét ra cần phải nhắc lại — là theo tôi, người nghệ sĩ phải tìm cho ra «một giải pháp vừa không câu thúc tư tưởng nghệ thuật của mình vừa để cho quần chúng trong xã hội có thể tìm thấy một khía cạnh thông cảm». Chính cái khía cạnh làm cho người xem thông cảm là ở cái Hồn tranh có hay không. Tại sao tôi lại có thể tin tưởng là không cần phải giảng giải tranh mà người xem tranh cũng có thể tiếp nhận, hưởng ứng họa phẩm — (lẽ dĩ nhiên tôi muốn nói một họa phẩm có hồn)? Lý do chính là tôi tin rằng trong tất cả mọi người đều có ý niệm tiên thiên về cái Đẹp. Vô luận ở nơi đâu, vô luận ở thời nào, từ già trẻ lớn bé, ai nấy cũng có tiềm ẩn ở trong lòng một nhu cầu tìm tòi cái Đẹp.

Có ai dạy cho những người man rợ nơi núi thẳm rừng sâu biết bông hoa là đẹp, con bướm là xinh? Có ai dạy cho đứa trẻ sơ sinh biết vỗ tay vui mừng đòi cái chong chóng xanh đỏ trước mắt? Hình cầu vồng lộng lẫy, cảnh sớm mai huy hoàng, viên ngọc châu, miếng cẩm thạch, có cần chỉ đến những nhà nghệ sĩ, hoặc thâm-mỹ-gia giảng giải ta mới cảm thấy thích thú?

Cầm con ốc biển, cái cánh bướm

trên tay, ta xoay ngang xoay dọc, ham mê màu sắc lóng lánh của sà cừ, sững sờ trước những phấn màu lộng động, có mấy khi ta cần phải xét xem con ốc, cánh bướm giống cái chi mà ta đã biết trước rồi mới chấp nhận giá trị của nó. Nói rõ hơn nữa ta có mấy khi đòi hỏi năn nỉ xem thâm ý của ông trời ra sao khi sáng tạo ra chúng? Con ốc biển là con ốc biển, cánh bướm là cánh bướm, đâu có tên chi khác? Nếu là người man rợ nơi thâm sơn cùng cốc ta nhìn nhận linh hội bướm và ốc một cách riêng, nếu ta là nhà thông thái bác học ta lại nhìn nhận và linh hội một cách khác. Như vậy, mỗi một người ở mỗi nơi mỗi thời có quyền tự do nhìn nhận phán đoán tùy theo sự hiểu biết và khả năng nhạy cảm của mình. Thấy bướm đẹp thì giữ gìn, thấy bướm xấu thì bỏ đi, cũng như thú tranh thì thấy tranh có giá trị, xem kỹ ngắm lâu, không thấy tranh hấp dẫn thì cứ tự do quay đi hướng khác. Đó là thái độ trung thực với chính mình, biểu lộ tinh thần tự do nhìn nhận, suy nghĩ, phán đoán, hơn là chịu ảnh hưởng, hoặc vướng mắc vào những vòng lý thuyết có khi chỉ là loạn ngôn. Cũng có những người muốn giảng giải cho ta rằng các nghệ sĩ đã mở mắt chúng ta và dạy cho chúng ta biết cái Đẹp trong sự vật, bởi lẽ nếu không có giới nghệ sĩ thì con bướm, con ốc biển chỉ là những vật câm nín, bất động! Tôi không nghĩ như vậy: ngược lại, chính những sự giảng giải, hướng dẫn, những lý thuyết

này nọ về Nghệ thuật, về cái Đẹp đã làm tối tăm, nhiều hơn là làm sáng tỏ, gây do dự hoang mang trong tâm trí người xem.

Chính vì sự hiểu biết nửa chừng bằng kiến thức đã đầy nên những định kiến sai lầm tai hại có khi cố kết lâu dài hàng bao thế kỷ và làm cho cái Tâm thanh tịnh uyên nhiên của con người bị che lấp trong sai lầm, tỷ như những lớp đá cố kết chung quanh viên ngọc trai vậy.

Tuy nhiên, dù nhiều dù ít, một khi gặp một sức động nào khả dĩ có thể gợi cảm như một âm thanh vang vọng vào trong sâu, làm thức tỉnh cái ý niệm tiên thiên về Đẹp, con người nào cũng thấy rung động, cũng ví như bất thần nhìn thấy ở cái mạng nhện lỏng lẻo những hạt châu, hoặc trên mặt đất, lung linh một viên đá quý.

Đó là những khía cạnh mà tôi cố gắng tìm cách khai thác để cho người xem khỏi phải bối ngỡ khi lạc vào trong tranh của tôi. Ngoài sự tìm tòi ra cái nhịp sống, sáng tạo ra những hình thể kết tập tế bào, gây nên một động lực bằng đường nét, ánh sáng, màu sắc để cho tranh có hồn, tôi lại tìm cách đứng lùi ra khỏi tấm tranh, tựa như thái độ mở cửa đón khách để khách biến thành chủ. Làm sao để bày tỏ thái độ đó một cách cụ thể?

Số là thường khi xem tranh là phải đứng cách tấm tranh một quãng xa nào đó để có thể quan sát toàn diện bức tranh; nếu đèn gần quá thì

tâm con mắt không đủ mở rộng ra tứ phía. Đó là người xem tranh phải giữ thái độ "kinh nhi viễn chi" không gần gũi. Xem tranh tôi, khác hẳn. Càng tới sát gần, càng dễ nhận thấy những vẻ khác. Thoạt tiên nhìn thấy cái nhịp vận chuyển toàn diện; tới gần, nhận ra những hình thể; tới gần nữa, nhận ra những tế-bào; với một lăng kính, nhận ra hình thù từng tế-bào một. Từ kích thước lớn đến kích thước nhỏ, người xem tranh như tự mình giữ vai trò chủ động trong việc đi khám phá, thăm dò. Có thể đi từ phải sang trái, từ cao xuống thấp, hay ngược lại; tỷ như khi ta cầm một cánh bướm, ngắm nghía trên tay. Đó là một thí nghiệm, mà chính tôi đã làm và tôi tin rằng ai cũng có thể có những cảm giác như tôi: nếu nhìn cánh bướm qua một lăng kính thì cánh bướm không còn là một sinh vật nhỏ gọi tính hiếu kỳ thoáng qua. Nó sẽ trở thành một bình diện rộng lớn, một khu vườn mênh mông đầy kỳ hoa dị thảo mà trong đó người xem, đột nhiên thấy mình hóa bướm, nhón như bay lượn, tự do múa may, lâng lâng trút bỏ mọi ràng buộc kim hãm thân xác con người.

Cách đây không lâu, tôi có viết một đôi câu để trình bày cuộc triển lãm:

«Xem tranh là một nghệ thuật, một kinh nghiệm sống động như kinh nghiệm của con bướm khi cất cánh bay, như con cá nhầy bơi ngược dòng; nếu người xem tranh nhìn thấy

cái chỉ trong sáng tác của tôi, đó là người xem tự nhìn thấy mình như khi đứng trước tấm gương trong vậy. Hướng dẫn một lối nhìn sự vật, rõ ràng là một thái độ gây hấn, một thái độ đề nén. Tìm kiếm tự do là sứ mệnh cốt yếu của Nghệ thuật, vừa cho kẻ sáng tác, vừa cho người xem tranh."

Những lời lẽ đó thiết tưởng cũng đã rõ đề trình bày ý kiến của tôi về tương quan giữa người xem và người sáng tác. Đó là cái giải pháp mà tôi đã đem thử thách, đo lường trong các cuộc triển lãm và qua những thành quả thu lượm được, có thể nói là công trình mười năm không đến nỗi uổng công.

Bức thư trình bày với anh và các bạn ở nhà những việc tôi đã làm, đang làm và sẽ phải làm, tưởng cũng đã tạm đủ. Trọn đời người nghệ sĩ không bao giờ có thể ngừng chân! Tuy nhiên, sau 15 năm, tôi vẫn còn phải ở nơi đây; Nơi xứ người, dù có làm hay làm đẹp, cũng là làm hay làm đẹp cho xứ sở họ. Nhìn về nhà, nghĩ còn có bao nhiêu các bạn bè, các mầm non yêu mến say mê nghệ thuật mà không có môi trường hoạt động! Hội-họa Việt-Nam ta, từ thời bị đô hộ cho tới giờ, chưa cất nhắc ngừng đầu lên nổi. Hết bị ảnh hưởng Trung quốc lại tới ảnh hưởng Tây phương vùi dập. Những anh tài trong nước lạc loài ra tứ phương rồi lâu dần, cũng bị đồng hóa thành người địa phương không có cơ hội nào mang lại lợi ích cho xứ sở.

Tôi vẫn hằng nghĩ nhiều đến tài năng xuất chúng của anh Nguyễn Gia Trí, đến lòng nhiệt thành yêu mến

Hội-họa của anh Đoàn-Thêm, đến những cố gắng trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn của hàng bao nhiêu các bạn khác, già có, trẻ có, đều bồi dưỡng cho cái cây Hội họa khỏi bị chết khô chết héo. Hoàn cảnh chính trị, xã hội, kinh tế trong nước mà tôi hằng theo dõi hàng ngày làm cho tôi cũng thông cảm những nỗi khó khăn, gò bó của tất cả. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng, dù có leo lắt, ngọn đèn văn hóa nghệ thuật cũng vẫn có thể làm sáng rạng thêm đất nước; và những hoạt động dù lẻ tẻ, ở trong nước cũng như ở ngoài nước, cũng đã góp một phần xây dựng quốc gia. Đến bao giờ mới có một luồng sinh khí lớn mạnh hơn nữa trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nước nhà? Trong sự làm việc trầm lặng của tôi nơi đây, tôi vẫn ngày một ngày hai ngóng đợi, để tiếp tay tiếp sức với các anh em bạn hữu ở nhà trong việc xây dựng một nền Nghệ thuật mới của dân tộc. Trong hoàn cảnh khó khăn, không dễ dãi gì có thể tổ chức một cuộc triển lãm tại trong nước — nói bằng tranh dễ hơn nói bằng lời — tôi đành ghi lại bài thơ bộc bạch tâm sự và gói ghém những tìm tòi của tôi trong việc xây dựng sáng tác, để tặng các anh em và tất cả các bạn hữu yêu nghệ thuật.

Múa bút vườn hoang, vẽ lão chơi

Sơn sao sỏi đá nói nên lời!

Đỏ, xanh sáo trộn hồn cây cỏ:

Nhẹ gót vào tranh, chiếc lá rơi! ()*

Tĩnh thân

PHẠM TĂNG

(*) L.T.S: Sỏi đá đây là chất liệu màu sắc, gạn lọc ở sỏi đá mà ra, ý muốn tạo hồn cho những vật vô tri; chiếc lá thành người, vào chơi trong tranh.

... Giữa vật với người

Khi con tôi gần đầy năm thì Tô cũng bắt đầu là một con vật xinh đẹp, trưởng thành. Bộ lông nó óng ả, dày kịt thêm, thân thể nó cường tráng thêm, linh hoạt thêm lên. Thời kỳ này, nó cũng thâm cảm rằng tôi để ý đến nó và vì vậy đôi khi nó tỏ ra bướng bỉnh. Nhất là khi nào mà tôi cho con đi chơi, nhất định là nó đi theo lẻo đẻo — nếu là đi bộ — còn hễ đi xe thì, sau khi tôi ngồi vào tay lái, con bé giúp việc bế em lên ngồi cạnh tôi rồi là nó phóc một cái, nhanh nhẹn ngồi lọt thỏm vào băng sau, đổ ai lời nó xuống nôi, kể cả tôi đi nữa.

Nó có cái phong thái chừng chặc, nghiêm túc của một người anh có phận sự trông coi em bé làm cho ai trông thấy cũng phải xúc động nhưng cũng rất buồn cười.

Đôi lần tôi không muốn nó đi theo vì một lẽ gì đó, ra lệnh cho nó xuống xe, nó làm như không nghe tiếng vẫn cứ ý ra trên nệm xe. Người làm vườn của sở, một gã đàn ông lực lưỡng vẫn không lôi nó xuống được. Trong khi đôi bên dằng co như vậy, mắt nó hướng về tôi, cái nhìn nũng nịu mà bướng bỉnh, làm tôi phải chịu thua.

Những lần con tôi đau ốm, không ra ngoài được, nó cũng ủ rũ như người bệnh, túc trực ở cửa phòng và hễ nghe tôi gọi là lập tức chạy vào. Nó ve vẩy đuôi tỏ dấu mừng rỡ

hay buồn rầu tùy theo bệnh trạng em bé. Không bị bắt buộc, mà nó tự nhốt mình trong những ngày này. Rồi khi con tôi bình phục, được ra ngoài thì nó chạy như sải phía trước, khi tôi cho con tôi ra biển. Như một con ngựa non bị cuồng căng lâu ngày, nó chạy bay phía trước, cái đuôi thẳng đứng như ngọn cờ trong tay người chiến sĩ vừa thắng trận.

Rồi nó quay trở lại, kêu lên "ăng ăng" biểu lộ niềm vui thích, đợi người bế em đi tới gần mới lại chạy bay tới trước lần nữa. Khi thì nó nằm lẩn kên lên cổ ngựa mình ra, khua khoảng bốn chân lên khoảng không, khi thì nó chạy đua theo một cái xe hơi rồi chạy trở về một lử nhưng thích thú, mắt long lanh thêm trong khi hơi thở nó dồn dập tưởng như sắp đứt hơi.

Được cưng chiều, nó giờ trở nghịch ngợm: rượt con gà, dọa con ngỗng, bới bụi khoai, cào luống cỏ làm cho gã làm vườn phải phàn nàn nhiều bận. Mỗi lần anh ta đến mắng vốn tôi, nó lại cúp đuôi, lấm lét, đáng bộ y như cái lần húc ngà đi tôi ngoài biển, nom thương cho đến nỗi tôi không thể giận lâu.

Ra bãi biển, nó chờ khi em bé xuống nước trước rồi nó mới xuống sau, và dù thích bơi lội thì với tôi và những người tắm biển khác, song liếc lên bờ mà thấy em bé lên rồi thì nó cũng vội vàng bơi vào, không thiết đến chơi đùa nữa.

Con tôi rất mến nó, cho cái bánh cũng len lén bẻ một nửa cho Tô, song không bao giờ nó đón lấy trước khi nhìn tôi thăm dò ý kiến. Trông người và vật sống đôi bên nhau mỗi chiều mỗi sáng ngoài vườn tôi cảm thấy niềm vui rào rạt dâng lên, nhẹ lâng trong lòng như thề vừa được thắp cho đôi cánh nỡn.

Khi nhà tôi dời về Sài Gòn thì tôi, vì không thích cái không khí đông đảo, ồn ào nên dọn về Nha Trang ở trong một ngôi nhà cách xa thành phố, hơi vắng vẻ. Tô bấy giờ lại còn kiêm thêm việc coi nhà rất đặc lực ban đêm, kẻ trộm lén vào, nó tỏ ra hung tợn khác thường, tôi kinh ngạc thấy nó quần tén trộm chỉ từ bên ngoài, cho đến nỗi đã quơ được một ít đồ đạc dưới bếp mà gã phải vứt bỏ chạy thoát thân. “Con chó quỷ” gã vừa la lên vừa chạy biến ra ngõ trong lúc Tô rượt theo sát gót.

Cả nhà đứng run bên trong, cách có tấm màn cửa. Tôi hoa mắt lên khi thấy tên trộm cùng đường điên tiết quay lại, giơ cao thanh sắt lăm lăm trong tay phang xuống đầu con vật thân yêu. May sao: nhờ tiếng rú thất thanh của tôi làm gã giật mình nên phang chệch đi, không trúng đích.

Nhưng cái phang như trời giáng đó cũng làm cho con Tô bị thương ở chân, may mà không nặng lắm. Trong giây phút, cả nhà thức giấc, bật đèn từ trong chái ngoài, tôi gọi con chó vào và em tôi lo săn sóc vết thương. Không ai — kể cả tôi — có thể tin được quang cảnh vừa rồi, tin

cái can đảm bất ngờ của Tô: trước nay nó chỉ tỏ ra khôn ngoan và rất hiền lành, ai cũng ngỡ nó chỉ có mấy đức tính này thôi.

Dáng bộ nhọc mệt, Tô nằm phục xuống, rên lên nho nhỏ nhưng vẫn ngoan ngoãn trong khi em tôi dội thuốc sát trùng vào vết thương và băng bó cho.

Mắt nó nhìn tôi long lanh tia nhìn hải lòng và hãnh diện.

Một hôm, tôi đi chợ về—vì không có em bé đi theo nên Tô cũng ở nhà — nó phóng ra ngõ đón: lần này phương cách biểu lộ sự mừng rỡ cũng quá trớn như lần mừng đón đi tôi, nó đâm sầm vào một đứa bé cỡ bốn năm tuổi, con một ông ở nhà đối diện nhà tôi phía bên kia đường. Khi tôi vừa cho xe vào garage chưa kịp lên nhà trên cởi áo dài, ông ta cùng bà vợ, tay hai người đều lăm lăm cây gậy to tướng chờ sẵn ở bậc thềm, một hai đôi phải giết con chó của tôi đi. Em tôi hoảng quá, chạy ra ngăn lại, bảo chờ tôi phân xử. Tôi cũng giận sôi, nhưng cố nén — nhà tôi đi vắng, mà kinh nghiệm cho biết khi nào nhà không có đàn ông thì nên nhịn nhục cho qua — mời họ vô nhà, gạn hỏi lý do.

Giọng hách dịch, ông ta nói:

— Bà phải để tôi giết con chó quỷ này. Tôi phải giết

— Thừa ông

— Nó đã cắn con tôi, nó tác hại nhiều rồi

Tôi hơi mất bình tĩnh — vì con Tô

chưa bao giờ cần ai — nhưng nếu lời gã ta nói đúng thì cũng mệt lắm chứ không chơi. Tôi bảo gã ta với giọng từ tốn :

— Xin ông yên tâm, con chó này không bao giờ cần ai. Tôi nuôi nó, tôi biết. Nhưng nếu quả nó cần con ông, tôi xin lo mọi việc. Và lại chó tôi có chích ngừa ở Thú y.

Tôi quay sang em tôi, bảo đưa đứa bé vào coi chó cần ở đâu để lo liệu.

Đứa bé được đưa vào nhà, nó còn xanh xám vì sợ hãi, song còi tuột hết quần áo, tìm tòi kỹ lưỡng hồi lâu vẫn không có qua cả một vết trầy. Tôi hoàn hồn :

— Ông lầm rồi : con chó đâu có cần con ông ?

— À, à !... không có cần sao ? Là quá nhỉ ? (gã ta thất vọng rõ ràng). Nhưng tôi tin cho bà hay, thế nào cũng phải giết nó, nguy hiểm lắm...

— Xin lỗi ông, tại sao lại phải giết nó đi ? Nó có làm hại ai đâu ?

— Nó chạy xộc vào con tôi, làm con tôi ngã sấp. Bà đừng tưởng phải đợi cần mới là nguy. Tôi, chính mắt tôi đã trông thấy một người bị chó húc rồi : chỉ mỗi cái sợ mà cũng làm người ta chết đó, bà ơi ! Tôi thấy rồi ! Tôi xin thề... Nếu bà tiếc con chó hơn một mạng người thì rồi đây, có ngày con tôi phải chết vì chó bà cho coi...

Tôi ngồi im, chưa biết đối phó cách nào thì gã ta dặng hăng, tiếp :

— Bà nói chó bà có chích ngừa ? Có quả vậy không ? Làm sao tôi tin được ?

Tôi nói cứng :

— Tôi có tiêm ngừa nó, thật như vậy, có giấy chứng của Thú y...

— Tôi muốn coi giấy đó !

Gã ta lại hách dịch, nói. Tôi lúng túng một chút — vì tuy con Tô đã có tiêm ngừa bệnh dại, song trong lúc dọn nhà, tôi đã vô ý để lạc đâu đó, chưa tìm ra, đâu có ngờ xảy ra sự rắc rối như thế này mà cần trọng. Tuy vậy, tôi vẫn nói cứng :

— Ông chờ đó, tôi sẽ đưa giấy cho ông xem ngay.

Và tôi quay sang em tôi, bảo cô ấy vào tìm trong các ngăn tủ may ra. Trong lúc đó, gã đảo mắt quanh nhà hất hàm hỏi :

— Ông đi vắng ? Ông làm việc ở đâu ?

Tôi lạnh cả người, cười gượng :

— Vâng, nhà tôi đi vắng vài hôm nay. Có việc...

— Chỗ láng giềng hàng xóm, bà giấu giếm tôi làm chi ? Ông đi vắng lâu lâu mới về mà ?

— Vâng, cứ mỗi tuần nhà tôi lại về ngày thứ bảy và chúa nhật. Nhưng kể từ tết nay, nhà tôi sẽ về hẳn tại đây.

Người vợ :

— Nhà không có đàn ông... mệt lắm. Nhưng không sao, có gì bà cứ gọi chúng tôi.

— Cảm ơn bà, tôi sẽ...

Tôi suýt nghẹn thở khi thấy em tôi từ phòng trong đi ra, vì tôi không biết nói sao nếu họ biết là tờ chứng nhận của Thú y không tìm thấy. Song em tôi nói như reo lên :

— Đây ! Giấy chứng nhận của Thú y đây, ông xem kỹ coi, khác biệt.

Tôi hỏi em tôi :

— Cô cắt giấy đó sao ?

— Em biết đâu mà cắt ? Chị bảo tìm thì cũng tìm bừa, em thấy nó lẫn lộn trong mấy cái biên lai mua đồ gỗ của chị.

Gã đàn ông phải mất trên 10 phút để xem xét tỉ mỉ tờ giấy chứng nhận to bằng một trang vở học trò, với vài giọng vẫn tất xác nhận là con Tô đã chích ngừa cách đây tháng rưỡi khi chúng tôi dời chỗ ở.

Tuy nhiên, khi đứng lên, vẫn lăm lăm gập trong tay, gã tuyên bố long trọng :

— Có giấy, chứng nhận, nhưng cũng cứ phải khám lại, tốt hơn. Bà thấy tôi nói có đúng không ?

— Vâng, ngày mai tôi sẽ đem nó đi khám lại...

— Tôi muốn có mặt khi họ khám nó. Tôi rất cần thận...

— Được ! Tôi sẽ mời ông cùng đi... cho vui.

— Bà phải coi chừng con chó quỉ đó...

— Vâng, tôi sẽ coi chừng nó, thưa ông !

Gã đã ra khỏi thềm cửa, lại quay vào, giọng nghiêm nghị :

— Cái giống chó quỉ đó rất nguy hiểm : có khi nó không cắn, chỉ húc vào người ta, nhất là con nít, vậy mà con nít bị mất hồn rồi mấy ngày sau là đi đứt đó, bà ơi ! Bà đừng khinh thường, bà phải nghe tôi.

Tôi cố nín cười, nghiêm giọng :

— Thưa, tôi xin nghe ông...

— Bà định làm gì nó ?

Tôi lúng túng mất một giây :

— Ông khuyên tôi nên... thế nào ?

— À, à... (gã đưa tay sờ, lên cằm đo dự một giây) theo tôi thì nên giết chết nó đi... Tôi có thể... không khó khăn mấy, đối với tôi... Một con chó quỉ...

— Nó làm gì nên tội mà ông đòi giết nó hoài ? Cứ để mai, anh tôi về đây rồi mời ông qua nói chuyện, tiện hơn.

Em tôi hết kiên nhẫn, chen vào nói. Nó tỉnh trí hơn tôi. Câu nói đó làm tôi nhớ ra ngày mai là thứ bảy, nhà tôi về. Tôi tiếp :

— Phải đó, thưa ông ! Ngày mai nhà tôi về rồi tính sau.

Đôi mắt xéch cau lại dưới hai hàng lông mày rậm và cái trán thấp như tối sầm lại thêm, gã có vẻ hệt hăng, ngó mặt ra :

— Ủa, vậy sao ? Mai ông về sao ?

— Vâng, mai anh tôi về tới.

— Dầu vậy ngày mai tôi muốn

đem con nhỏ khám bác sĩ cho chắc ăn.

— Được rồi, ông về đi ! Ngày mai tôi sẽ đưa con ông đi khám, được mà.

oOo

Gia đình tôi lại dời vào Sài Gòn, vì nhà tôi muốn thế. Tôi đành nghe theo anh ấy, vì biết anh không thể sống xa vợ con.

Tuy ghét cái đông đảo ồn ào của đất này, tôi không thể trái ý anh. « Anh đã phải cơm hàng, cháo chợ bốn năm nay, anh ngán lắm rồi ! Anh muốn, sau khi tan sở ra về là thấy mặt con... » Nhà tôi cứ nói đi nói lại câu trên mỗi lần về thăm nhà.

Tôi buồn rầu sửa soạn chuyển đi, buồn rầu cho đến nỗi quên phát việc giải quyết số phận con Tô sao cho thỏa đáng. Còn năm hôm nữa lên tàu, em tôi mới làm tôi nghĩ đến bằng một câu như sau :

— Chị tính sao về con Tô, hả chị ? Đem nó theo không ?

Đem nó theo ư ? Gia đình tôi không thể tìm được một chỗ ở rộng rãi tại Sài Gòn như tại Nha Trang. Một căn phố hẹp, thiếu không khí, thiếu ánh sáng, người thờ còn thiếu, đâu có chỗ dành cho chó ? Tôi rất ghét cái lối nuôi chó của người Sài Gòn — dĩ nhiên đây tôi chỉ muốn nói đến những người ở xóm nghèo, thiếu phương tiện — Họ cứ lén lút đem chó ra phóng uế bừa bãi ngoài đường, trước sân hay sau hè kẻ khác. Mà nhà cửa chật hẹp, nghèo khổ chứ

giàu có chỉ cho cam, phải nuôi chó giữ nhà ? Tôi ngán ngẫm khi nghĩ đến nỗi tù túng mình phải chịu và thật tình không muốn đem con Tô theo, dù con tôi và tôi đều thương nó vô ngần.

Nhân có bác tôi từ Đồng Đế sang chơi, ngỏ ý muốn nuôi nó, tôi nhận lời liền. Nhà bác tôi rộng rãi, có vườn, tha hồ cho nó chạy rong. Tôi cho đó là cách thu xếp ổn thỏa nhất, tốt đẹp nhất. Tôi cũng sợ nó sẽ gây khó khăn cho mình khi lên tàu nên bàn với bác tôi đưa nó qua nhà bác trước khi đi hai hôm.

Sáng hôm đó, tôi lên xe, ngồi vào tay lái và gọi nó lên theo. Đây là lần thứ nhất, con vật không tỏ vẻ thích thú được đi xe, vì lẽ giản dị : nó không thấy em bé đi với nó. Chẳng những chỉ chần chờ, nó còn nhìn tôi như muốn hỏi lý do cuộc đi chơi kỳ quái lạ lùng này. Tôi tránh nhìn nó trong lúc bác tôi vỗ vỗ vào đầu nó, dỗ dành :

— Lên xe đi con ! Em Bé bữa nay không đi được.

Tô vâng lời một cách miễn cưỡng. Đến nơi, tôi tắt máy xe, giục hai ba lần nó mới chịu xuống xe và trong lúc nó không ngờ tới thì một sợi xích sắt đã tròng vào cổ nó và người nhà bác tôi lôi xệch nó đến một gốc mít xích vào. Tô không kịp phản ứng gì cả — nó có bao giờ bị xích đâu mà biết ? Khi nhận thức được tình trạng này, nó lông lên, sủa vang dội, hung tợn khác thường — như cái đêm nó chống với tên trộm vậy. Song rồi

nghe tiếng tôi gọi nó, nó dừng lại nhìn tôi, cái nhìn tối sầm, đau đớn lẫn kinh ngạc chứ không còn tức giận. Tôi nghẹn ngào toan nói mà không thành tiếng. Bác tôi lại ôn tồn dỗ nó :

— Con ở với bà, bà cũng thương con lắm. Em Bé đi xa, con không theo được nữa đâu, Tô ơi!

Con vật đứng yên, đầu cúi gục, dáng bộ buồn bã rồi đột nhiên, nó ngẩng phắt lên nhìn tôi, cái nhìn vừa dò hỏi vừa nóng nảy như thề không tin lời bác, đòi tôi giải thích. Tôi nuốt nước bọt khó khăn, chậm rãi xác nhận lời bác tôi :

— Đúng đó, Tô ! Em với mợ đi xa lắm, Tô không theo được...

— Con thấy đó không, Tô ? — Bác tôi lúi và chỉ tay vào cái đu mà em tôi vừa chở qua nhà bác ngày hôm trước, được đặt cạnh gốc mít — Cái đu của em bé cũng phải để lại như con vậy. Để cho con đó, nghe Tô ! Con phải biết nghe lời chủ.

Thật vậy: một gian phố nhỏ dài không quá 10 thước, ngang không hơn 4 thước, vợ chồng con cái, em cháu... chỗ đâu dành cho cái đu và con chó Tô đây ? Tôi đã bán cái xe hai mã lực cà tàng đi, cũng bán cho cùng người chủ mới thuê nhà này để đủ tiền có một chỗ ở như thế. Tôi làm bộ thản nhiên, bảo nó :

— Nằm xuống đi, Tô ! Rồi có dịp, em Bé sẽ về thăm Tô với mợ.

Con vật lại ngẩng lên nhìn tôi, cái nhìn tuyệt vọng nào lòng. Tôi run

run vuốt ve nó. Tô đứng yên không nằm xuống như thói quen khi được tôi chăm sóc. Qua bộ lông mượt tôi cảm thấy bắp thịt nó gồng lên và cả bộ lông nữa, nhưng chỗ không có bàn tay tôi đặt tới cũng như dựng đứng để phản đối hành động bất nhân, bạc bẽo của chủ nhân. Rồi nó quay đi, tránh bàn tay tôi, bước từng bước lại gần cái đu đưa mũi ngửi ngửi, tìm hơi hướm của con tôi còn sót lại đâu đó. Tôi không thể kéo dài cảnh ấy, tôi không đủ can đảm, vội vàng lên xe.

Qua tiếng động cơ ầm ỹ, tai tôi vẫn vang dội tiếng gào thảm thiết của con vật đáng thương, mà tôi đâu dám dừng lại ? Tôi nhấn mạnh chân ga, vọt thẳng ra đường lớn, cốt sao cho khuất mắt, rảnh tai.

Rồi tôi dừng xe sát lề đường, gục đầu lên tay lái, mặc cho nước mắt tuôn trào. Khi khóc hả hê rồi, tôi ngẩng lên, qua màn lệ nhập nhoè, tôi như thấy rõ ánh mắt của con tôi — đứa con chết đã lâu — cùng hiện hiện với mắt con Tô một lượt. Cả hai đôi mắt đó đều hướng về tôi, cái nhìn sâu thẳm, buồn rầu, cái nhìn cầu cứu mà tuyệt vọng, đầy kinh ngạc. Rồi thì, tôi không phân biệt được đôi mắt nào là mắt con tôi khi hấp hối, đôi mắt nào là mắt con vật thân yêu. Chúng quá giống nhau.

oOo

Xuống tàu hỏa, tôi lập tức lên xe qua Đồng Đế. Gió sớm quét lên mặt tôi lạnh lạnh song tôi cảm thấy

Ấm áp sung sướng không tả xiết khi hình dung đến lúc Tô gặp tôi. Nó dám lao vào tôi, hất tôi ngã bở chừng chứ không chơi. Song không sao, tôi sẽ không la mắng nó đâu... tôi sẽ mặc cho nó biểu lộ niềm vui ồ ạt đó... Tôi sẽ để mặc nó...

(Thú thật : tôi nghĩ đến nó như nghĩ đến một bạn cũ xa cách lâu ngày)

Song tôi ngạc nhiên vì không thấy bóng dáng con Tô đâu hết. Là chưa kia ? Cái gì đã xảy ra chẳng ? Và rồi, tôi khựng lại khi nhìn thấy cái vẻ mặt ủ dột của bác tôi, phải : bà chưa mở miệng song nét mặt bà đã nói với tôi rồi.

Tất cả hân hoan, náo nức, cái khỏe khoắn do luồng gió sớm tôi vừa hít thở trên xe như cùng lúc rũ nhau thoát ra khỏi người tôi. Đột nhiên tôi bải hoải rã rời, phải ngồi xuống, tựa vào cái đu và tôi lặng người, tìm tôi nhói lên một cái và máu tôi như ngừng chạy trong huyết quản.

Mắt tôi mờ đi, hai tai ù ù, song tôi vẫn cố gắng để nghe lời bác tôi nói về cái chết của con Tô. Ôi ! Những lời bác... như từng giọt, từng giọt đá lạnh tê chằm rã giọt lên tim tôi vậy.

— Tội lắm, con ơi ! Nó không chịu ăn uống gì hết. Nó cứ lờn lên, gào rống. Khi nào mệt lử, nó mới nằm phục xuống đất thở lên hồng hộc, khi nó không sửa được nữa, nó rên ư ử cả ngày. Bác đem cho nó cái mền cũ, nó xé tan đi, đem nó leo lên nằm trên cái đu mà ngủ...

— Bác vẫn xích nó ?

— Không, bác tháo xích sau khi con lên tàu... Đồ hoài nó cũng không nghe, đến nỗi đôi khi bác cũng bực vì cái trung thành kỳ cục của nó.

Bác tôi ngừng nói, tằm trâu, ăn. Tôi không nôn nóng chi nữa, nó đã chết rồi, mặc bác kể cả. Nhổ búng nước cốt trâu sát gốc mít, bác kể tiếp :

— Một bữa, nó chịu ăn, cả nhà mừng hết sức là mừng. Lúc đó, coi hình thù nó thấy thảm, đi không muốn nổi. Nào ngờ đâu vậy mà nó còn lăn mò về bên nhà cũ của con, nó gặp cái lão đòi giết nó đó, con nhớ không ? Cái lão...

— Thưa bác, nhớ...

Tôi làm sao quên gã đàn ông này được ? Nhưng tôi bỗng hoảng hốt :

— Rồi sao bác ? Lão giết nó ?

— Không ! Đâu có giết ? Nó rụng trụi lông, ốm trơ xương, ngon lành gì nữa mà biểu lão thèm ? Bác đoán chắc nó về đó chứ không đi đâu, nên bác tới hỏi thăm, mà nhà họ đi vắng hết, bác thấy lão bèn hỏi chừng chớ chắc gì lão thấy nó, thì lão vồn vã cho bác hay là nó về bên đó, họ thấy nó gớm ghiết quá nên xua đuổi, mà nó không chịu đi, nó chui xuống gầm xe, núp phía trong bánh xe. Bác đợi một lát thì có người về, họ mở cửa cho bác vào. Hồi đầu nó không muốn về với bác, nhưng sau bác dỗ nó, với lại chắc nó cũng biết : trừ cái xe, có khuôn mặt nào quen với nó đâu, nên nó chịu đi với bác. Về nhà, nó lại bên cái đu, nằm yên

đó hai ngày tiếp. Nó kiệt quá rồi, cho đến nỗi nó không trèo lên đu nôi đó, con ơi! Bữa khuya hôm thứ ba, bác giật mình vì nghe tiếng nó tru lên thảm thiết rồi nghe tiếng mấy sợi xích sắt treo đu va chạm dữ dội bác đoán là nó đang cố gắng leo lên. Trời thì lạnh, bác lại đang cảm, nên bác muốn mà không ra giúp nó được. Sáng ra, nó chết, cứng còng dưới cái đu, mặt đất có dấu chân cào cào...

Bác tôi ngưng lại, lấy ống tay áo quẹt nước mắt. Tôi không ngờ bà cũng thương con Tô nhiều đến vậy. Vì bà vẫn nói với tôi là: "Bác cạn

khô hết nước mắt rồi, bác chứng kiến nhiều cái chết quá rồi". Biết tôi nghĩ gì, bác cười gượng, nói:

— Phải! Bác thương con Tô lắm! Nó còn đáng quý hơn nhiều người bác gặp, họ chỉ đẹp để có cái bề ngoài chớ tâm địa thì... cháu đừng cho là bác nói quá, tâm địa họ còn thua xa loài thú.

Rồi thỉnh linh, bác đổi giọng, hỏi tôi:

— Này, con có biết chuyện hai con chó của cụ Phan không?

MINH QUÂN

9-11-73

thuốc ho viên

Pectal FORT



trị các chứng HO



ho gà, ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm - suyễn
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL FORT

trị các chứng HO

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

NGÀY 8 THÁNG 2

Gởi Nhà Xuất bản RỪNG TRÚC Paris đang thực hiện thi phẩm GÂY
HOA CÚC của Mộng Tuyết đề tưởng niệm ĐÔNG HỒ Ngô huyên

— CHỊ OI !

Tháng 2 mình đã tới rồi chưa ?
(Thương lắm cho câu hỏi bất ngờ)

— Có hề gì đâu, ngày với tháng !
Tháng nào mà chẳng tháng 2 ư ?
Ngày nào mà chẳng là ngày 8
Lịch đã 5 năm chẳng bóc tờ
Mây hời ghé qua cho nhẩn nhủ :
Liệm giùm cho nốt chút duyên xưa

Xưa làn gió nhẹ qua hiên gác
Vời mảnh trăng non nở giữa hồ
Chữ nghĩa chất đầy thiên gấm vóc
Hương mùa trinh trắng, phấn ngây thơ
Băng trinh nguyên đàn thời buông tóc
Gối chẳng liêu trai mộng tiếp bờ

Là chuỗi ngọc còn vương sợi kén
Hương Quỳnh ngát rặng cánh tương tư

Qua Thăng Long chép thơ hoài cổ
Làm khách cái Lan bước thấn thờ
Khó giữ cho tròn câu quốc phá
Thà am Đại ẩn học người xưa

Rồng bay phượng múa sơn tươi nét
Chất ngọc hồn băng ủ vạn tờ
Áo rộng ngón gầy tay chấp bút
Mực mài nghiền đậm tả tám thư
Thanh thanh cảnh trúc là đà gió
Mơn mơn đài sen loáng thoáng tua
Ôi ! bức hoa tiên ngồi mực xạ
Guồng mây trải rộng bút ai đưa

Mỗi mùa tết đến sầu lên chữ
Bao lá hồng đơn ngỏ ý chờ
Hoài Tố liễn giăng màu khói gợn
Trầm lay cánh thiệp Lan đình xưa
Lao xao gió nhẹ mảnh rung động
Ẩn hiện tường đông nét cổ thư
Đâu nữa phút tung hoành ngọn thỏ
Dâng trầm cuộn khói nẻo ai mơ !

Hỡi ơi ! người ngọc chìm trong sách
Mở quyền hồn theo bướm vật vờ
Mất hẳn rồi sao ? Còn đó chữ !
Bâng khuâng ngày tháng rồi guồng tơ
Cùng gieo hư thực vào cơn mộng
Vẳng tiếng ngâm bài độc vận chưa ?

MỘNG-TUYẾT Thất Tiều muội

Mồng 8 tháng 2 Giáp dần (1974)

Thơ PHAN SỸ HOÈ

Còn cảm nỗi đời

Neo thuyền bến lạnh sông mưa
Đồi thu quán dựng bãi thừa cỏ vàng
Vẳng rồi tiếng vọng dò sang
Thôi ngàn xưa cũng điêu tàn thanh âm
Đường trăng bóng giải mơ thắm
Thương ôi tâm sự còn cảm nỗi đời !

(Trích : Mưa Bão Nghìn Xưa).

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH: 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh	Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuật : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xỏ-sổ
- 13% mỗi năm : nếu có dự xỏ-sổ
- 4% mỗi năm : để xỏ-sổ
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Cánh diều trên đồng cỏ

(* Đề tưởng niệm các thiên thần vô tội của trường Tiểu học Cai Lậy)

Vào một buổi sáng, khi ngồi trên trục thẳng bay trên vùng trời Tiền Giang, tôi bỗng tình cờ nhận ra những cánh diều đang lượn vờn dưới thấp. Hốt nhiên lòng tôi như một bản đàn bật lên những cung bậc đầy rung động, nôn nao. Dưới cánh tàu đồng lúa đã, sau mùa gặt, trơ vơ những cuống rạ, trông từ cao, chẳng khác một phi đạo không lồ vàng sậm dưới ánh nắng mặt trời. Và những cánh diều nhỏ bé kia, đã giúp tôi biết rằng, trời đang bắt đầu có gió nam, và cũng bắt đầu là mùa thả diều. Hình ảnh ấy chẳng khác những kỷ niệm tuyệt vời của tuổi thơ tôi, cho tôi nhận ra một nỗi ngậm ngùi rất to lớn. Đó là thảm kịch của thời gian. Tôi đã đánh mất tuổi thơ hoa mộng của tôi lúc nào không hay. Tôi chăm chú một cách si mê em bé thả diều dưới đất. Tuy ở cách em đến gần 100 bộ, nhưng tôi có thể biết chắc rằng, đôi tay nhỏ bé của em đang vất vả điều khiển cánh diều trước những cơn gió nổi. Tôi cũng có thể hình dung ra đôi mắt trong sáng no nê của em. Trong đôi mắt ấy là cả một cánh diều ngự trị. Chúng đang rực rỡ dưới ánh nắng, dưới một bầu trời đầy mây xanh. Tôi cũng có thể tưởng tượng hơn nữa, ở con tim của em. Con tim ấy đang trôi lên một bản nhạc trong sáng hồn nhiên. Cửa tiếng chim tu hú, của tiếng dế mèn khe

khẽ gáy, của tiếng gió xôn xao. Và hai chân nhỏ nhắn của em đang xạc xạc cùng những cọng rơm cọng rạ. Em đang sống trong một thế giới mà chỉ có tuổi thơ mới biết được, thế giới không phiền lụy, không bon chen, không hận thù. Hai má em đang ửng hồng dưới nắng. Tóc em dường như xanh hơn. Em đang ngửa mặt nhìn lên người bạn diều. Em đã quên em đang đứng tại một điểm của một vùng mà người ta gọi là khu Tam giác sắt. Em không biết được những thảm kịch chiến tranh tàn bạo đang xảy ra hàng ngày hàng bữa tại khu vực này. Đó là những gì có mặt trong khu vực sinh lầy hoang dã bên sâu. Đó là những họng súng sẵn sàng chia ra đường hay chia lên cao. Đó là những cuộc tấn công pháo kích đêm ngày không mỏi. Chắc hẳn em không hiểu được điều đó. Bởi vì, tôi nhận ra em đang say mê với cánh diều trên đồng cỏ.

Và cũng chắc hẳn em không hiểu bản tin chiến sự ngày hôm nay có ghi thêm một em bé chăn trâu đã chết khi đạp phải lựu đạn gài sẵn.

Con tàu đã bỏ xa em nhỏ thả diều, tuy nhiên hình ảnh của em vẫn còn hóp hờn tôi thật sự. Tôi nhìn xuống đất, tuy nhiên tôi chẳng thấy gì hết trừ ra cánh diều và người chủ của nó. Bên tai tôi nghe tiếng nói vô hình:

Mùa thả diều. Mùa thả diều đã đến. Và tôi lịm đi trong cơn mơ xa vắng. Phải rồi, mùa thả diều. Cái mùa đến giữa lúc trời bắt đầu chớm hè và thỉnh không cao vút, đầy trong sáng. Cái mùa đến khi tiếng sáo vắng giữa từng không, hòa lẫn cùng tiếng chim cu cú, tiếng tu hú nỉ non, tiếng khóm tre cựa mình kéo kệt và tiếng gió lướt thướt trên các khóm lá chuối sau hè. Cái mùa mà lũ bé con đã đợi sẵn từ lúc nào với những con diều, những cuộn chỉ gai. Và mỗi trưa mỗi chiều, lũ bé con ấy rủ nhau ra ngoài đồng cỏ cùng đưa nhau thả diều. Những bước chân dẫm trên đồng cỏ, nghe nghe như chỉ có cánh diều giữa bầu trời lồng lộng mấy từng là người bạn trung thành nhất mà thôi. Và đôi khi, vì cuộc vui quá độ, đến giờ cơm chiều cũng chưa chịu về, làm cha một phen phải kéo về đập cho một trận đòn, khiến mẹ phải hết sức can gián :

— “Này, xin lỗi cha mày đi. Nói là về sau không dám trốn nhà thả diều nữa.”

Nhưng chỉ có trời mới biết con tim của thằng bé trên đồng cỏ. Bởi vì, cánh diều tuyệt vời kia, tiếng sáo của trời vang lừng kia, những áng mây óng ả kia đã hớp hồn nó rồi. Và tôi chính là thằng bé con đó. Bất giác tôi tự mỉm cười. Con tàu hình như chia mừng cùng tôi, bay ngang một cánh đồng cỏ khác. Cũng vẫn những cánh diều đủ màu đang lượn vờn dưới thấp. Cũng vẫn những em nhỏ đang đứng dưới đất nhỏ nhoi, và cũng vẫn những chiếc đuôi diều

dài lê thê đang phấp phồng tung bay trong nắng ấm.

“Sắp đến nơi rồi”, người đồng hành đã bảo với tôi như thế. Bây giờ tôi mới trở lại với vị trí thật sự của mình. Là lát nữa đây, tôi sẽ đến một quận lỵ, sẽ vào gặp ông đơn vị trưởng, sẽ xuất trình giấy sự-vụ-lệnh công tác tại một chiến trường hung bạo. Lát nữa đây, tôi sẽ chúi mình trong đám sinh lầy của Đồng-tháp-mười hay theo một đoàn quân giải tỏa áp lực địch, hay hơn nữa, chịu đựng một tai ương bất trắc nào đó mà tôi đã biết từ mấy năm nay. Lát nữa đây, cái cõi tôi về không phải là cõi mộng mà là một cõi hung bạo. Đó là chiến tranh, đó là lưỡi hái của tử thần sẵn sàng ve vớt da thịt mỗi đứa con của sinh lầy. Nghề nghiệp phóng viên chiến trường của tôi chỉ bao gồm chừng nấy. Dưới mắt tôi, quận lỵ Cai-Lậy như một thị trấn mới. Vài ngôi lầu mới lè loi vươn lên cao. Giòng sông nhỏ màu nước phù sa vàng ánh dưới nắng. Và xa hơn nữa là đồng ruộng mướt mướt, hiện lên những hàng cây thăm xanh đầy bí ẩn. Lòng tôi chẳng thấy vui buồn. Tôi chẳng khác một con người máy cũng nên. Rồi con tàu hạ thấp sau đó, tìm bãi đáp. Chúng tôi mang dụng cụ nhảy ra khỏi tàu. Cánh quạt vẫn còn quay. Sức gió làm tôi muốn ngã. Tuy nhiên tôi cũng cố gắng đứng vững để đưa tay chào anh bạn phi công. Anh ta cũng chào lại. Trong cử chỉ của anh, dường như có ngụ ý chúc tôi may mắn.

oOo

Vào khoảng gần ba giờ trưa, trong

khi tôi chờ đợi ông đơn vị trưởng trong phòng Hành quân thì một tiếng nổ long trời lở đất bùng dậy. Để chừng rất gần chỗ tôi ngồi. Sức nổ khiến tôi muốn bật đứng, và màng nhĩ như thẽ bứt ra. Đồng thời có tiếng la hét dữ dội, như vỡ cả lồng ngực : pháo kích, trời ơi, pháo kích vô trường Tiểu-học. Chết hết. Chết hết. Tiếng hét ấy như làm đứng tim người. Sau đó ít giây là một biển gào thét loạn cuồng : Học trò chết. Học trò chết. Cứu giúp chúng tôi, đồng bào ơi... Tôi thở hồn hèn. Sự thật lúc này tôi không còn sợ vì viên đạn hung bạo kia, hay có thể một viên đạn thứ hai khác nhưng là vì tiếng hét tột độ kinh hoàng. Tôi ào ra ngoài phòng, ào qua đường quận. Trường Tiểu-học ở bên kia đường. Tôi hốt hải chạy. Nhưng trước tôi đã có hằng chục người vừa đàn ông đàn bà ào vào sân. Và sau tôi là hằng chục, hằng trăm người khác. Tôi đã thấy rõ. Tôi đã thấy rõ. Một em đang bò, hai em đang bò, ba em, cả bảy vệt đang bò. Không, các em đã không bò mà duỗi hai tay, mà đưa hai tay, chỉ có hai tay, hai chân là động đậy. Còn ngoài ra chỉ có máu và máu. Tôi đã thấy rõ, một bảy thiên thần đang nằm úp, nằm ngửa, nằm nghiêng hai tay căng ra, hai chân duỗi ra, và máu, máu, máu nhiều quá. Một em, không, một cây máu, đang đứng sững, như trồng chuối. Sau đó, cây chuối ngã xuống, và hai tay trải ra trên sân. Mỗi em đang cố gắng bò vào phòng. Em chui xuống gầm bàn. Rồi em chết. Đầu chúc xuống, mông chia lên trời. Một em đang mở đôi mắt. Tôi thấy cả

màu nắng giữa một gương mặt bê bết máu. Tôi mừng quá. Tôi biết em còn sống. Em còn thở. Em meo mào : Thầy ơi cứu con. Tôi bồng em chạy ra sân. Tôi la. Nhưng tôi không biết làm gì để giúp em. Tôi đã mất hết bình tĩnh. Và em bé đã chết trên tay tôi.

Quang cảnh sân trường bây giờ hỗn loạn kinh hoàng. Những phụ huynh học sinh nhào vào mỗi lúc mỗi đông. Họ vồ chụp lấy xác, ôm chầm lấy em bị thương. Có một em bị ba bốn người đàn ông đàn bà ôm chầm khóc ngất. Một người đàn bà vừa gào vừa mở nút áo một em để tìm dấu tích con trai bà, bởi mặt em bây giờ chẳng còn nhận ra nổi. Tuy nhiên, trong cảnh tượng bi thương đó, chẳng có ai để ý đến những lọ mực, những cặp vở, những đôi dép, những hộp viết xanh đỏ, hay những cuốn vở, đang nằm tung tóe, với máu đầm dề. Có một chiếc cặp bị sức nổ làm bay cả nắp, để lộ những quả soài non, những nắp ken, một cuốn truyện trẻ thơ vẽ bằng tranh. Tất cả nhúng vào máu như nhúng vào mực đỏ. Một cuốn vở khác bay ra xa, phơi những trang giấy học trò trên thềm lớp với những bài toán cộng trừ, mà lời phê điểm của thầy giáo chứng tỏ em là một học sinh xuất sắc.

Có lẽ thần kinh của tôi phải rối loạn mất. Tôi đang đứng trên sân trường mà ngỡ đang đứng tại một cõi âm ty địa ngục. Tôi đã bị bao nhiêu người xô ngã quỵ, khi tìm cách

vượt đám đông, mang các em bị thương ra xe hồng thập tự. Cả người tôi đầy máu. Tôi vừa thở hồn hèn vừa nhìn lại cảnh một bà mẹ nhận ra con của bà đã chết, vừa ôm chặt con vừa gào tru. Tiếng tru như tiếng oán hờn từ một huyết lạnh. Tôi đâm sồn tóc gáy. Tôi bỏ vào hiên lớp, ngồi bệt trên nền xi măng, và cúi đầu, bó gối. Nước mắt tôi tha hồ chảy. Tôi ước ao khóc thật nhiều, thật nhiều để khi rời khỏi đây, tôi sẽ không còn nước mắt mà khóc thêm nữa. Vai tôi bật run như một con bệnh sốt rét. Tai tôi đã không còn phân biệt được những âm thanh nào nùng kính hoàng bên ngoài, mà trái lại là cả một tiếng tru ghê rợn của bà mẹ vừa tìm ra xác con bà. Và tôi khóc to, khóc thành tiếng. Trong đôi mắt mờ lệ của tôi, tôi lại bắt gặp ở cuối hành lang, một chiếc cặp cũ nữa. Bên cạnh là con điều, và cuộn chỉ nằm ử dột. Chắc chủ nó đã

mang theo, để thả trong giờ chơi.

oOo

Ngày hôm nay, tôi lại bay qua cánh đồng cỏ cũ. Trời vào hè, nắng rực rỡ, chói lòa cả những áng mây xa. Con tàu như quen thuộc, hạ xuống gần 100 bộ. Tuy nhiên, tôi không còn nhận ra đứa bé thả điều như trước nữa. Tôi cũng chẳng còn thấy cánh điều rực rỡ, với chiếc đuôi phấp phới bay trong gió nữa. Chỉ còn cánh đồng cỏ màu vàng sậm bát ngát mênh mông chẳng khác một phi đạo khổng lồ. Tôi nghe một nỗi buồn đến đắng cay đầu lưỡi. Một nỗi buồn như cả định mệnh đè xuống vai tôi. Một nỗi buồn bàng hoàng như khi thấy cái cặp với những trái soài non, những nắp ken, và con điều, cuộn chỉ vấy đầy máu trên sân trường.

TRẦN HOÀI THƯ

Cần Thơ 11-3-74

SÁCH MỚI

— HITLER VÀ CÁC DANH TƯỚNG ĐỨC QUỐC XÃ.

Cuốn sách độc đáo về đệ nhị thế chiến của học giả, nhà văn, ký giả lừng danh thế giới RAYMOND CARTIER.

Sắp phát hành :

— CÁC TÊN ÁC QUỶ CỦA Y KHOA DƯỚI THỜI ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN.

— BỨC TƯỜNG THÀNH DO THÁI

của JEAN LARTÉGUY tương Moshé Dayan đề tựa.

Cuốn sách lột trần các sự bí mật của quân đội bí mật nhất thế giới.

NGƯỜI SÔNG KIÊN và LÊ THỊ DUYÊN dịch

SÔNG KIÊN xuất bản và phát hành. 98 Trần nhân Tôn (lầu 3) Sài Gòn 10

LUÂN HOÁN

Trên chặng đường Đà-nẵng — Qui-nhơn

tặng Châu-văn-Tùng và Nguyễn-văn-Pháp

1. Ngủ trong vườn cây Khắc-minh Quảng-ngãi

còn thuốc lẻ đốt cho ta một điếu
trần trọc hoài nghe miệng lưỡi vô duyên
đêm đã khuya nhưng lòng chưa ấm chiếu
gối vui buồn làm sao ngủ cho yên

này anh bạn thuộc ca dao rất sõi
xin ngâm cho vài điệu nặng ân tình
trời không trăng nhưng hồn vừa thấp nển
soi mặt nhau cười, đợi nắng bình minh

này anh bạn biết rất nhiều cổ tích
hãy kể đi những chuyện quỷ chuyện ma
vườn âm u gió rung từng chiếc lá
nồi da gà sống lại thuở lên ba

này anh bạn giàu một đời tranh đấu
hãy kể đi chuyện trôi nổi điên cuồng
thân còn lại thôi cam đành thiếu hụt
lệ muôn đời xin lấp lánh như sương

này ta hơi hãy ngủ đi chốc lát
đêm dịu dàng bao bọc ở chung quanh
ơi con chó vu vơ nào đã sủa
nhịp khoan thai là lời chúc yên lành

này hãy ngủ gắng ngủ đi các bạn
nắng sẽ lên đời sẽ gọi lên đường
gói hành lý sẽ giàu thêm kỷ niệm
chuyến đi này mong nhận mặt quê hương

2. Dừng dưới chân đèo Bình-đê

 nào xuống cả đây lũ chúng ta
 đường trưa cầu hồng xe chưa qua
 tiếng chim chợt gọi trong rừng lá
 trời rộng mây dừng theo chúng ta
 đố bạn núi cao này mấy tuổi
 gió bay bay mãi có nhớ nhà
 suối, quanh chân đá sâu ai vấy
 nhịp chảy nghe buồn như thở ra
 đố bạn nơi đây trời mấy ngả
 một ngày trôi nổi mấy người qua
 có ai cũng rủ chân dừng lại
 cũng dạo loanh quanh để gọi là...
 cũng bắt chước ta tìm phương hướng
 tìm hơi người-trước giữa bao la
 tìm trong mạch máu ta giọt rượu
 ngất ngưỡng muôn đời ta, lũ ta
 đố bạn nơi đây sâu có lại
 trong lòng những kẻ thích đi xa
 áo cơm nào nhạt tình sông núi
 sông núi nào quên kẻ thiết tha
 bạn hỡi hãy xem hoa mới nở
 âm thầm như mỗi một chúng ta
 vẫn nhen trong trái tim chút lửa
 soi ấm muôn đường ta sẽ qua...

Thơ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

DẤU HUYỀN

Lửa chia chân vạc dăng sâu
Nước sôi trăm độ nghiêng bầu khói mây
Ấm đời Minh nẻo trời Tây
Có nghe lòng đất cũng ngáy hương trà
Rồng đen từng cánh sương pha
Còn bay theo ngón tay ngà đến đâu
Tiếng đàn ai bỗng rơi châu,
Đã lên tuyết đỉnh mây sâu rồi chẳng
Phương Nam nghỉ một cánh bằng
Gió mưa khơi dậy miền băng tuyết nào
Hương trà đượm tiếng đàn cao
Vượt ra ngoài cả vòng sao cuối trời
Đàn loang ngấn lệ xa vời
Trà nghiêng lòng ấm rã rời chiều sâu
Khói tan hoang lửa nát nhàu
Vòng tay ôm trọn lấy màu trắng thôi

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin Ông Bà Bùi-văn-Bảo sẽ làm lễ thành hôn cho :

Anh **BÙI-BẢO-SƠN** cùng Cô **TRẦN THỊ THÚY LIÊU** và hôn lễ sẽ được cử hành tại Sài Gòn-Gia định vào ngày 1-4-1974 (9-3 Giáp Dần).

Xin trân trọng mừng Ông Bà Bùi văn Bảo và thành thật chúc tân lang và tân giai nhân trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà : Lê Ngộ Châu, Lê văn Vinh và Trần văn Thuận.

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

L. T. S. Lá thư này gửi tiếp theo «Lá thư Tel Aviv» ngày 31-12-73 đăng trên Bách Khoa số Tân niên (C*404) nhưng vì thư tôi trễ (do sở kiểm duyệt Israël như tác giả nói trong bài hay do bưu-điện?) nên Bách Khoa số kế tiếp (D*405) lại phải đăng lá thư Tết ở Paris và tôi số này mới đăng tiếp lá thư Israël được. Xin tác giả và quý vị độc giả thông cảm cho.

Israël tháng 1-1974

Anh Ch.

Ngỡ rằng thì giờ sẽ eo hẹp, vừa đi họp với Tướng Aharon Avnon về, đang tính chuyện xếp hành trang để mai lên đường sớm. Năm giờ sáng phải có mặt vì vấn đề an ninh, họ khám xét rất kỹ, xem từng chiếc áo, từng cây bút, từng món gì được gói lại đều phải mở tung ra. Vì vậy mà phải lên sân bay trước hai tiếng đồng hồ, hết gần một tiếng từ nhà trọ đến phi trường là ba. Đêm nay chắc khỏi ngủ.

Một cú điện-thoại từ hãng Air-France gọi đến báo tin chuyến bay ngày mai phải hủy bỏ vì ở Pháp đang có cuộc tổng đình công. Thế là chưa làm va-li vội, cần nhẫn một lúc rồi chẳng biết làm gì, thôi thì viết thư về than với các anh.

Kể gì anh nghe, thư trước đã viết về ngọn đồi Golan rồi (1), chỉ có một điều tôi đang lo, chẳng biết thư có đến tay các anh không vì bên này các ký giả đang bị sở kiểm duyệt theo dõi gắt gao. Đáng lẽ phải đưa bài ra kiểm duyệt trước rồi mới gửi đi nhưng tôi không làm, cứ gửi bừa theo bưu-điện. Thế nào cũng bị gác lại để các ngài còn chạy tìm thông-dịch.

Mấy hôm nay ngày nào tôi cũng sống ở phòng báo-chí; ở đây có đủ mọi thứ tiện-nghỉ, nào bàn làm việc riêng cho từng người, nào điện thoại, télex, thư viện, chỗ ăn, chỗ uống cà-phê và bên trên là cơ quan tiếp xúc với ký giả vừa quân sự vừa thông tin. Có tin tức gì mới là người ta treo ra ngay cho anh em cùng thấy.

Nơi đây anh có thể gặp hết các đồng-nghiep từ quốc nội đến quốc ngoại. Cả những nhân vật chính trị, văn hóa, một nơi cho mọi người hẹn hò để giao-dịch, khỏi phải đi đâu xa. Thật là tiện, khỏi mất thì giờ xê dịch, tốn tiền xe. Giá xứ nào cũng tổ chức một cách hợp lý như thế thì đỡ vất vả cho những đứa làm nghề của chúng ta biết mấy.

Nhờ sự tiếp xúc thường xuyên với nhiều hạng người, tôi có thể dám nói chắc với anh là tôi đã cảm thông được với tâm trạng của người dân Do-thái rất nhiều.

Đáng tội nghiệp nhất là một ký-giả đã viết: «Israëlis indispensable to

(1) L.T.S Xin xem Bách Khoa số 404 (9.2.74)

no one» (Israël không cần thiết gì cho ai cả). Mỗi người gặp tôi, từ già, trẻ, lớn, bé, đàn bà, đàn ông đều níu lấy, bắt tôi phải uống cà-phê với họ và nghe họ than thở kẻ lề. Vì họ đã than với nhau quá nhiều, gặp người mới đến lại làm nghề viết lách và đang muốn tìm hiểu, tha hồ cho họ trút tâm tình.

Sáng nay, một ông già bảy mươi tìm đến gặp tôi, nhắn tôi có viết thư về cho các anh thì nói hộ rằng: Do-thái như một tấm kính, lấy đá mang chọi vào kính, tất kính phải vỡ, mà lấy tấm kính mang chọi vào đá thì rồi kính cũng phải vỡ. Ý ông già muốn nói là Do - thái có thắng trận hay thua trận gì cũng vẫn là thua trận. Sau một hồi suy nghĩ, ông già sửa lại: «Không, xin sửa lại: chúng tôi như pha-lê, cô nói giùm thế, chúng tôi như pha-lê . . .»

Hiện nay tuy họ vẫn nói rằng họ mạnh và đủ sức chống trả, đủ sức ừ chối, không nhượng bộ, nhưng trong thâm tâm người nào cũng lo sợ biết rằng xứ Do-thái quá bé nhỏ, người Do-thái quá ít, họ không thể nào chịu đựng một cuộc chiến trên mấy tháng chứ đừng nói đến hàng năm như ai.

Kể qua về cuộc họp báo cho anh nghe, đây là một cuộc họp báo đặc biệt của một ông Tướng mới được chỉ định đề liên lạc với báo chí. Mới họp báo lần thứ nhất trong đời nên ông bị ký-giả quay ông ta điên đảo. Chắc anh không lạ gì mấy nhà báo trẻ của xứ Hoa-kỳ, họ chỉ cần đi săn

tin giật gân, không cần biết đến mỗi nguồn tin được tung ra sẽ mang lại những hậu quả gì cho xứ họ đang đến.

Phải công nhận là Do-thái không dễ chơi, kẻ cắp gặp bà già là đây. Ký giả đến xứ này phải chịu hết mọi điều kiện, phải ký những tờ giấy cam kết, chịu hết mọi thứ kiểm soát vì vấn-đề an-ninh quốc-gia Do-thái. Đi đâu phải có sĩ-quan hộ tống, nếu không sẵn sĩ quan thì bó gối ngồi chờ. Phải trả tiền xăng, phải thuê xe lấy, phải đánh một vòng cả trăm cây số đi đón sĩ quan hộ tống. Phải tự nuôi lấy thân, tức là thức ăn và nước uống, chứ đừng mong dựa vào chính phủ.

Nhiều ông ký giả quen thuộc với sự dễ dãi của Việt-Nam nên họ la lối, nhưng la cũng vô ích.

Ban đầu tôi định chỉ làm một thiên nghiên-cứu về quân-sự, nhưng gặp lúc này họ đang ở trong tình trạng quá ưu tư, lại sắp có cuộc bầu cử Quốc-hội nên họ không muốn tiếp xúc nhiều với ký giả. Tôi phải đổi lại thành một thiên nghiên-cứu tình-trạng xã-hội. Không thêm gặp ông lớn bà lớn, mất công châu chực, đi gặp dân chúng nghe và nhìn được nhiều hơn. Ở đây mọi người ai cũng nói hai ba thứ tiếng nên sự tiếp xúc không bị cản trở.

Nói đến lòng yêu nước của người Do-thái thì chắc chúng ta phải cất mũ chào. Hôm qua tôi gặp một ông bác sĩ trẻ mới ra trường, từ Pháp sang đề xin giúp thí công trong các

bệnh viện. Không những giúp việc thôi, ông ta mang theo ba ngàn đô-la, mà còn chịu xén đi hai ngàn để giúp công quỹ, còn một ngàn thì tiêu để xén để sống trong mấy tháng. Nói ra chẳng mấy ai tin, nhưng tình cờ tôi đọc được một bức thư cảm ơn của quỹ tiếp-tế gửi cho ông ta, hứa sẽ dùng số tiền một cách ích lợi cho xứ sở.

Anh nghe có nề không, người dân xứ khác nghe chiến tranh chưa đến thì đã vội bỏ nhau đi ra nước ngoài, làm bồi làm bếp để kéo dài cuộc sống thừa !

Một số người hỏi tôi :

— Tại sao xứ cô mà cũng chú ý đến xứ chúng tôi, tưởng rằng xứ cô thì thiếu gì ưu tư khác ?

— Các ông lầm, bộ xứ tôi không có thông tin báo chí quốc nội quốc ngoại sao. Điểm thứ hai là tại sao mấy hôm nay các ông không ngừng mời mọc tôi để than thở, thì xứ tôi nghe mãi chuyện đau thương của mình cũng phải đổi món chứ.

Họ vẫn còn ngờ vực cho rằng xa xôi mà làm sao hiểu nhau. Tức quá tôi thách họ, cho họ chất vấn, nhưng trước hết tôi có rào đón, đây là các ông gặp thứ ký giả hạng trung. Có gì tôi nói không được thì phải nghĩ rằng nếu các ông được cái hân hạnh về xứ tôi mà gặp những đại ký-giả thì các ông sẽ thấy....

Mỗi một câu nói ấy mà tôi thấy họ đã có vẻ chịu thua muốn bỏ cuộc rồi. Nhưng rồi họ không bỏ cuộc và lúc đó tôi mới giật mình biết rằng đã

đóng cái vai «điếc không sợ súng». Nhất là tôi chỉ có một mình mà bên họ những năm người.

Anh có muốn tôi kể cho anh nghe tôi bị chất vấn những gì không ?

Hỏi : Khởi điểm nguyên-thủy của bi-kịch Trung-Đông ?

Trả lời : Lời nguyện của Noé đối với thằng con trai Canaan : « Maudit soit Canaan, qu'il soit l'esclave des esclaves de ses frères ». Béni soit l'éternel, Dieu de Sem, et que Canaan soit leur esclave ». Điểm thứ hai là sự tranh chấp của các cường quốc, mỗi lợi của các Tur-bản đầu hóa.

H : Tuyên cáo Balfour ra ngày nào? Ngày nào chấm dứt quyền thụ nhiệm của Anh quốc và ngày nào Israél được độc lập ?

T.L : Balfour ngày 2-11-1917. Anh quốc mất quyền thụ nhiệm, o giờ ngày 15-5-1948 và Israél độc lập một ngày trước : 14-5-1948.

H : Tên của Thị xã Thủ đô của Sinai ? Tên riêng của bà Eve ?

T.L : El Arish. Bà Eve trùng tên với đứa con trai sau Cain và Abel.

H : Ai điền hình cho lòng hiếu khách của Do-thái theo ý cô ?

T.L : Theo tôi thì Lot có thể điền hình cho lòng hiếu khách.

H : Năm nào người ta cắt chia vùng Golan cho Từ Lợi Á ?

T. L : Sau thế chiến....

May quá cuộc chất vấn của họ ngừng ở đây, chẳng biết họ nghĩ gì thật ra thì chỉ là một sự may mắn.

cho tôi vì hai năm trước đã từng đến làm việc với một đài truyền hình ở El - Arish. Sau đấy về xứ lại có dịp nói chuyện với quý vị sinh viên ở trường Cao-đẳng Quốc-phòng, và tôi hay ăn cắp Thánh-kinh của các phòng trọ ở những nước nào mình đi qua. Tôi còn hay tìm và phân tích những điểm mâu thuẫn trong Thánh-kinh để giải trí mỗi khi nằm đêm không ngủ được ở những đô-thị xa lạ...

Anh có thấy đây là cả một sự... mà nôm na xứ ta gọi là «chó ngáp phải ruồi» chứ nếu họ ác, đặt những câu hỏi khác thì tôi có mà chết vì mù tịt. Bây giờ thì họ yên chí là dân ta rất chú trọng đến chuyện xứ họ. Chỉ phải một cái nạn là sau đó họ mang thêm bạn bè dẫn đến giới thiệu để xem mặt như đi sở thú nên cũng hơi bức mình. Có ông còn đồ bộ ngay đến phòng trọ và có ông cho mang hoa đến, chỉ tô điểm cho phòng chủ nhà, vì phòng tôi làm gì chịu nổi mùi hoa ban đêm, mở cửa ra thì lạnh chết.

Hôm qua suốt gần buổi sáng tôi bị một tờ báo đến phỏng vấn, họ tò mò một cách dễ sợ, hỏi chi mà hỏi ác, tôi cũng làm một nghề với họ mà tôi đâu có tò mò quá vậy. Sau đó tôi phản nản với mấy người khác thì họ bảo, độc-giả xứ này ưa như vậy. Họ vớ được một tấm ảnh của tôi lúc ra viếng tiền đồn xứ ta từ năm ngoài năm kia gì đó mà họ mang ra chụp lại để đăng lên báo cho độc giả so sánh cái tiền đồn đồng lầy của Việt-Nam ta và cái tiền đồn khô cằn của họ.

Mỗi lần đi như thế này chỉ ngại nhất là vấn đề ăn uống. May mà lúc đi có kẻ thương tình cho bánh đậu xanh và thịt bông nếu không thì chắc có nhiều lúc đại nạn. Tôi khó tính, chỉ ăn được một vài thứ, mà đi ăn thì bao giờ cũng bận nói chuyện nên không ăn được, để rồi về nhà nửa đêm hoặc độ ba bốn giờ sáng là dạ dày cào. Xin khai kinh nghiệm ra để quý đồng nghiệp, nhất là nữ đồng nghiệp, sau này có hành nghề thì nhớ lấy. Thực ra trong nhà trọ mọi người đều có vẻ thương và nể cô ký lăm. Thấy tôi không xuống ăn sáng là ông quản-lý mang dẫu đi một ít toast và các thứ, sợ người khác ăn hết. Sau đó chờ tối xuống họ mới đi đun nước trà riêng cho tôi. Họ đâu có biết là tôi dậy từ bốn giờ sáng và đã uống nước trà trong phòng, làm việc xong rồi mới xuống.

Người dân bên này phải nhận là họ thông minh dễ sợ, các nhà khoa học nên mò thử vài bộ óc của họ xem họ có những gì bên trong khác người. Nói chuyện với họ rất vui, tha hồ đớp chát nhau.

Cái nạn đàn bà nhiều hơn đàn ông đang sắp lên đến một độ bi đát, nhất là với cuộc chiến này mà Do-thái đã thiệt mất mấy nghìn thanh niên chết và hiện đang bị thương trầm trọng. Có nhiều bà sống hầu như suốt đời với mối tình «Tứ-địa» vì các bà rất thông minh, mà khi người đàn bà thông minh, tức là đã bị một số đàn ông loại bỏ, hay chính các bà phải loại bỏ một số đàn ông kia rồi.

Hình như người đàn ông càng thông minh lại càng thích vợ búp-bế để cho khỏi mệt trí óc. Hơn nữa theo luật Do-thái chỉ con của người đàn bà Do-thái mới được kể là Do-thái, và người đàn bà giữ đạo khá cẩn thận. Họ cũng khó mà lấy chồng xứ người vì còn có những sự kỳ thị về tôn-giáo.

Không xé rào lẫn anh em, thư tôi chỉ kể cho anh nghe những chuyện vợ vẫn đề dành cho các anh nói chuyện đại sự nhé. Nói đến xé rào, hôm nọ đi suốt ngày trên ngọn đồi Golan để xem những vùng biên giới

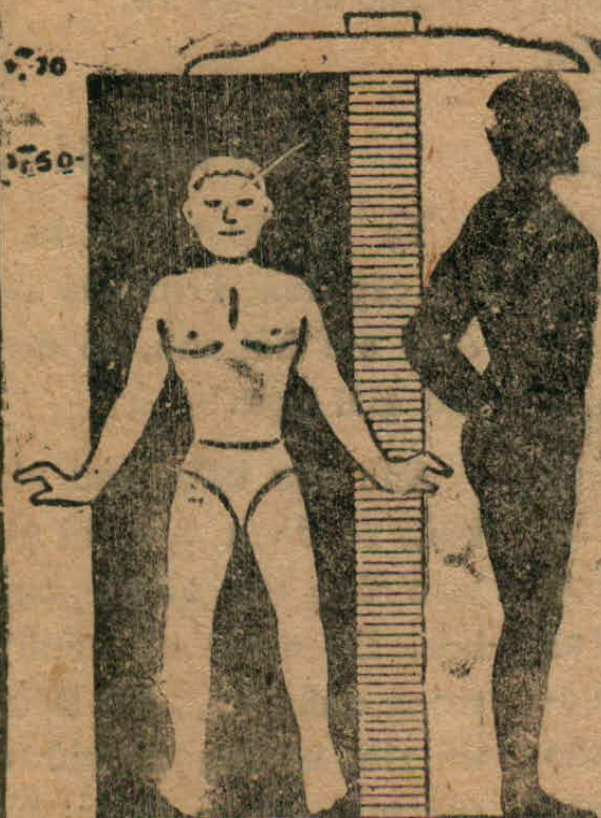
mới, những hàng rào bị xé tung và nói chuyện với các chiến-sĩ Do-thái. Ở vùng Qunetra là nơi mà chiến tranh đã xảy ra ác liệt nhất, đánh nhau đến bốn lần... Có những làng mạc chỉ còn lại người Druses, người Syriens chạy hết, trẻ con đông mà thầy giáo bỏ chạy nên trường học đóng cửa. Tội nghiệp không?

Thôi thư dài rồi, hẹn anh thư sau. Tuy ở xa nhưng tôi cũng biết cái nạn khan giấy. Chúc các anh mạnh, thăm hết Tòa soạn.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Đính chánh một điểm nhầm lẫn

Bách Khoa số 405 ra ngày 28-2-74, trong bài «Đi thăm nhà thờ cụ Huỳnh» của Xuân Tùng có một điểm nhầm lẫn, và tác giả đã viết thư đính chánh như sau :

«Số là theo lời kể của cô Huỳnh-thị-Hồng — và cả Ô. Huỳnh-Toản nữa — thì rề cụ Huỳnh là Ông Lê-Nhiếp, chồng cô Thu-Cúc, sau này tập kết biệt tăm.

«Nhưng vừa rồi, sau khi đọc bài tường thuật trên, Ông Lê-tấn-Thận hiện là giáo sư trường nữ Trung-học Quảng-Tín và là cháu thúc bá Ông Lê-Nhiếp (gọi ông này bằng bác) có đến gặp tôi và cho biết : Ông Lê-Nhiếp không đi tập kết như lời cô Hồng mà hiện cư ngụ tại Gia-Định, số 227/7 lô 1 cư-xá Trương-minh-Giang (Gia-định).

«Vẫn theo lời giáo sư Lê-tấn-Thận thì ông Lê-Nhiếp năm nay đã 69 tuổi, không những là rề mà còn là bí thư cụ Huỳnh trong suốt thời kỳ làm báo «Tiếng Dân» cũng như tham chính. Ông còn là tác giả tập «Thi văn các nhà chí sĩ Việt-Nam» dưới bút hiệu Nam-Sơn.

«Sau khi người vợ trước là cô Thu-Cúc chết, ông lấy vợ kế, con của cụ Nguyễn-đình-Hiến, một vị khoa bảng tại Trung-Lộc, quận Quế-Sơn. Sau đình chiến 54, ông rời quê nhà (xã Sơn - Tây, quận Hiệp - Đức) ra Đà-Nẵng ở một vài năm và sau đó vào Sài-gòn sống với 3 cô con gái, người con trai duy nhất đã tử trận cách đây

vài ba năm.

«Theo tôi nghĩ : sở dĩ Ông Huỳnh Toản và cô Huỳnh-thị-Hồng, sau này không theo dõi được tung tích của ông Lê-Nhiếp, một phần vì sự xa xôi cách trở (từ quê cụ Huỳnh ở quận Tiên-Phước đến quê Ông Lê-Nhiếp, quận Hiệp-Đức, có đến 50 cây số đường rừng) phần khác từ sau 1945 trở đi, chiến tranh bùng nổ triền miên, sự liên lạc đôi bên gián đoạn (nhất là sau cái chết của cô Thu-Cúc); đó là những yếu tố chính để cả hai cha con ông Huỳnh-Toản suy luận và đính ninh là ông Lê-Nhiếp tập kết rồi chẳng ?

«Dù sao, với sự nhầm lẫn trên, tuy chỉ là kẻ chép lại theo lời kể, tôi cũng tự thấy có trách nhiệm một phần, xin các anh vui lòng cho đính chính lại trên Bách-Khoa để một mặt, thành thật xin lỗi cùng ông Lê-Nhiếp, mặt khác, tránh một vài ngộ nhận đáng tiếc có thể xảy ra.»

XUÂN TÙNG

Bỏ kaki để vẽ và dạy vẽ

Tạ Ty sắp trả lại ba thước kaki và cặp lon Trung-tá cho quân đội. Anh em hỏi anh, có dự định gì sau khi giải ngũ.

Anh cho biết, sau khi già từ vũ khí, sẽ dành hết thì giờ cho công việc sáng tác về văn chương và hội họa. Đã ngoài 20 năm bị trói buộc trong quân kỷ, nhất là mất hết nhiều thì giờ, những thì giờ quý báu nhất của tuổi trẻ có lẽ cả đời người, để phục vụ quân đội, nên lúc này là

giai đoạn cuối cùng cần phải sử dụng hết khả năng cho nghệ thuật. Hiện anh đã chuẩn bị rất nhiều khung vải tại phòng vẽ riêng với bao nhiêu dự phóng tương lai. Anh sẽ làm việc và hy vọng mở phòng triển lãm gồm 50 họa phẩm Trừu tượng mới nhất và 60 khuôn mặt văn nghệ vào đầu năm 1975. Ngoài ra, anh còn nhất quyết mở lớp Hội họa do chính anh phụ trách. Lớp Hội họa này có 3 cấp:

1.— Lớp thực hành (nhằm đào tạo những chuyên viên có thể hành nghề ngay sau thời gian thụ huấn).

2.— Lớp bồi túc (dành cho những

người đã biết Hội họa muốn học thêm về chuyên môn).

3.— Lớp Tài tử (dành riêng cho các vị yêu nghệ thuật muốn thực hành Hội họa).

Anh đương nghiên cứu về các môn học và thời lượng dành cho mỗi khóa học. Anh cũng có ý mời một số Họa sĩ và Giáo sư danh tiếng cùng hợp tác với anh trong chương trình này.

Chúng tôi cầu mong cho mọi dự tính của Tạ Tỵ thành hình, nhất là các lớp Hội họa do chính anh phụ trách sẽ có đông đảo môn đệ, vì tài năng và uy tín của Tạ Tỵ đủ bảo đảm cho kết quả.

SINH HOẠT: Tuyên-ngôn và hội thảo về Hạn chế sinh sản, Kế hoạch gia đình

Năm 1974, Liên-Hiệp-Quốc đề xướng là năm Dân số nên những buổi hội thảo về Dân số, về kế-hoạch gia-đình được tổ chức liên tiếp tại Saigon với tiếng nói của chính quyền và của các đoàn thể.

Phong trào Hưng-giáo Văn-đông do L.M. Hoàng Sỹ Quý làm Chủ-tịch (1) có ra một Tuyên ngôn về vấn đề «Hạn chế sinh sản». Trong lá thư gửi bản Tuyên-ngôn này cho các báo chí, Ông Chủ tịch Phong trào H.G.V.Đ. có nhấn mạnh rằng quan điểm của Phong trào cũng là quan điểm của Khối tranh đấu gồm 4 nhóm: Phong trào H.G.V.Đ., Đại học Minh Đức, Y-sĩ đoàn Công giáo, Hội Nghiên-cứu Văn-hóa Dân-tộc.

Bản Tuyên ngôn mở đầu nói rằng

nhân số hoàn cầu ngày nay đã gia tăng đến một mức đáng ngại, trong khi chưa giải quyết nổi nạn nghèo đói. Con cái nhiều gia đình đông con sống nheo nhóc nên những ai thức thời và thành tâm yêu thương đồng loại đều không thể phản đối việc hạn chế sinh sản. Nhưng cái mà Phong trào H.G.V.Đ. phản đối là những phương sách hạn chế sinh sản không tôn trọng nhân phẩm, trách nhiệm và tự do của cá nhân cũng như của gia-đình.

Theo bản Tuyên ngôn thì con người có tự do và trách nhiệm định đoạt về số phận riêng của mình, nhưng cũng có trách nhiệm đối với cộng

(1) L.m. Hoàng-Sỹ-Quý cũng là Chủ nhiệm Nguyệt san «Phương Đông».

đồng, với những người đang sống cũng như với tiền nhân và các kẻ sẽ sinh ra.

Cha mẹ vì vậy phải có trách nhiệm về số con sinh ra, không thể sinh đẻ bừa bãi rồi không nuôi nấng và dạy dỗ con cái đúng mức. Bởi thế, nếu phải hạn chế số con là vì muốn tránh cho con sinh ra khỏi sống nheo nhóc chứ không phải ngại gánh nặng gia đình và ham hưởng lạc.

Phương pháp hạn chế sinh sản tốt nhất là tiết dục nơi vợ chồng. Bản Tuyên ngôn không tán thành những phương pháp ngừa thai phản tự nhiên và phản đối sự phá thai cũng như phản đối những luật dễ dãi, những tuyên truyền và hành động mở đường cho việc ngừa thai nhân tạo thả cửa, đưa thanh thiếu niên vào đường truy lạc, dân tộc đến chỗ bạc nhược và diệt vong, sự kính trọng và biết ơn đối với cha mẹ không còn và tuổi già sẽ thành cô đơn như tại các xã hội hưởng thụ ở Âu Mỹ.

Tóm lại theo bản Tuyên ngôn, kế hoạch-hóa gia-đình là san sẻ của cải trong nước cũng như trên thế giới, là tận tụy giúp đỡ các nước nghèo phát triển kinh tế, chuyên chú sản xuất thực phẩm và giáo dục làm người.

Riêng tại Việt-Nam mưu gặp hòa bình trong tự do, tìm vốn để sản xuất, gây tương tín và đoàn kết giữa mọi người dân hơn là hạn chế sinh sản phản truyền thống dân tộc.

Chiều thứ Bảy 23-3-1974, hồi 3 giờ, một cuộc hội thảo về vấn đề điều hòa sinh sản cũng được tổ chức tại Hội-trường nhà dòng Phan-xi-cô, Đakao, Saigon, đặt dưới quyền Chủ tọa danh dự của các vị đại diện tôn giáo: Công giáo, Phật giáo, Tin lành, Cao đài...

Cuộc hội thảo qui tụ mấy trăm người ngồi chật cả trong phòng lẫn ngoài hành lang. Bốn thuyết trình viên — Bác sĩ Nguyễn Thị Thanh, Nghị sĩ Lê Châu Lộc, Giáo sư Thạch Trung Giả, Linh mục Trần Hữu Thanh — lần lượt lên tiếng về đề-tài « Hạn chế sinh sản », dưới khía cạnh Y khoa, Pháp-lý và Xã-hội, Tâm lý con người chuyên viên, Lương tâm và Luân lý, đã được các người tham dự tán thưởng vỗ tay nhiều lần.

Đặc biệt linh mục Trần-hữu-Thanh, trong phạm vi lương tâm và luân lý, đã phân tích rất kỹ về những chủ đích hay lý do hạn chế sinh đẻ cũng những phương pháp ngừa thai và phê phán về giá trị luân lý của các chủ đích và phương pháp nói trên. Ngoài chủ đích công khai về hạn chế sinh sản (lý do kinh tế, hạnh phúc gia đình, quyền lợi con cái) còn những lý do uẩn khúc: hưởng lạc vô trách nhiệm, người da trắng ham hưởng lạc, hạn chế sinh đẻ, dân số đứng lại hay sụt xuống, nên kinh hoàng trước sự gia tăng dân số của dân da màu, muốn ngăn chặn lại; lòng tham của các xí nghiệp sản xuất thuốc ngừa thai và vòng xoắn. L.M. Thanh đã bác bỏ các lý do công khai cũng như uẩn khuất về hạn chế sinh đẻ. Ông cũng bác bỏ các phương pháp ngừa thai và cho rằng chỉ có phương pháp ngừa thai thiên nhiên là hợp lý. Sau hết Ông xác định chính phủ không có quyền hạn chế lương con đến 4 đứa, không có quyền làm khó dễ người có đông con. Trái lại chính quyền cần tổ chức an ninh xã hội, áp dụng lương gia đình, ấn định luật pháp con nuôi, tiến tới giáo dục miễn phí, phụ khoa miễn phí, bệnh viện miễn phí. v.v...

Tham vọng ngoại giao...

(tiếp theo trang 13)

bản tại Trung-Đông. Thỏa hiệp giữa Nga và Mỹ đã buộc các quốc-gia Ả-Rập và Do-Thái phải bó tay ngưng chiến. Trong suốt 4 tháng trời áp-lực của Nga với phe Ả-Rập và áp-lực của Mỹ với Do-Thái đã đưa các quốc-gia lâm chiến Trung-Đông tới chỗ ngồi với nhau để thảo luận các điểm về chấm dứt chiến tranh tại vùng này.

Trong 5 trời hoạt-động ngoại-giao ông Henry Kissinger đã thành công một phần nào trong việc thiết lập thể quân-bình kiểu Metternich trên thế-giới. Nhờ có các hoạt-động của ông mà tình-trạng hòa-dịu thế-giới đã được tăng cường và củng cố rất nhiều. Sau các nỗ lực ngoại-giao không biết mỏi mệt của ông mà Trung Cộng đã nổi lại liên lạc với Hoa-Kỳ sau 23 năm gián đoạn. Cuộc chiến-tranh lạnh chỉ còn là một hình ảnh của quá khứ.

Tuy nhiên hệ-thống ngoại-giao của ông Kissinger còn rất nhiều kẽ hở. Trước hết là thái độ của Trung Cộng hiện thời còn hết sức bí mật. Người ta không biết rõ là Bắc-kinh đã thật sự cộng tác với thế-giới bên ngoài hay hầy còn tiếp tục thu mình trong đời sống quốc nội. Với những cuộc thanh trừng nội bộ, với những phong trào đả phá Khổng-tử, có lẽ Trung Cộng chưa giải quyết xong các khó khăn nội bộ để sẵn sàng chấp nhận một vai trò quốc-tế quan trọng hơn.

Nhật thì chưa sẵn sàng lãnh nhận

các trách nhiệm quốc tế vì muốn có một vai trò hữu hiệu Nhật cần phải tái vũ trang. Nhưng hiện thời dư luận Nhật cũng như các chính đảng khuynh tả đều chống đối việc tái vũ trang nên lúc này dù có muốn đóng một vai trò quan trọng trên trường quốc tế đi nữa thì chính phủ Nhật cũng không dám dẫn thân vào con đường tái vũ trang. Ngoài ra có lẽ cứ giữ vai trò thống trị kinh-tế như hiện thời Nhật lại có lợi nhiều hơn.

Về phía Tây-Âu thì người ta thấy Hoa-kỳ gặp rất nhiều sức chống đối hết sức mãnh liệt. Hai ông Nixon và Kissinger định là sau khi giải quyết chiến cuộc Việt-Nam thì năm 1973 sẽ là «năm của Âu-châu». Nhưng các cố gắng của Hoa-kỳ trong việc tổ chức lại Minh-ước Đại-tây-dương không được một quốc gia Âu-châu nào hưởng ứng. Trong các ngày gần đây, Pháp đang phát động phong trào chống Mỹ vì càng ngày nước này càng sợ Hoa-kỳ tăng gia thống trị trong một thế-giới ổn định và quân bình hơn.

oOo

Trong khoảng 5 năm trời, Henry Kissinger đã thay đổi khuynh hướng của bang-giao quốc-tế. Từ một tính cách song cực với sự đương đầu trực tiếp giữa Nga và Mỹ ông đã biến thế giới thành đa cực với 5 lực lượng lãnh đạo. Lẽ ra thì các nỗ lực đưa Trung Cộng, Tây-Âu và Nhật tới vai trò lãnh đạo của Kissinger phải được các nước này

nồng nhiệt đón nhận. Nhưng thật ra cả 3 nước và khối này đã tỏ ra hết sức dè dặt. Tuy họ không chê vai trò lãnh đạo nhưng cả thầy đều tỏ ý nghi ngờ Kissinger khi thấy ông này hoạt-động ngoại-giao một cách quá cò-diều và bảo-thủ. Với ông, Hoa-kỳ đã áp dụng các phương-pháp ngoại-giao của thời-đại quân-chủ với những cuộc mật đàm cùng những quyết định đôi khi độc đoán mà các

tiểu quốc phải ép buộc chấp nhận. Theo gương Metternich là một yếu-tố thành công và là nét độc-đáo của Kissinger, nhưng áp dụng phương-pháp của Metternich lại cho Kissinger nhiều thù hơn là bạn. Vì ta không nên quên rằng Metternich là một trong những nhân vật bị lịch-sử phán xét nghiêm khắc nhất.

TỪ MINH

**hãy
hút...**



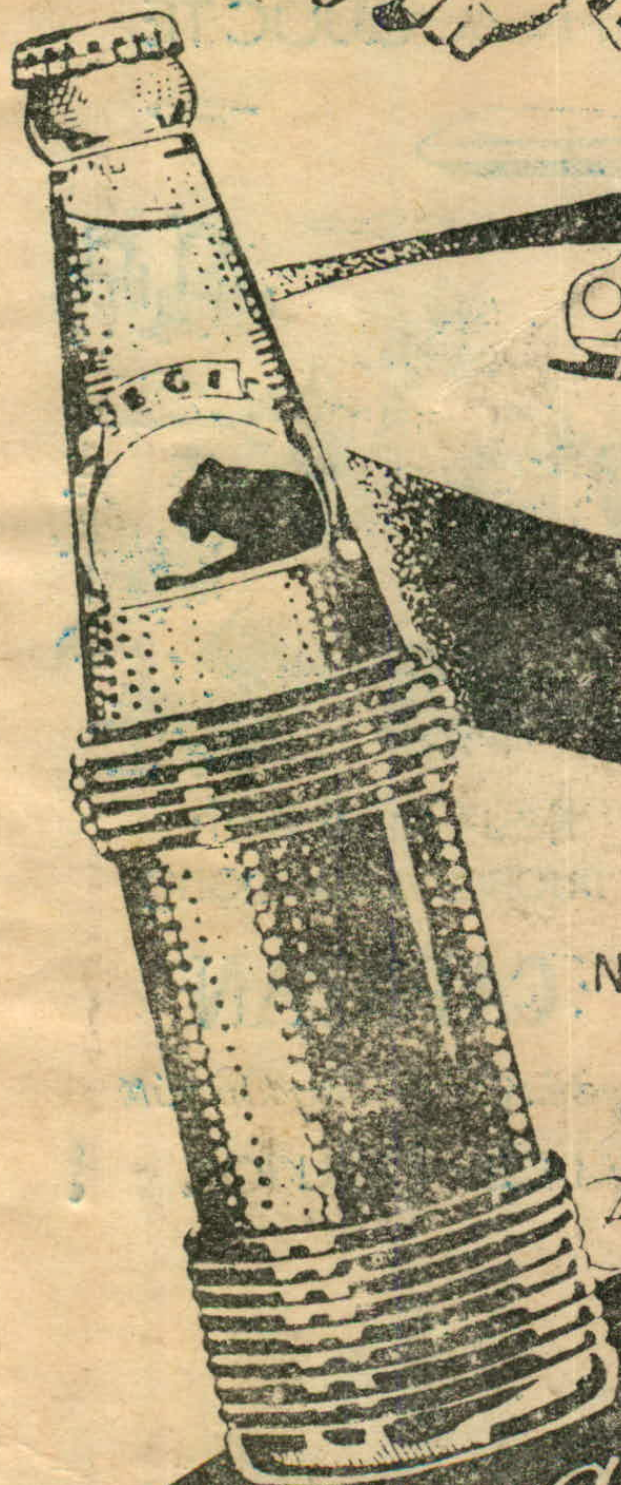
BASTOS *trời*

ĐẦU LOC
truyện hảo



Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc **QUỐC TẾ**

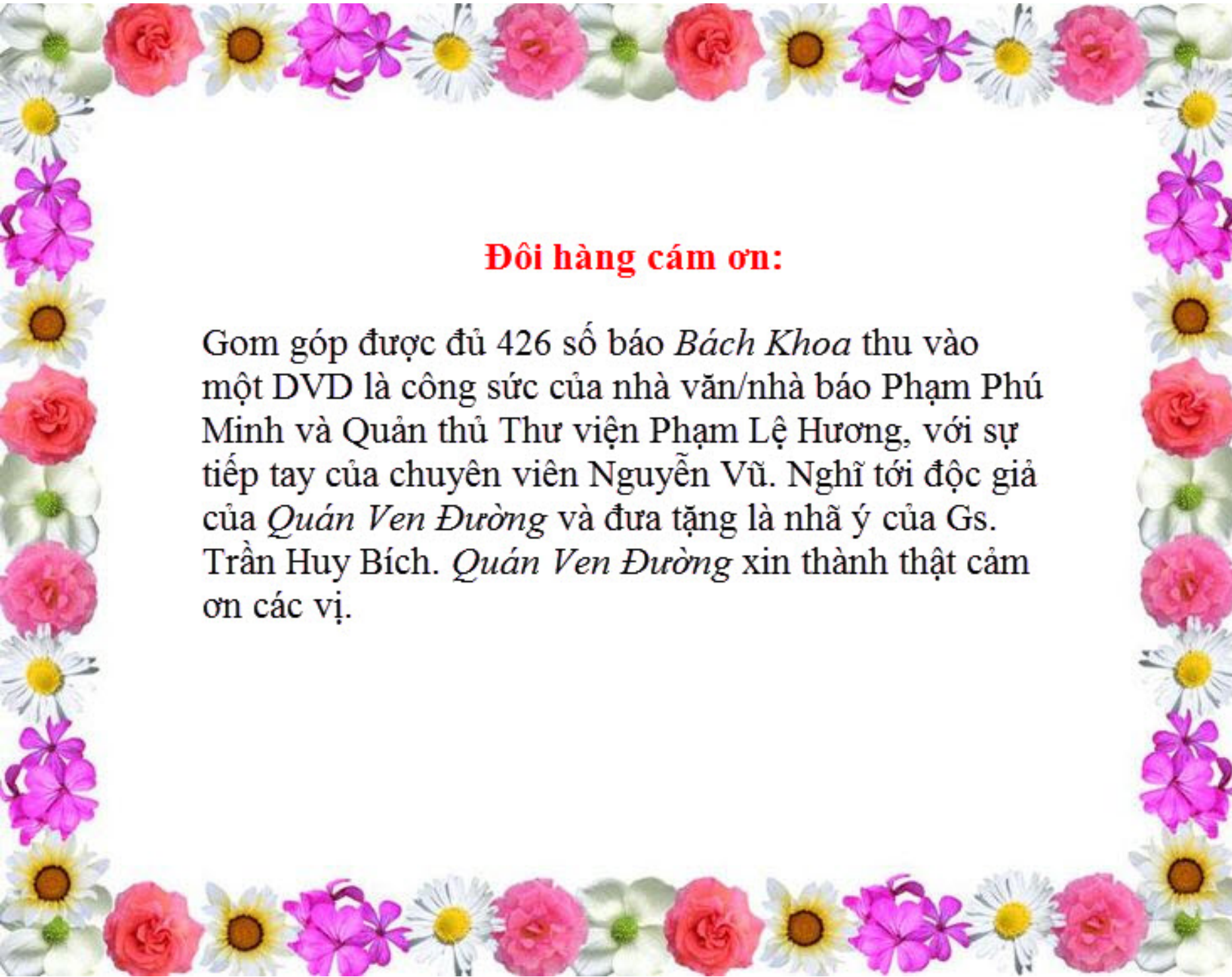


Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc



Đôi hàng cảm ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ. Nghĩ tới độc giả của *Quán Ven Đường* và đưa tặng là nhũ ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.